**KINH VIÊN GIÁC  
Ngài PHẬT ĐÀ ĐA LA dịch chữ Phạn ra chữ Hán  
Tu sĩ THÍCH THIỆN HOA dịch chữ Hán ra chữ Việt**

# A. PHẦN TỰ

Chính tôi được nghe như vầy: Một hôm, Phật nhập Chánh định (Chơn tâm) là nơi an trụ của chư Phật, cũng là chỗ thanh tịnh sáng suốt của chúng sanh.

Phật tùy thuận cảnh giới bất nhị (không hai) là chỗ thể tánh bình đẳng của chúng sanh và chư Phật. Thể tánh này thanh tịnh viên mãn khắp giáp cả

mười phương, tâm và cảnh đều vắng lặng (ngã pháp đều không).

Từ cảnh giới “bất nhị” này mà hiện ra có các cõi Tịnh độ và mười vạn vị Đại Bồ tát, như ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, ngài Phổ Hiền Bồ tát, ngài Di Lặc Bồ tát, ngài Phổ Nhãn Bồ tát, ngài Kim Cang Tạng Bồ tát, ngài Di Lặc Bồ tát, ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ tát, ngài Uy Đức Tự Tại Bồ tát, ngài Diệu Âm Bồ tát, ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát, ngài Phổ Giác Bồ tát, ngài Viên Giác Bồ tát, ngài Hiền Thiện Thủ Bồ tát v.v... Những vị Bồ tát này, đều được bực Thượng thủ trong chúng hội, cùng với quyến thuộc đều nhập chánh định, dồng ở trong Pháp hội thanh tịnh bình đẳng của Như Lai (ở trong Viên giác).

**LƯỢC GIẢI**

“Viên giác” tức là chỉ cho “Bản tâm thanh tịnh”. Vậy muốn nói và nghe cảnh giới thanh tịnh, cố nhiên không thể ở nơi cảnh vọng tâm mà nói và nghe được, nên Phật nhập Chánh định để nói kinh Viên Giác, thì các Bồ tát cũng nhập Chánh định, mới nghe và hiểu được Kinh Viên Giác. Các Phật tử đọc Kinh này, trước phải định tâm chuyên chú mới hiểu được.

Đại ý đoạn này là Phật và Bồ tát nhập Chánh định để nói và nghe kinh Viên Giác.

**B. PHẦN CHÁNH TÔN**

# Bài thứ 1: CHƯƠNG VĂN THÙ

**1. NGÀI VĂN THÙ HỎI PHẬT**

Khi ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi chắp tay đảnh lễ và quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Ðại bi Thế Tôn, xin Ngài vì thính chúng trong pháp-hội hiện tại nầy và các chúng sanh cầu Ðại thừa đời sau, từ bi chỉ dạy:

1. Nói lại nhơn địa tu hành thanh tịnh của Như Lai;

2. Các vị Bồ tát đối với Ðại thừa, đã phát tâm thanh tịnh (Bồ đề) rồi, làm sao xa lìa được các bịnh (trừ vọng); khiến cho các chúng sanh khỏi đọa vào đường tà (tà kiến).

Ngài Văn Thù Bồ tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính lạy rồi trở lui, cùng với đại chúng ngồi yên lặng, để chờ nghe lời Phật chỉ giáo.

**LƯỢC GIẢI***Ðại ý đoạn nầy là ngài Văn Thù hỏi Phật hai điều:*

*1. Phật đã tu hành như thế nào mà được thành Phật?*

*2. Các vị Bồ tát, khi đã phát tâm Bồ đề rồi, làm sao cho các vọng đừng sanh?*

*Câu hỏi thứ nhất giống như câu hỏi trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan hỏi Phật: “... Xin Phật chỉ dạy cho con phương pháp nào mà tất cả các đức Phật tu hành đều được thành đạo chứng quả ...”.*

*Câu hỏi thứ hai, giống như câu hỏi trong kinh Kim-Cang, ngài Tu Bồ Ðề hỏi Phật: “... Làm sao an trụ Chơn tâm và làm sao hàng phục được Vọng tâm...” (Vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm).*

**2. PHẬT KHEN NGÀI VĂN THÙ**

Khi ấy đức Thế Tôn kêu ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát mà dạy rằng:

- Nầy Thiện nam, quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát hiện tại và tất cả chúng sanh đời sau cầu pháp Ðại thừa mà thưa hỏi:

1. Nhơn địa tu hành của Như Lai;

2. Khi đã phát tâm thanh tịnh rồi, làm sao xa lìa các bịnh, để khỏi đọa vào tà kiến. Vậy ông hãy chăm chú nghe, tôi sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi đó Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát và đại chúng đều hoan hỷ, vừa kính cẩn và vừa chăm chú chờ nghe lời Phật dạy bảo.

**LƯỢC GIẢI**

*Phật trước khen ngợi, rồi sau dặn dò phải chăm chú nghe, là vì “Viên Giác” là cảnh giới thanh tịnh, phải định tâm chú thần mà nghe, không thể dùng tâm sanh diệt, ý nghĩ xằng xiêng mà nghe hiểu được.*

**3. PHẬT TRẢ LỜI CHO NGÀI VĂN THÙ**

- Này Thiện nam, Như Lai có pháp “Ðại Ðà-la-ni” (1) tên là “Viên Giác”. Từ tánh “Viên Giác” nầy mà sanh ra tất cả các pháp thanh tịnh: Chơn như, Bồ đề (Trí giác)  Niết bàn (Viên tịch)  và Ba la mật (Ðáo bỉ ngạn), nay ta sẽ dạy trao cho các ông.

Nầy Văn Thù, nhơn địa tu hành của các đức Phật, đều y “Viên Giác” nầy mà vĩnh viễn đoạn trừ vô minh, được sáng suốt thanh tịnh viên mãn, nên mới được thành Phật. Vậy “Vô minh” là gì?

**LƯỢC GIẢI**

*Ngài Văn Thù hỏi nguyên nhơn tu hành của các đức Phật thế nào? Ðến đây Phật mới trả lời: Tất cả chư Phật đều y “Viên Giác” để chiếu phá vô minh mà được thành Phật. Nào là: Chơn như, Bồ đề, Niết bàn và Bát nhã Ba la mật đa v.v... cũng đều từ “Viên Giác” nầy mà lưu xuất.*

*Vậy muốn ngộ được “Viên Giác” trước phải hiểu rõ Vô minh và diệt trừ Vô minh là điều cần nhứt.*

**4. PHẬT CHỈ “VÔ MINH”**

- Nầy Thiện nam, tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, bị nhiều món điên đảo làm mê mờ tánh “Viên Giác”, như người lạc đường, lầm lộn bốn phương. Ðiên đảo vọng hiện ra thân và tâm, rồi lầm nhận thân tứ đại giả hợp nầy làm thân mình, chấp cái vọng niệm sanh diệt duyên theo bóng dáng của sáu trần cho là thật tâm mình. Như người nhặm con mắt, thấy trong hư không có các hoa đốm, hoặc mặt trăng thứ hai. Thật ra trong hư không chẳng có hoa đốm hay mặt trăng thứ hai, nhưng vì người nhặm con mắt vọng chấp. Bởi vọng chấp, nên chẳng những không biết được hư không, mà lại thêm mê lầm: chấp thật có hoa đốm sanh. Vì mê lầm mà có sanh tử luân hồi, nên gọi là “Vô minh”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn nầy Phật chỉ rõ cái “Vô minh”. Vô minh là những cái vọng tưởng điên đảo che mờ tánh “Viên Giác” (bản tâm thanh tịnh).*

*Bởi Vô minh vọng hiện ra có thân có cảnh rồi chúng sanh trở lại chấp thật ngã thật pháp, tạo ra vô số nghiệp, mê mờ chồng chập, che đậy tánh Viên Giác! Vì thế mà nhiều kiếp sanh tử luân hồi, trầm luân trong biển khổ.*

*Cũng như người bị buồn ngủ (dụ cho Vô minh) nổi lên, làm cho mê mờ tánh tỉnh táo (dụ cho Viên Giác); nhơn đó hiện ra cảnh chiêm bao đủ cả người và vật (hiện thế giới và chúng sanh), rồi cũng khóc cũng cười, cũng mừng cũng giận, mỗi mỗi đều cho là thiệt cả, nên luyến ái triền miên, từ giấc chiêm bao nầy tiếp tục qua giấc chiêm bao khác, không biết chừng nào thức tỉnh.*

*Ðây là dụ cho Vô minh chồng chập che mờ tánh “Viên Giác” (Chơn tâm).*

**5. PHẬT DẠY “VÔ MINH” KHÔNG CÓ THẬT THỂ**

- Nầy Thiện nam! Cái “Vô minh” này không có thật thể (thật vật). Như người ngủ chiêm bao, thấy các cảnh vật, đến khi thức rồi, thì cảnh vật kia không còn; và như người hết nhặm, thì các hoa đốm trong hư không tự tiêu-diệt. Lúc bấy giờ không thể nói “thật có chỗ hoa diệt”, vì không thật có chỗ hoa sanh vậy.

Tất cả chúng sanh ở trong cái “không sanh diệt” (tánh Viên Giác) mà vọng thấy có sanh diệt, cho nên mới bị trầm luân trong biển sanh tử luân hồi.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật dạy: Tất cả chúng sanh vẫn ở trong bản tánh Viên Giác thanh tịnh không sanh không diệt, mà tự mình mê mờ (Vô minh) vọng thấy có sanh diệt, nên vĩnh kiếp triền miên, luống chịu trôi lăn trong biển sanh tử luân hồi, thật đáng buồn thương!*

*Nhưng “Vô minh” là hư-vọng, không có thật thể, cho nên khi giác ngộ rồi, thì nó tự hết. Cũng như cái “Tối”, vì nó không có thật thể, nên khi “Sáng” đến, thì “Tối” tự mất. Nếu Vô minh là vật có thật, như núi, như sông v.v... thì không dễ gì làm tiêu nó được.*

*Phật lại tỷ-dụ: Vô minh như chiêm bao, không phải thật vật, nên khi thức rồi thì cảnh chiêm bao tự mất. Vô minh như mắt người bị nhặm, thấy hoa đốm lăng xăng giữa hư không, khi hết nhặm rồi, thì hoa đốm liền tiêu.*

**6. PHẬT DẠY TU THEO “VIÊN GIÁC”**

- Nầy Thiện nam, nhơn địa tu hành của Như Lai là tu theo Viên Giác. Nghĩa là: biết các pháp đều hư huyễn, như hoa đốm giữa hư không, thì không còn sanh tử luân hồi và cũng không có người chịu sanh tử luân hồi.

Không phải phá hoại, làm cho các pháp mất đi mà kêu là không, chính bản tính của các pháp nó tự không. Cái “biết (năng biết) các pháp không” đó, cũng như hư không. “Cái biết như hư không”, cũng không luôn. Nhưng không thể nói: “không có cái biết”. Phải dứt trừ hết cả “có” và “không”, như thế mới gọi là “tùy thuận tánh Viên Giác” (tu Viên Giác).

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn nầy Phật dạy tu theo “Viên Giác”, có 5 từng bực:*

*1. Từng bực thứ nhất, là quán các pháp đều hư huyễn, như hoa đốm giữa hư không, nên không sanh tâm tham, sân, si. Ba độc không sanh, thì ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng tạo nghiệp. Vì không tạo nghiệp, nên không có cảnh luân hồi và người bị luân hồi.*

*2. Trên nói “cảnh bị biết” không, nói đến từng thứ hai là “cái tâm hay biết” cũng như hư không.*

*3. Ðến từng thứ ba, là cái biết “cái tâm hay biết cũng như hư không” cũng không luôn.*

*4. Sợ người lầm chấp cảnh giới nầy không có cái biết, nên đến từng thứ tư, Phật dạy tiếp: “không phải là không có cái biết”.*

*5. Ðến từng thứ năm, Phật dạy phải rời các vọng chấp “có” và “không”, mới nhập được tánh Viên Giác.*

**7.** **PHẬT VÀ BỒ TÁT ĐỀU TU THEO “VIÊN GIÁC”**

Tại sao thế? Vì trong Như Lai Tạng (Viên Giác) không có sanh diệt, không có thấy biết, như hư không thường còn, chẳng lay động, như tánh của pháp giới viên mãn khắp giáp cả mười phương.

Ðây gọi là chỗ nhơn địa tu hành của Như Lai, các vị Bồ tát cũng nhơn nơi đây mà phát tâm thanh tịnh tu theo Ðại thừa. Chúng sanh đời sau cũng phải y theo đây tu hành, mới khỏi đọa vào tà kiến.

**LƯỢC GIẢI**

*Như Lai Tạng là tánh Như Lai hàm chứa tất cả các pháp; cũng gọi là “Viên Giác”, cũng kêu là “Pháp giới tánh” (bản tánh của các pháp). Nó viên mãn khắp giáp cả mười phương, không có sanh diệt và cũng không tri kiến, như hư không thường còn chẳng lay động.*

*Phật dạy: Ðây là chỗ tu hành của Như Lai. Các vị Bồ tát cũng nhơn nơi đây phát tâm thanh tịnh tu Ðại thừa. Chúng sanh đời sau cũng phải y nơi đây tu hành mới khỏi lạc vào tà-đạo.*

*Ngài Văn Thù hỏi 2 câu:*

*1. Nhơn địa tu hành của Như Lai.*

*2. Các vị Bồ tát phát tâm Bồ đề tu theo Ðại thừa, làm sao phá trừ được các vọng? Ðến đây Phật đã dạy xong.*

**8. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi đó Ðức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng:

Văn Thù! Ông phải biết:  
Chỗ chơn địa tu hành  
Của các đức Như Lai  
Là dùng trí Viên Giác  
Phá trừ hết Vô minh:  
Biết các pháp hư huyễn  
Thì khỏi bị luân hồi.  
Cũng như người chiêm bao,  
Thức rồi cảnh mộng hết.  
Cái biết cũng không còn  
Sáng suốt khắp mười phương (Viên Giác),  
Bình đẳng không chuyển động,  
Tức thì thành Phật đạo.  
Các huyễn diệt hết rồi,   
Thành đạo cũng không thành:  
Xưa nay tánh viên mãn.  
Bồ tát y nơi đây,   
Phát tâm đại Bồ đề,  
Các chúng sanh đời sau,  
Tu đây mới khỏi đọa.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ nầy: Các Ðức Phật dùng trí Viên Giác phá trừ Vô minh. Nghĩa là: biết muôn vật đều hư huyễn, như hoa đốm giữa hư không, không sanh tâm nhiễm trước, nên khỏi bị luân hồi.*

*Người được giác ngộ rồi cũng như người thức giấc chiêm bao: các cảnh vật đều không còn - Cảnh “bị biết” đã không, nên “cái biết” (năng biết) cũng không. Vì năng và sở đều không nên tánh Viên Giác mới hiện ra sáng suốt chiếu khắp cả mười phương, bình đẳng không chuyển động, như thế là “thành Phật”.*

*Nói “thành Phật” là tạm nói mà thôi, thật ra cũng không “thành”. Vì tánh “Viên Giác” của mỗi người đều sẵn có, chỉ trừ hết “Vô minh” rồi thì “Viên Giác” tự hiện ra, chớ có gì đâu mà gọi là “thành”.*

*Cũng như người có sẵn hòn ngọc trong túi, chẳng qua vì quên, nên in như mất. Ðếu khi nhớ lại thì ngọc vẫn ở sẵn trong túi áo, chớ đâu phải mới “đặng”. Bởi thế nên nói “thành đạo cũng không thành”.*

*Phật y theo Viên Giác nầy mà tu, Bồ tát cũng y theo Viên Giác nầy mà phát tâm Bồ đề, cho đến chúng sanh đời sau cũng phải y theo Viên Giác nầy tu hành mới khỏi lạc vào tà-đạo.*

# Bài thứ 2: CHƯƠNG PHỔ HIỀN

**1. NGÀI PHỔ HIỀN HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Phổ Hiền Bồ tát, ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng rồi chắp tay đảnh lễ và quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch Ðức Ðại bi Thế Tôn, xin Ngài vì các vị Bồ tát ở trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau tu Ðại thừa, từ bi chỉ dạy phương pháp tu hành để vào cảnh giới Viên Giác thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh biết các pháp đều như huyễn, thân và tâm này cũng huyễn, thì cần gì phải tu? Tại sao còn dùng cái “huyễn” trợ lại tu “pháp huyễn” làm gì?

Lại nữa, nếu các pháp hư huyễn đều diệt hết, thì thân tâm này cũng diệt; nếu thân tâm đều diệt thì lấy ai tu hành mà gọi là “tu pháp như huyễn”?

Bạch Thế Tôn, nếu các chúng sanh không tu hành, vẫn ở mãi trong cảnh sanh tử huyễn  hóa mà chẳng tự biết, thì làm sao dẹp trừ các tâm vọng tưởng, để giải thoát được sanh tử luân hồi?

Xin Phât vì chúng sanh đời sau, chỉ dạy phương tiện tu tập và thứ lớp tu hành như thế nào, để cho chúng sanh khi nghe đến cảnh giới Viên Giác thanh tịnh này, y theo đó tu hành, vĩnh viễn xa lìa được các vọng huyễn.

Ngài Phổ Hiền Bồ tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này là ngài Phổ Hiền Bồ tát hỏi Phật:*

*1. Nếu tất cả chúng sanh biết các pháp đều như  huyễn, thì cần gì phải tu, vì nó là huyễn. Tại sao còn dùng cái huyễn (thân tâm) tu pháp như huyễn làm gì?*

*2. Nếu chúng sanh chấp là huyễn mà không tu, thì vẫn ở mãi trong sanh tử luân hồi, làm sao được giải thoát?*

*Xin Phật từ bi chỉ dạy phương tiện tu hành và phải tu tuần tự như thế nào, mới nhập được cảnh giới Viên Giác thanh tịnh?*

**2. PHẬT KHEN NGÀI PHỔ HIỀN**

Khi đó Ðức Thế Tôn khen ngài Phổ Hiền Bồ tát và dạy rằng:

Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, hỏi về phương tiện và thứ lớp tu tập pháp môn “Như huyễn Tam muội”(1)  của Bồ tát, khiến cho chúng sanh xa lìa các huyễn. Vậy các ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông khai thị.

Khi đó, Ngài Phổ Hiền Bồ tát và đại chúng đều hoan hỷ, kính cẩn và chăm chú nghe lời Phật chỉ giáo.

**LƯỢC GIẢI**

*Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị đại Bồ tát, ngài Văn Thù tiêu biểu cho đại trí. Ngài Phổ Hiền tiêu biểu cho đại hạnh. Có Ðại trí (căn bản trí) mới phá trừ được căn bản vô minh. Có Ðại hạnh mới hoàn thành được công hạnh của Phật. Người tu hành lúc nào cũng phải đủ cả “Trí và Hạnh”. Có “Trí” mới phá đưọc vô minh và thấu rõ chơn lý. Có “Hạnh” mới đạt được chơn lý, hoàn thành quả Phật.*

*Ðoạn này Phật khen ngài Phổ Hiền Bồ tát, vì chúng sanh mà hỏi pháp tu “Như huyễn Tam muội”*

**3. PHẬT TRẢ LỜI CHO NGÀI PHỔ HIỀN**

- Này Thiện nam! Tất cả các cảnh vật huyễn hóa (thế giới, chúng sanh) của chúng sanh, đều sanh trong tâm Viên Giác mầu nhiệm của Như Lai. Các pháp hư huyễn có diệt, mà tánh Viên Giác vẫn không diệt. Cũng như hoa đốm sanh trong hư không, các hoa đốm hư huyễn kia có hoại diệt, mà tánh hư không chẳng hề hoại diệt.

**LƯỢC GIẢI**

*Hoa đốm là dụ cảnh vật, hư không là dụ Viên Giác. Ðại ý đoạn này là nói các pháp giả dối hư huyễn giữa này, đều sanh trong Viên Giác (Chơn tâm). Các pháp hư huyễn diệt mà Tâm Viên Giác không diệt. Cũng  như các hoa đốm sanh trong hư không, các đốm có diệt mà hư không không diệt.*

**4. PHẬT DẠY PHÁP TU ĐỂ NHẬP VIÊN GIÁC**

Khi các huyễn cảnh diệt rồi, thì cái huyễn tâm của hành giả cũng theo đó mà diệt luôn. Ðến khi các huyễn (năng và sở) đều diệt hết, thì cái tâm Viên Giác không vọng động tự hiện.

Bởi đối với vọng huyễn mà nói “Viên Giác” nên Viên Giác cũng trở thành vọng huyễn, vì còn ở trong vòng đối đãi vậy. Ðến cảnh giới này, nếu nói “có Viên Giác” thì chưa rời vọng huyễn đã đành, mà nói là “không Viên Giác” thì cũng chẳng rời được vọng huyễn.

Thế nên, các vọng huyễn (có và không) đều phải bị diệt hết rồi, mới gọi là Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này lý lẽ uyên thâm, có 5 từng:*

*1. Huyễn cảnh diệt*

*2. Huyễn tâm cũng diệt*

*3. Các huyễn (năng, sở) diệt hết, tâm “Viên Giác” hiện bày.*

*4. Bởi đối vọng huyễn mà gọi “Viên Giác” nên Viên Giác cũng trở thành hư huyễn. Vì còn ở trong vòng đối đãi phân biệt, nên chưa phải là “Viên Giác”.*

*5. Nếu “chấp có Viên Giác” thì ở trong vòng vọng huyễn mà “chấp không Viên Giác” cũng còn ở trong vòng vọng huyễn. Các vọng huyễn: có, không, sanh, diệt, phải, chẳng v.v... đều phải diệt hết rồi, thế mới đúng là “Viên Giác”.*

*Ðại ý đoạn này nói: “Tánh Viên Giác” (Chơn tâm) không thể dùng lời nói mà luận bàn được, cũng không dùng ý nghĩ mà suy nghĩ được. Nếu vừa móng tâm động niệm, nghĩ thánh nói phàm, cho thế này là vọng, thế kia là chơn, như thế là hãy còn trong vòng đối đãi, hễ còn đối đãi phân biệt, thì đều là vọng huyễn cả; phải rời hết các vọng huyễn mới đúng là “Viên Giác”.*

**5. PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP LY HUYỄN**

Này Thiện nam! Tất cả các vị Bồ tát và chúng sanh đời sau, cần phải xa lìa các việc như sau:

1. Xa lìa các cảnh giới huyễn hóa hư vọng. Nhưng còn cái “Tâm biết xa lìa”;

2. Cái “Tâm biết xa lìa” đó cũng là huyễn, nên cũng xa lìa luôn;

3. Cái “xa lìa” đó cũng là huyễn, nên cũng phải xa lìa;

4. Cái “lìa cái xa lìa” cũng là huyễn, nên cũng phải xa lìa luôn;

5. Phải không còn cái gì để “xa lìa” nữa, như thế mới gọi là trừ được các huyễn.

Tỷ như người kéo cây lấy lửa, dùng hai miếng củi tre cọ xát nhau; cọ cho đến khi lửa phát ra, trở lại cháy hai miếng tre; cháy đến lúc củi hết, lửa tàn tro bay, bấy giờ chỉ còn đất trống.

Dùng “cái huyễn” tu các “pháp huyễn” cũng thế. Khi các huyễn diệt hết rồi, không phải là đoạn diệt, mà lúc bấy giờ tánh Viên Giác tự hiện bày.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Người tu hành trước hết phải lìa các huyễn cảnh, sau lìa huyễn tâm; lìa cho đến không còn cái gì để lìa nữa, thế mới là lìa được hết các huyễn. Lúc bấy giờ cái phi huyễn là “Viên Giác tánh” hiện ra. Như thế thì “Viên Giác tánh” không phải là đoạn diệt.*

*Như người kéo lửa (dụ cho tu như  huyễn) ban đầu dùng hai miếng củi tre cọ nhau (dụ cho tâm và cảnh), khi lửa phát ra trở lại cháy hết củi đến lúc lửa tàn tro bay (tâm cảnh đều  hết), bấy giờ chỉ còn đất trống (dụ cho Viên Giác).*

**6. PHẬT DẠY: “GIÁC NGỘ” KHÔNG CÓ TUẦN TỰ, “RỜI HUYỄN” CHẲNG CẦN PHƯƠNG TIỆN**

- Này Thiện nam! Khi biết được các pháp hư huyễn, tức là lìa được các huyễn, chớ không cần phải có phương tiện gì khác. Lìa được các huyễn tức là “Giác”, cũng không có lớp lang tuần tự gì.

Tất cả Bồ tát và chúng sanh đời sau, y như thế mà tu hành, mới xa lìa được các huyễn.

**LƯỢC GIẢI**

*Phật dạy người biết được các pháp là hư huyễn thì không còn cố chấp và tham luyến các pháp nữa, tức là lìa được các huyễn rồi, chớ không có phương pháp tu tập nào khác.*

*Câu này giống như câu trong Kinh Lăng Nghiêm: “Giác mê, mê diệt” (Giác ngộ được cái mê, thì cái mê ấy hết) Cũng như người khi biết mình là chiêm bao, thì không còn chiêm bao nữa.*

*Lìa được các vọng huyễn, tức thì “Viên Giác” hiện bày, thế nên không có lớp lang từng bực. Dụ như khi ánh sáng đến, thì cái tối liền diệt; tối vừa diệt thì sáng vừa hiện, không có lớp lang tuần tự chi hết.*

*Ðoạn trước ngài Phổ Hiền có hỏi thứ lớp tu pháp môn như huyễn thế nào. Ðến đoạn này Phật trả lời đã xong.*

**7.** **PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy Ðức Thế Tôn muốn tóm lại nghĩa này, nên nói bài kệ rằng:

Phổ Hiền! Ông nên biết:  
Các vô minh huyễn hóa  
Của tất cả chúng sanh,  
Từ vô thỉ đến giờ,  
Ðều sanh trong Viên Giác  
Của các Ðức Như Lai.  
Cũng như các hoa đốm  
Sanh trong thái hư không,  
Hoa đốm diệt hết rồi,  
Hư không vẫn trong tịnh.  
Các huyễn từ “Giác” sanh,  
Huyễn diệt, “Giác” viên mãn,  
Viên Giác không vọng động.  
Các Bồ tát hiện tại  
Và chúng sanh đời sau,  
Thường phải xa lìa huyễn.  
Xa lìa cho hết huyễn,  
Như lửa từ cây sanh  
Trở lại cháy hết cây;  
Lửa tàn tro bay tận.  
“Giác ngộ” không tuần tự.  
“Phương tiện” cũng không cần.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này Phật dạy: Các vô minh vọng huyễn của chúng sanh từ vô thỉ đến giờ, đều sanh trong tâm Viên Giác của Như Lai. Ðến khi các vô minh vọng huyễn diệt rồi, thì tâm “Viên Giác” hiện ra, không có tuần tự và cũng không cần có phương tiện gì khác.*

*Dụ như hoa đốm sanh trong hư không, khi hoa đốm diệt hết thì hư không tự trong tịnh. Và như lửa từ trong cây sanh, trở lại đốt cháy cây, đến khi củi hết lửa tàn, khói tan tro tận, lúc bấy giờ chỉ còn bầu trời trong suốt.*  
**LƯU Ý**

Trong chương Phổ Hiền này, chúng ta nên lưu ý về câu hỏi của ngài Phổ Hiền và lời đáp của Phật, vì rất quan hệ đến đời tu hành của chúng ta.

Ngài Phổ Hiền hỏi rằng: “Ðã là huyễn thì cần gì phải tu? Tại sao còn dùng thân tâm như huyễn để tu hành như huyễn?”. Ðoạn này chúng ta hiểu lầm, thì không sao khỏi sanh ra những vọng chấp: “Thân huyễn, cảnh huyễn, tu học cũng huyễn v.v...” rồi trăm việc lành đều bỏ xuôi, thật là nguy hiểm vô cùng!

Vậy ta cần phải xét kỹ về đoạn trả lời của Phật. Ðại ý Phật dạy rằng: Tuy biết các pháp là “huyễn” nhưng cần phải tu mới đạt đến chỗ “phi huyễn” (chơn). Cũng như: vẫn biết “tiếng gõ bảng” của thầy giáo cũng là ồn, nhưng nếu không có “tiếng gõ bảng” của thầy giáo, thì không sao dẹp được hết tiếng ồn ào của học trò. Ðến khi hết tiếng ồn ào của học trò thì tiếng gõ bảng cũng không cần nữa.

Tổ sư đã dạy: “Hữu vi tuy nguy, xả chi tắc Phật đạo nan thành”; nghĩa là các việc tu hành đều thuộc về hữu vi pháp, tuy biết là vọng, nhưng nếu bỏ đi không tu thì khó thành đạo Phật. Cổ nhơn dạy: “Ðạp gai lấy gai mà lể” hay là “Phải dùng giặc để dẹp giặc” cũng là nghĩa ấy.

Vẫn biết “Viên Giác” tánh “không phải huyễn”, nhưng muốn nhập Viên Giác thì phải dùng huyễn để trừ huyễn. Khi các huyễn diệt hết, thì tánh “Viên Giác” mới hiện

Cổ Ðức dạy: “Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, vạn sự môn trung bất xả nhứt pháp”, nghĩa là: Về chỗ lý tánh chơn thật (Viên Giác) thì không thọ một mảy trần; nhưng về sự tướng tu hành, thì không bỏ một việc nhỏ.

Ðây là một quy tắc từ nghìn xưa. Những vị tu hành được thành đạo quả, không một ai vượt ngoài quy tắc này.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Chữ “Tam muội” Tàu dịch là “Ðịnh” hay “Chánh thọ”. Vì nhiếp tâm chuyên chú một chỗ, không cho xao lãng, nên gọi là “Ðịnh”. Ngài Tôn Mật nói: “Rõ thấu thân và tâm đều như huyễn, thầm hiệp với Chơn như, như thế gọi là “Chánh thọ”.*

*Nghĩa bóng của chữ “Tam muội”, là chỉ cho công việc làm đã quá thuần thục. Như người niệm Phật, có khi niệm mà có lúc lại quên, còn bị các vọng niệm xen tạp, như thế là chưa được tam muội. Bao giờ người niệm Phật, chỉ ròng rặc một niệm Phật thôi (nhứt tâm bất loạn) không có một niệm gì khác xen vào, đi đứng nằm ngồi, bất luận chỗ nào hay lúc nào, từ năm này cho đến tháng nọ, cũng vẫn nhớ niệm Phật, như thế gọi là được “Niệm Phật Tam muội”.*

*Chúng ta quán các vật đều hư huyễn; nhưng có khi lại thấy là thiệt, như thế chưa được “Như huyễn Tam muội”. Bao giờ đi đứng nằm ngồi, bất luận giờ phút nào hay nơi nào cũng đều thấy các pháp hoàn toàn hư huyễn, như thế là chúng ta được pháp “Như huyễn Tam muội”.* **

# Bài thứ 3: CHƯƠNG PHỔ NHÃN

**1. NGÀI PHỔ NHÃN HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Phổ Nhãn Bồ tát, ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi chắp tay đảnh lễ và quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Đại bi Thế Tôn, xin Ngài vì các vị Bồ tát ở trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau, giảng dạy thứ lớp tu hành của Bồ tát.

Bạch Thế Tôn, như chúng sanh kia, khi nghe Phật nói Pháp “ly huyễn tam muội” này, tâm sanh mê muội, vì không biết làm sao để hạ thủ công phu. Vậy, nếu không có phương tiện chơn chánh và suy nghĩ chơn chánh, thì không thể ngộ nhập được Viên Giác.

Xin Ngài mở lòng từ bi, vì những người chưa ngộ như chúng con hiện tại và các chúng sanh đời sau, tạm lập ra các phương tiện: Phải tu hành thế nào? Phải suy nghĩ (tư duy) làm sao? Phải an trụ và giữ gìn (trụ trì) thế nào mới được ngộ nhập Viên Giác?

Ngài Phổ Nhãn Bồ tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lễ Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trước ngài Phổ Hiền Bồ tát hỏi Phật, ý hỏi rất u thâm. Phật xứng theo lý Viên đốn mà trả lời rằng: “Giác ngộ, không có từng tự; biết huyễn là lìa được huyễn, không cần phương tiện”.*

*Ngài Phổ Nhãn Bồ tát, vì thấy Phật nói Pháp môn “Viên đốn” như thế, nghĩ rằng: duy có những người trình độ cao thượng mới có thể làm được; trái lại những kẻ căn cơ thấp kém, nếu không có tạm lập phương tiện và chỉ dạy thứ lớp tu hành thì làm sao ngộ nhập được. Vì vậy, nên qua chương này, Ngài Phổ Nhãn Bồ tát cầu Phật tạm lập phương tiện và chỉ dạy thứ lớp tu hành, để cho chúng sanh có thể hạ thủ công phu, nhập được Viên Giác.*

*Tóm lại các câu hỏi của Ngài Phổ Nhãn hỏi Phật, gồm trong hai phần:*

*1. Hỏi về “Tư Huệ” tức là câu hỏi “Phải suy nghĩ thế nào cho chơn chánh?”*

*2. Hỏi về “Tu Huệ” tức là câu hỏi “Phải an trụ và giữ gìn thế nào? Tạm lập phương tiện tu hành và thứ lớp tu làm sao, mới ngộ nhập được Viên Giác”?*

**2. PHẬT KHEN NGÀI PHỔ NHÃN**

Khi đó đức Thế Tôn khen ngài Phổ Nhãn Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, cầu thỉnh Như Lai tạm lập phương tiện tu hành và chỉ dạy thứ lớp tu làm sao, phải suy nghĩ làm sao cho chơn chánh (*tư huệ*), phải an trụ và giữ gìn thế nào (*tu huệ*). Vậy các ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông khai thị.

Khi đó ngài Phổ Nhãn Bồ tát và đại chúng đều hoan hỷ, kính cẩn và chăm chú nghe lời Phật chỉ giáo.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật khen ngài Phổ Nhãn vì đại chúng cầu Phật tạm lập phương tiện tu hành để nhập Viên Giác. Trong câu hỏi gồm có hai phần: 1. Hỏi về Tư huệ, 2. Hỏi về tu huệ.*

**3. PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP TU**

- Này Thiện nam, những hàng sơ học Bồ tát và các chúng sanh đời sau, muốn ngộ nhập tâm Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, thì cần phải Chánh niệm(1), và xa lìa các vọng huyễn. Vậy trước hết phải:

1. Y theo pháp “chỉ” của Như Lai (Ðại thừa định).

2. Giữ gìn giới cấm kiên cố.

3. Sắp xếp đồ chúng cho yên ổn (sắp xếp hoàn cảnh xung quanh cho  thuận tiện).

4. Ở chỗ thanh vắng.

5. Phải suy nghĩ như sau:

**LƯỢC GIẢI**

*Tổ sư đã dạy: “Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, Phật sự môn trung bất xả nhứt pháp”. Nghĩa là: Về chỗ lý tánh tuyệt đối thì không thọ một mảy may gì; nhưng về sự tướng tu hành thì không bỏ một việc lành nào cả.*

*Ðành rằng, về cảnh giới Viên Giác, chúng ta nói không trúng, suy nghĩ cũng chẳng nhằm; “giác ngộ” không có tiệm thứ, “rời huyễn” chẳng cần phương tiện; nhưng khi hạ thủ công phu (bắt tay vào việc tu hành) thì không thể bỏ qua các sự tướng tu trì.*

*Ðại ý đoạn này Phật dạy khi hạ thủ công phu, trước phải dùng: 1. Giới, 2. Ðịnh (chỉ), 3. Huệ (tức là câu “thường suy nghĩ như vầy” ở đoạn sau), 4. Sắp xếp các ngoại duyên cho được yên ổn.*

*Trong chương Phổ Hiền, Phật dạy: “Biết huyễn là lìa được huyễn, không cần phương tiện chẳng có tiệm thứ”. Ðồng với trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy: “bất tùy phân biệt” (không theo trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt).*

*Ðoạn kinh này, Phật dạy phải dùng: “Giới, Ðịnh, Huệ, và sắp xếp các ngoại duyên cho được thuận tiện”. Cũng như trong Ðại cương Lăng Nghiêm về bài thứ 12, Phật dạy tu “Giới, Ðịnh, Huệ” và “ba món tiệm thứ”.*

**4. PHẬT DẠY QUÁN THÂN NÀY NHƯ HUYỄN**

- Phải thường nhớ nghĩ như vầy: Cái thân của ta nay đây, là do bốn chất: đất, nước, gió, lửa hòa hiệp. Như da, thịt, gân, xương, răng, tóc, móng tay, tủy, não, v.v… là thuộc về chất đất; nước mắt, nước mũi, mồ hôi, mỡ, máu, mủ đờm, dãi, tiểu tiện, v.v…là thuộc về nước; nhiệt độ trong người là thuộc về lửa; phổi hô hấp, tim đập, mạch nhảy, các chuyển động trong người là thuộc về gió.

Ðến khi bốn chất này rã rời, không còn hòa hợp nữa, thì cái thân hư dối này (cái ta) ở chỗ nào?

**LƯỢC GIẢI**

*Người đời, ai cũng chấp thân này là ta, rồi thương yêu quý trọng nó, cho nên suốt đời lao tâm nhọc trí, vật lộn với vật chất một cách vất vả, cũng vì lo cho ta ăn, mặc và ở v.v… Lo cho ta rồi lo cho bà con quyến thuộc của ta, lo cả cho đồng bào chủng loại của ta.*

*Nếu ta được là người mất, đồng bào ta được thì đồng bào người phải bị mất. Vì vậy mà thế giới chiến tranh, nhơn loại tương tàn tương sát. Chúng sanh tạo không biết bao nhiêu điều tội lỗi, rồi vĩnh kiếp luân hồi.*

*Bởi thế nên đoạn này Phật dạy, khi hạ thủ công phu là quán thân như huyễn (vô ngã). Khi đã thấy xác thật thân này là hư huyễn rồi, thì không còn tham lam luyến ái, vì nó mà tạo ra các tội lỗi, để rồi thọ quả báo sanh tử luân hồi.*

*Muốn cho độc giả thưởng thức được lý thú ở đoạn này, nên tôi dẫn một đoạn trong bài thơ “Nguyện cầu” của một thi sĩ sau đây:*

***Ta còn để  lại gì không?***  
***Kìa non nước chảy, nọ sông cát bồi!***  
***Lang thang từ độ luân hồi,***  
***U minh nẻo trước, xa khơi dặm về.***  
***Trông ra bến thảm bờ mê,***  
***Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương.***

***Ta van cát bụi trên đường,***  
***Dù nhơ dù sạch, đừng vương gót này.***

**5. PHẬT DẠY QUÁN TÂM NHƯ HUYỄN**

- Này Thiện nam! Ông đã biết thân này rốt ráo không thật có, chẳng qua do các duyên hòa hiệp làm ra thân tướng giả tạm, đồng với loại huyễn hóa.

Do bốn duyên là đất, nước, gió, lửa hoà hợp, nên vọng có sáu căn là mắt, tai , mũi, lưỡi, thân và ý. Nhơn bốn duyên và sáu căn, trong ngoài hợp lại thành cái thân giả tạm, rồi vọng khởi ra các vọng tưởng phân biệt. Các vọng tưởng phân biệt tích tụ trong thân này in như có cái hình tướng “năng duyên”, duyên theo bóng dáng của trần cảnh, nên giả gọi đó là “Tâm”.

- Này Thiện nam! Cái tâm hư vọng phân biệt này, nếu không có trần cảnh thì không còn phân biệt được cái gì cả. Lại nữa, khi bốn duyên (tứ đại) rã rời rồi, thì thân giả tạm này cũng không còn. Lúc bấy giờ, cái vọng niệm phân biệt bị tích tụ trong thân thường duyên theo bóng dáng của sáu trần đó, cũng bị phân tán. Rốt cuộc rồi không còn thấy có cái gì mà gọi là “Tâm” cả.

**LƯỢC GIẢI**

*Về chương Văn Thù, Phổ Hiền, Phật dạy quán “Cảnh như huyễn”, đến chương Phổ Nhãn này, trước Phật dạy quán “Thân như huyễn” rồi sau quán “Tâm như huyễn” là vì lối tu hành phải bắt đầu từ dễ đến khó, từ cạn đến sâu. Trước quán “Cảnh như huyễn” tuy khó, nhưng chưa khó lắm, đến quán “Thân như huyễn” mới là khó hơn. Ði sâu vô một từng nữa là quán “Tâm như huyễn” lại càng khó hơn nữa.*

*Ðại ý đoạn này, Phật dạy quán “Tâm như huyễn”, không có thật thể. Người đời thường chấp tâm này (linh hồn) là ta, cái ta này thường còn không biến đổi; nếu ta (linh hồn) là người thì khi chết rồi trở lại làm người; còn ta là thánh thì chết rồi trở lại làm thánh, không có thay đổi; người có tu cũng vậy, không tu cũng vậy. Bởi chấp như thế, nên họ không sợ tội lỗi, chẳng ham phước lành, gây tạo nhiều tội ác rồi nhiều kiếp trầm luân, chịu không biết bao nhiêu khổ sở!*

*Vì thương kẻ mê lầm này, nên Phật dạy quán “Tâm như huyễn”. Khi hành giả quán thân và tâm (linh hồn) đều như huyễn, không phải thật ngã (ta) một cách xác thật rồi, thì không còn vì nó mà tạo các tội lỗi. Tội lỗi không tạo, vọng niệm chẳng sanh, huyễn thân và huyễn tâm đều dứt hết, thì tánh Viên Giác, thanh tịnh không hư huyễn hiện ra, lúc bấy giờ hành giả ra khỏi sanh tử luân hồi.*

**6. HUYỄN HẾT THÌ CHƠN HIỆN, NHƯ BỤI SẠCH THÌ GƯƠNG SÁNG**

- Này Thiện nam! Vì “huyễn thân” của chúng sanh kia diệt, cho nên “huyễn tâm” cũng diệt; do “huyễn tâm” diệt, cho nên cái “huyễn trần” cũng diệt; do “huyễn trần” diệt, nên cái “huyễn diệt” đó cũng diệt luôn.  Bởi thâm tâm là tướng trần cấu hư huyễn đã hoàn toàn diệt, nên lúc bấy giờ tánh “Viên Giác phi huyễn”  hiện ra, thanh tịnh khắp cả mười phương. Thí như lau gương, khi bụi hết thì gương sáng tự hiện bày.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật dạy các huyễn tuần tự diệt. Có năm lớp:*

*1.   Huyễn Thân diệt*

*2.   Huyễn Tâm diệt*

*3.   Huyễn Trần (pháp) diệt*

*4.   Huyễn Trí diệt*

*5.   Phi Huyễn (Viên Giác) hiện*

*Như lau gương sạch bụi thì ánh sáng hiện ra.*

**7. DÙNG NGỌC MA NI DỤ TÁNH VIÊN GIÁC**

- Này Thiện nam! Dụ như ngọc Ma ni trong sáng, tùy mỗi phương chiếu hiện ra năm màu; nhưng người quê mùa không biết, cho năm màu (dụ cho ngũ uẩn) kia là thật có.

Tánh Viên Giác thanh tịnh cũng thế, tùy các loại mà ứng hiện ra mỗi thân tâm (ngũ uẩn) không đồng. Những kẻ mê muội lại chấp cho thân tâm đó là thật có, vì thế nên không thể xa lìa được các tướng huyễn hóa hư vọng.

**LƯỢC GIẢI**

*Luận về “bản tánh Viên Giác” thì sáng suốt thanh tịnh không có một mảy trần, tức là nghĩa “Chơn không”; nhưng tùy theo nghiệp mà biến hiện, không một loài vật nào chẳng có, tuy có mà không thật có, tức là nghĩa “Diệu hữu”.*

*Tánh Viên Giác không hai, nhưng tùy theo vọng nghiệp của mỗi loại mà biến hiện các vật ngàn sai muôn khác. Người khéo dùng thì nó hiện ra Tứ Thánh (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật). Kẻ vụng dùng thì nó hiện ra lục phàm (Thiên, Nhơn, A tu la, Ðịa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh). Cũng như trong kinh Lăng Nghiêm Phật dùng cây đờn thí dụ: Trong cây đờn không có tiếng hay tiếng dở; tùy người biết sử dụng thì nó phát ra tiếng hay, còn người không biết sử dụng thì nó phát ra tiếng dở. Cũng một cây đờn đó, hay dở chỉ tại người khéo hay vụng mà thôi.*

*Ðoạn kinh trên nói: “Ngọc Ma ni trong suốt là dụ cho tánh “Viên Giác thanh tịnh”; nói “ngọc Ma ni tùy mỗi phía hiện ra ngũ sắc” là dụ cho tánh “Viên Giác tùy mỗi loại hiện thân ngũ uẩn”.*

*Ðại ý đoạn này nói “Trong ngọc Ma ni trong suốt không có ngũ sắc, nhưng vì tùy mỗi phương, ánh chiếu in như có ngũ sắc. Trẻ con không biết, lầm tưởng ngũ sắc kia là thật có, rồi sanh tâm tham muốn khóc đòi v.v... chớ đâu biết rằng “ngũ sắc” kia không thật. Cũng như trong tánh Viên Giác thanh tịnh không có ngũ uẩn, nhưng tùy theo nghiệp chúng sanh vọng thấy in như có năm uẩn. Chúng sanh mê muội không biết hư huyễn, lại chấp cho là thật có, rồi sanh tham mê ái luyến, tạo ra các nghiệp. Vì thế mà bị triền miên trong sanh tử, không bao giờ ra khỏi các vọng huyễn.*

**8. VÌ CÓ KẺ LÌA HUYỄN VÀ NGƯỜI CHƯA LÌA ĐƯỢC, NÊN PHÂN CÓ THÁNH VÀ PHÀM**

- Này Thiện nam! Bởi đối với những kẻ mê muội chấp thân tâm huyễn cấu này là thật có, không thể xa lìa được, nên ta gọi đó là chúng sanh.

Ðối với người đã xa lìa được thân tâm cấu huyễn thì ta gọi đó là Bồ tát. Ðến khi các “huyễn cấu” hết, “pháp đối trị” trừ, “trí đối trị” cũng không, cho đến không còn danh từ để kêu gọi, và lời nói để luận bàn (người không cảnh vắng, các vọng hoàn toàn diệt, thì tạm gọi là Viên Giác hay Phật).

- Này Thiện nam! Các Bồ tát và chúng sanh đời sau, khi diệt hết các ảnh tượng vọng huyễn rồi thì tánh “Viên Giác thanh tịnh” hiện ra, khắp cả vô biên hư không, không có ngằn mé và phương hướng.

**LƯỢC GIẢI**

*Những người mê muội, không biết các pháp đều do tánh VIên Giác huyễn hiện, lại chấp cho là thật có, rồi sanh ra ái luyến triền miên, nên Phật gọi là “chúng sanh”. Những người biết được các pháp hư huyễn đều do Viên Giác sanh, đã dùng pháp đối trị và xa lìa, thì Phật gọi đó là “Bồ tát”. Lên một từng nữa là khi các “cảnh huyễn cấu” hết, “pháp trừ huyễn” không, “trí đối trị” chẳng còn, “danh từ kêu gọi” và “lời nói luận bàn” cũng không, cho đến “người” cũng chẳng còn: cảnh vắng người không. Như bịnh hết, thuốc bỏ, ông thầy thuốc cũng không còn. Các vọng huyễn hoàn toàn diệt hết, thì cảnh giới Viên Giác thanh tịnh viên mãn hiện khắp ở mười phương, lúc bấy giờ tạm gọi là “Phật”.*

**9.** **VIÊN GIÁC HIỆN THÌ CÁC PHÁP (CĂN, TRẦN, THỨC) ĐỀU THANH TỊNH**

- Này Thiện nam! Vì tánh Viên Giác thanh tịnh sáng suốt đã hiện ra nên “tâm” thanh tịnh; do tâm thanh tịnh nên “6 thức” thanh tịnh; do 6 thức thanh tịnh nên “6 căn” thanh tịnh; do 6 căn thanh tịnh nên “6 trần” thanh tịnh; do 6 trần thanh tịnh nên 4 đại, 12 xứ, 18 giới và 25 loài đều thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Vì tánh Viên giác thanh tịnh đã xuất hiện, nên các pháp thuộc về thế gian là Căn, Trần, Thức cũng đều thanh tịnh. Dụ như trong rừng cây y lan (loại cây hồi), một phen gỗ chiên đàn xuất hiện, thì cả rừng đều thơm ngát.*

*Sáu thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỹ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức*

*Sáu căn: Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỹ căn, Thiệt căn, Thân căn và Ý căn.*

*Sáu trần: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và Pháp.*

*Bốn đại: Ðịa, Thủy, Hỏa và Phong.*

*Mười hai xứ: Sáu Căn và Sáu Trần*

*Mười tám giới: 6 Căn, 6 Trần và 6 Thức.*

*25 loài: Cõi Dục có 14 loài, là bốn châu (Ðông Thắng thần châu, Nam Thiệm bộ châu, Tây Ngưu hóa châu, Bắc Cu lô châu); bốn ác thú (Tu la, Ðịa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh) và sáu cõi Dục (1. Tứ Thiên vương, 2. Ðao lợi, 3. Dạ ma, 4. Ðâu suất, 5. Hóa lạc, 6. Tha hóa, tự tại). Cõi Sắc có 7 loài, là bốn cõi Thiền (từ Sơ thiền đến Tứ thiền), cõi Phạm vương, cõi Vô tướng và Ngũ tịnh cư. Cõi Vô sắc có bốn: 1. Không Vô biên xứ, 2. Thức vô biên xứ, 3. Vô sở hữu xứ, 4. Phi phi tưởng xứ.*

- Này Thiện nam! Vì các pháp thế gian thanh tịnh, nên các pháp xuất thế gian như: 10 Lực, 4 món Vô úy, 4 món Vô ngại trí, 18 pháp Bất cọng, 37 phẩm Trợ đạo và 84.000 pháp môn Ðà la ni, tất cả đều thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Một pháp đã thanh tịnh, nên tất cả các pháp đều thanh tịnh, vì tất cả đều đồng tánh Viên Giác. Thí như một cục phèn bỏ vào thau nước, một chỗ trong thì cả thau đều trong.*

*Ðoạn trên nói các pháp Thế gian thanh tịnh. Ðoạn này nói các pháp Xuất thế gian cũng thanh tịnh.*

*Mười Lực: 1. Tri giác xứ phi xứ trí lực. 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực; 3. Tri chư thiền giải thoát tam muội trí lực; 4. Tri chư căn thẳng liệt trí lực; 5. Tri chủng chủng giải trí lực; 6. Tri chủng chủng giới trí lực; 7. Tri nhứt thế chi sở đạo trí lực; 8. Tri thiên nhãn vô ngại trí lực; 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực; 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.*

*Bốn món Vô úy: 1. Nhứt thế trí vô sở úy; 2. Lậu tận vô sở úy; 3. Thuyết chướng đạo vô sở úy; 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.*

*Bốn món Vô ngại trí: 1. Pháp vô ngại trí; 2. Nghĩa vô ngại trí; 3. Từ vô ngại trí; 4. Lạc thuyết vô ngại trí.*

*Mười tám pháp Bất cọng: 1. Thân vô thất; 2. Khẩu vô thất; 3. Niệm vô thất; 4. Vô dị tưởng; 5. Vô bất định tâm; 6. Vô bất tri dĩ xả; 7. Dục vô diệt; 8. Tinh tấn vô diệt; 9. Niệm vô diệt; 10. Huệ vô diệt; 11. Giải thoát vô diệt; 12. Giải thoát tri kiến vô diệt; 13. Nhứt thế thân nghiệp tùng trí huệ hành; 14. Nhứt thế khẩu nghiệp tùng trí huệ hành; 15. Nhứt thế ý nghiệp tùng trí huệ hành; 16. Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại; 17. Trí huệ tri vị lai thế vô ngại; 18. Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại.*

*Ba mươi bảy Phẩm trợ đạo: (xem Phật Học Phổ Thông, khóa III bài Ðạo Ðế nói rõ)*

*Ðà La Ni: Tàu dịch là “Tổng trì”. Nghĩa là ở trong mỗi một pháp môn tóm giữ được tất cả Pháp. Do trừ 84.000 phiền não mà được 84.000 pháp Ðà La Ni.*

- Này Thiện nam! Vì các pháp thế gian và xuất thế gian đều thanh tịnh, nên cá nhân thanh tịnh; do cá nhân đã thanh tịnh nên nhiều cá nhân thanh tịnh, cho đến mười phương chúng sanh đều đặng Viên Giác thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Chánh báo chúng sanh thanh tịnh. Vì đã đồng tánh Viên Giác, nên các pháp nói trên đã thanh tịnh, thì thân chúng sanh cũng thanh tịnh. Cũng một ý này, nhưng có kinh lại nói một cách khác: “Còn một chúng sanh nào chưa thành Phật thì ta cũng chưa thành Phật”, vì đồng một bản thể vậy.*

- Này Thiện nam! Vì một thế giới đã thanh tịnh, nên nhiều thế giới cũng thanh tịnh. Vì nhiều thế giới thanh tịnh nên cùng tận 10 phương hư không (không gian) trùm khắp 3 đời (thời gian), tất cả đều thanh tịnh bình đẳng không động.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Y báo của chúng sanh thanh tịnh. Vì đồng tánh Viên Giác, nên Chánh báo đã thanh tịnh thì Y báo cũng thanh tịnh. Cũng như trong nhà tối lâu đời, khi đốt lên một ngọn đèn, ánh sáng được xuất hiện, một chỗ vừa sáng thì tất cả chỗ trong nhà đều sáng.*

**10.** **VÌ THẤY HIỆN TƯỢNG (CÁC PHÁP) BÌNH ĐẲNG NÊN BIẾT BẢN THỂ (VIÊN GIÁC) BÌNH ĐẲNG**

- Này Thiện nam! Hư không đã bình đẳng không động, nên biết tánh Viên Giác bình đẳng không động, vì bốn đại bình đẳng không động, nên biết tánh Viên Giác bình đẳng không động. Như  thế, cho đến 84.000 pháp môn Ðà La Ni đều bình đẳng không động, nên biết tánh Viên Giác bình đẳng không động.

**LƯỢC GIẢI**

*Từ bản thể là tánh Viên Giác, sanh ra các pháp hiện tượng là hư không, bốn đại và thiên hình vạn trạng cho đến 84.000 pháp Ðà La Ni. Hiện tượng đã từ bản thể sanh, mà hiện tượng đã bình đẳng không động, cố nhiên bản thể cũng bình đẳng không động.*

**11.** **BẢN THỂ (TÁNH) KHẮP CẢ 10 PHƯƠNG, NÊN HIỆN TƯỢNG KHẮP CẢ 10 PHƯƠNG**

- Này Thiện nam! Vì tánh Viên Giác thanh tịnh không động, viên mãn cùng khắp tất cả, không có bờ bến, nên biết 6 căn, 6 trần, 4 đại, cho đến pháp môn Ðà La Ni cũng thanh tịnh và viên mãn khắp cả pháp giới.

- Này Thiện nam! Vì tánh Viên Giác kia mầu nhiệm viên mãn không hoại, nên bản thể của căn, bản thể của trần, không có một pháp nào hoại diệt và lộn lạo; cho đến pháp môn Ðà La Ni, cũng không có hoại diệt và lộn lạo. Thí như trăm ngàn ngọn đèn, đồng đốt trong một căn nhà, ánh sáng của mỗi ngọn đèn tuy đều chiếu khắp cả nhà, nhưng không có lộn lạo hay lấn diệt lẫn nhau.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này có hai phần. Phần trên nói: Vì bản thể là tánh Viên Giác châu biến, nên hiện tượng là các pháp cũng châu biến. Ðại ý phần này giống đoạn văn trong kinh Hoa Nghiêm nói về “Sự, Lý vô ngại Pháp giới”*

*Phần dưới nói: Vì bản thể không hoại diệt nên tất cả các pháp không có một pháp nào hoại diệt. Thí như trăm ngàn ngọn đèn chiếu trong một nhà, không có lộn lạo và hoại diệt nhau. Ý đoạn này giống với đoạn văn trong kinh Hoa Nghiêm nói về “Sự, Sự vô ngại Pháp giới”. Trong kinh Pháp Hoa chép: “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ” (Pháp nào an trụ địa vị pháp ấy. Thế gian tướng là thường trụ tướng). Và kinh Lăng Nghiêm có chép “Tứ đại châu biến, không có hoại diệt và tạp loạn lẫn nhau”.*

**12.** **VÌ CHỨNG ĐƯỢC VIÊN GIÁC NÊN THẤY CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG**

- Này Thiện nam! Vì các Bồ tát thành tựu được tánh Viên Giác rồi, nên không sợ pháp hữu vi ràng buộc, không cầu pháp vô vi giải thoát, không nhàm chán sanh tử, không ưa thích Niết-bàn, không kính người trì giới, không ghét người phạm giới, không tôn trọng kẻ tu lâu, chẳng khinh người mới học. Tại sao thế? Vì tất cả các pháp đều là Viên Giác vậy.

Thí như con mắt xem thấy các cảnh vật hiện tiền, cái “thấy” này trùm khắp tất cả, không thương, ghét. Tại sao thế? Vì cái “thấy” này chỉ có một thể, nên không có thương, ghét vậy.

**LƯỢC GIẢI**

*Vì tất cả các pháp đã đồng một tánh Viên Giác, nên Bồ tát bình đẳng: không thương không ghét, không khinh không trọng, không sợ sanh tử, chẳng cầu Niết bàn. Ðoạn này lý rất cao thâm, chúng ta không nên đem phàm tình mà phán đoán.*

*Ông Thường Bất Khinh Bồ tát nói: “Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài sẽ thành Phật, vì các Ngài đều có tánh Phật” (Khả năng thành Phật). Và trong kinh Tứ thập nhị chương chép: “Cúng dường cho nhiều đức Phật, công đức không bằng cúng dường cho người Vô niệm, Vô trụ, Vô tu, Vô chứng”. Ðại ý các đoạn kinh trên đều nói đến thể tánh bình đẳng này.*

**13. CÓ TU VÀ CÓ CHỨNG, MÀ THẬT RA KHÔNG TU VÀ KHÔNG CHỨNG**

- Này Thiện nam! Các Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, tuy tu tập Tâm này (Viên Giác) mà được thành tựu  (quả Phật) rồi, nhưng thực ra thì không tu và cũng không thành, vì tánh Viên Giác vừa tịch diệt vừa phổ chiếu tất cả, đối với Phật hay chúng sanh, không hai không khác.

**LƯỢC GIẢI**

*Phật đã dạy “Nhứt thế chúng sanh giai hữu Phật Tánh” Nghĩa là: Tất cả chúng sanh đều có Tánh Phật (Viên Giác). Song chúng sanh vì bị mây vô minh che phủ mặt trăng Viên Giác (Phật) của mình, nên in tuồng có mê; bởi in tuồng có mê nên cũng in tuồng có Tu và Chứng. Ðến khi mây vô minh tan hết, thì mặt trăng Viên Giác hiện ra. Mặt trăng này đâu phải bấy giờ mới có, và cũng không phải do dụng công tu hành mới thành, vì nó có từ vô thỉ đến giờ. Bởi thế nên nói “In tuồng có Tu và có Chứng”. Trong kinh Tứ thập nhị chương, cũng với ý này, Phật đã dạy: “Niệm đến chỗ không niệm mới là chơn niệm, làm đến chỗ không làm mới là thật làm, nói đến chỗ không nói mới là thật nói, tu đến chỗ không tu mới là chơn tu, chứng đến chỗ không chứng mới là thật chứng...”*

*Tuy biết như vậy, nhưng lúc đầu tiên hạ thủ công phu, phải có Tu có Chứng, rồi mới có thể đạt đến chỗ rốt ráo là Vô tu Vô chứng. Cũng như ông thầy giáo muốn cho cả lớp học được yên lặng, thì phải dùng tiếng động là gõ thước trên bảng. Khi học trò yên lặng, thì tiếng gõ bảng hết, lúc bấy giờ mới đổi lại cảnh yên tịnh được.*

*Cũng vì ngộ lý này, nên người xưa có làm bài thơ rằng:*

***Bách xích can đầu trực hạ thủy***  
***Nhứt ba tài động vạn ba tùy***  
***Dạ tịnh thủy hàn ngư bất thực,***  
***Mãn thuyền không tải nguyệt minh qui****.*

*Ý nghĩa bài thơ  này, câu thứ nhất nói: “Nhợ 100 thước trên đầu cần câu, thả thẳng xuống mặt nước”. Câu thứ hai nói: “Một lượn sóng vừa gợn (động) thì liền có muôn ngàn lượn sóng nhấp nhô nổi theo”. Hai câu này ý nói: Khi hạ thủ công phu, lúc đầu tiên thuộc về hữu tướng Tu, còn phải dụng công có Tu có Chứng.*

*Câu thứ ba nói: “Ðến khuya các tiếng động hết, một bầu tịch mịch thanh vắng mặt nước đông lạnh, bằng phẳng như tờ; cá cũng không ăn mồi”. Ý nói hành giả lúc bấy giờ đã đi sâu vào chỗ “Tâm cảnh như như, ngã pháp đều không” thuộc về Vô tướng tu. Vô công dụng hạnh.*

*Câu thứ tư nói: “Chỉ có thuyền trống chở ánh sáng mặt trăng về...” Ðại ý câu này nói: “Không tâm tải đạo” (tâm trống không, chứa đạo). Hành giả lúc bấy giờ, tâm thể sáng suốt hiện khắp cả 10 phương (Viên Giác); in tuồng có chứng có đắc ..., mà thật ra không chứng và không đắc.*

**14.** **SANH TỬ VÀ NIẾT-BÀN ĐỀU NHƯ MỘNG, VÌ CHÚNG SANH VỐN ĐÃ THÀNH PHẬT**

Các thế giới của chư Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều ở trong tánh “Viên Giác” này. Cũng như hoa đốm ở trong hư không, mặc tình lăng xăng khởi lên và lăng xăng diệt mất. Nó không phải “tức” là tánh Viên Giác, mà cũng không phải “ly” tánh Viên giác; không triền phược và giải thoát. Bởi thế nên biết “Sanh tử và Niết bàn” cũng đều như giấc mộng hôm qua, vì chúng sanh vốn đã thành Phật từ xưa đến giờ.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Tánh Viên Giác thanh tịnh vắng lặng như hư không nên mặc tình cho các pháp lăng xăng khởi diệt như hoa đốm.*

*Niết bàn là đối với sanh tử mà có, trong tánh VIên Giác, sanh tử đã không, cho nên Niết bàn cũng như mộng.*

*Ðứng về phương diện lý tánh mà luận, thì tất cả chúng sanh đều sẵn có tính Phật (Viên Giác) nên nói: “Chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay”. Song chúng sanh vì bị mây vô minh che mờ, nên mặt trăng Phật (Viên Giác) của mình chẳng hiện. Ðến khi được gió Bát Nhã thổi tan mây vô minh rồi, thì trăng Viên Giác (Phật) của mình tự hiện.*

*Cũng vì ngộ lý này, nên cổ nhơn có làm bài thơ rằng:*

***Tòng hạ vấn đồng tử...***  
***Ngôn: Sư thê được khứ,***  
***Chỉ tại thử sơn trung,***  
***Vân thâm bất kiến xứ.***

*Dịch nghĩa: Dưới cây tòng, hỏi đồng tử... Ðồng tử thưa rằng: “Thầy đi hái thuốc, chỉ ở trong núi này thôi, nhưng vì mây đen nên chẳng thấy được”.*

*Trong bài thơ này, tác giả mượn người khách hỏi đồng tử để nói về lý đạo.*

*Ðại ý: Chúng sanh đi tìm Ðạo. Thật ra Ðạo (Phật) không đâu xa, chỉ ở trước mắt. Nhưng vì chúng sanh bị mây vô minh che mờ, nên chẳng thấy được Ðạo (Phật).*

*Trong kinh có câu: “Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt”: Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai khác. Hay là câu: “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác”: Phật pháp tại thế gian, giác ngộ không rời thế gian; cũng là chỉ cho ý này. Bởi chúng sanh và Phật đồng một thể tánh Viên Giác, nên Phật với chúng sanh không hai, triền phược và giải thoát không khác, sanh tử với Niết bàn như mộng.*

**15. CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG**

- Này Thiện nam! Phải biết sanh tử và Niết bàn đều như giấc mộng hôm qua, cho nên không có sanh diệt và cũng không có khứ lai. Ở nơi quả vị sở chứng, không có “được’ và “mất” hay “thủ” và “xả”. Ở nơi người năng chứng cũng không có “tạo tác” và “đình chỉ” hay “sanh” (nhậm) và “diệt”.

Trong tánh Viên Giác, tất cả các pháp đều bình đẳng, không có hoại diệt. Rốt ráo không có người năng chứng và quả sở chứng.

**LƯỢC GIẢI**

*Trong kinh nói: “Chư pháp tùng bổn lai, thường tự tịch diệt tướng”. Nghĩa là: Các pháp từ xưa đến nay, tướng nó thường vắng lặng. Bởi đồng tánh Viên Giác, nên tất cả các pháp bình đẳng, không sanh diệt, không khứ lai, không đắc thất, không thủ xả, không làm, không thôi, không sanh, không diệt, rốt ráo không có người năng chứng và quả sở chứng, vì tất cả đều là tánh Viên Giác vậy.*

**16. TÓM LẠI**

- Này Thiện nam! Các vị Bồ tát kia phải y lời ta dạy trên mà suy nghĩ như vậy, dùng phương tiện như vậy, y theo lớp lang và tuần tự tu hành như vậy, an trụ như vậy, phải cầu pháp như vậy và khai ngộ như vậy, mới khỏi mê muội.

**LƯỢC GIẢI**

*Nguyên trước Ngài Phổ Nhãn hỏi Phật: “Phải suy nghĩ làm sao? Lập phương tiện thế nào? Và thứ lớp tu hành ra sao? v.v...*

*Phật đã giải thích rành rẽ rồi, nên đoạn này Phật dạy: “Phải suy nghĩ như vậy, dùng phương tiện như vậy v.v... thì mới khỏi mê muội và ngộ nhập được tánh Viên Giác”*

**17. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng:

Phổ Nhãn! Ông phải biết:  
Thân, Tâm của chúng sanh,  
Tất cả đều như huyễn:  
Thân này thuộc bốn đại,  
Thân này trả sáu trần;  
Bốn đại tan rã rồi,  
Cái gì gọi là “TA”?  
Tuần tự tu như vậy,  
Tất cả đều thanh tịnh.  
Viên Giác khắp Pháp giới,  
Không làm, thôi, sanh, diệt  
Không năng chứng, sở chứng:  
Tất cả thế giới Phật  
Như hoa đốm hư không.  
Ba đời đều bình đẳng,  
Rốt ráo không qua lại.  
Bồ tát mới phát tâm,  
Và chúng sanh đời sau,  
Muốn cầu nhập Phật đạo,  
Phải như thế tu hành.

**LƯỢC GIẢI**

Ðại ý bài kệ này là tóm lại các nghĩa trên.

Phật dạy quán sát Thân này và Tâm này đều như huyễn, không có thật “Ngã”. Cứ như thế mà tu hành thì lần lần sẽ được thanh tịnh. Lúc bấy giờ tánh Viên Giác hiện ra khắp cả Pháp giới, không còn “làm” hay “thôi”, “sanh” hay “diệt”, và cũng không có “năng chứng” và “sở chứng”. Các thế giới nhiều như số cát sông Hằng, đều ở trong tánh Viên Giác, mặc tình nó sanh diệt như hoa đốm giữa hư không. Ba đời đều bình đẳng, rốt ráo không qua lại. Các Bồ tát và chúng sanh đời sau, phải như thế tu hành, mới vào được Đạo Phật.

\_\_\_\_\_\_\_\_

(1) Chữ “Chánh niệm” là niệm chơn chánh. Trong Viên Giác lược sở giải: Rời các vọng huyễn, dứt hết các vọng niệm thế mới là: “chánh niệm”

# Bài thứ 4: CHƯƠNG KIM CANG TẠNG

**1. NGÀI KIM CANG TẠNG BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Kim Cang Tạng Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, và kính cẩn chắp tay, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Ðại bi Thế Tôn, Ngài đã vì các vị Bồ tát nói rõ tánh “Viên Giác thanh tịnh” của Như Lai, và chỉ dạy những phương tiện, tuần tự tu hành để nhập tánh Viên Giác. Ngài đã vén mở mây vô minh mờ ám cho các chúng sanh. Thính chúng trong pháp hội này, nhờ lòng từ bi của Phật khai hóa, mà mắt Trí huệ được sáng tỏ.

Bạch đức Thế Tôn:

1. Nếu các chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay, thì tại làm sao lại có tất cả vô minh để trở lại làm chúng sanh nữa?

2. Nếu chúng sanh sẵn có các vô minh, thì do nhơn duyên gì mà đức Như Lai lại nói: “Chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay”?

3. Nếu 10 phương chúng sanh đã thành Phật từ xưa, về sau lại sanh ra vô minh; vậy thì các đức Như Lai hiện nay đã thành Phật rồi, chừng nào các Ngài sanh trở lại phiền não nữa?

Cúi xin đức Ðại bi Thế Tôn, vì các vị Bồ tát hiện tại và tất cả chúng sanh đời sau, nhổ sạch gốc rễ nghi lầm, khiến cho chúng sanh dược ngộ nhập đạo vô thượng.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này, ngài Kim Cang Tạng Bồ tát nghi: Có vô minh thì gọi là chúng sanh, không vô minh mới kêu là Phật; thế mà Ðức Như Lai lại nói: “Chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay”.*

*Nếu chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay, thì phải không còn vô minh. Nếu không còn vô minh, thì không còn gọi là chúng sanh nữa. Tại làm sao Phật còn gọi: “Chúng sanh”?*

*Lại nữa, nếu chúng sanh sẵn có vô minh thì không thể nói “Nguyên lai thành Phật”. Tại sao Phật lại nói: “Chúng sanh nguyên lai đã thành Phật”.*

*Chúng sanh tu hành phải trải qua ba vô số kiếp mới thành Phật. Nếu khi được thành Phật rồi, vô minh trở lại khởi lên làm chúng sanh nữa, thì tu biết chừng nào cho rồi! Lại nữa, chư Phật hiện nay đã thành Phật, vậy chừng nào các Ngài nổi vô minh trở lại làm chúng sanh nữa?*

*Ðoạn này giống như trong kinh Lăng Nghiêm, khi ngài Phú Lâu Na Di Ða La Ni Tử hỏi Phật: “Chơn tâm vốn đã thanh tịnh tại sao lại thoạt sanh ra sơn hà đại địa và các chúng sanh?”*

**2. PHẬT KHEN NGÀI KIM CANG TẠNG BỒ TÁT**

Khi đó đức Thế Tôn khen ngài Kim Cang Tạng Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai những đạo lý diệu huyền.

Nay ta vì các ông nói giáo pháp Ðại thừa, nghĩa lý rốt ráo và cao thượng, khiến cho các vị Bồ tát tu học trong mười phương, và tất cả chúng sanh đời sau, đều đoạn trừ hết các điều nghi ngờ, đặng tín tâm chắc chắn. Vậy các ông nên chăm chú nghe lời ta chỉ dạy.

Khi đó Ngài Kim Cang Tạng Bồ tát và đại chúng đều vui mừng, kính cẩn vâng nghe lời Phật chỉ giáo.

**LƯỢC GIẢI**

*Kim Cang là chất ngọc quý, cứng rắn nhứt trong loại ngọc. Nó đã cứng mà lại bén (sắc), hay phá hoại các vật, mà các vật không phá hoại được nó.*

*Ðoạn này ngài Kim Cang Tạng Bồ tát đứng lên thưa hỏi những chỗ khó khăn, là tiêu biểu phải dùng Kim cang trí mới phá trừ nổi những mê lầm (vô minh) sâu sắc.*

*Ngài Kim Cang Tạng Bồ tát cũng là một vị Thượng thủ trong hàng Bồ tát.*

**3.** **PHẬT DẠY: NGƯỜI MÊ NÓI NGỘ, NGỘ ẤY THÀNH MÊ**

- Này Thiện nam! Tất cả các pháp, có thủy chung, sanh diệt, tiền hậu, hữu vô, nào tụ tán, khởi dừng, xoay vần, qua lại, các món thủ xả, mỗi niệm nối luôn. Những loại kể trên đều là luân hồi cả. Người chưa ra khỏi luân hồi mà nghĩ bàn đến Viên Giác, thì tánh “Viên Giác” đó cũng trở thành luân hồi (Vị xuất luân hồi nhi biện Viên Giác, bĩ Viên Giác tánh tức đồng lưu chuyển). Nếu người ra khỏi luân hồi (hết mê vọng rồi) thì không còn thấy có các việc hư vọng ấy nữa.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật nói: Người còn ở trong vòng “mê” mà nói việc “ngộ” thì cái “ngộ’ ấy cũng thành “mê”. Dùng tâm chúng sanh nghĩ bàn đến cảnh giới Phật, thì cảnh giới Phật cũng thành chúng sanh. Dùng tâm luân hồi mà nghĩ bàn đến tánh Viên Giác, thì tánh “Viên Giác” cũng trở thành luân hồi.*

*Phật bảo ngài Kim Cang Tạng Bồ tát: Nếu ông đứng trong vòng hư vọng, tương đối, có thánh có phàm, có chúng sanh, có Phật v.v... mà luận đến cảnh giới tuyệt đối, bất tư nghị của chư Phật thì không thể được. Bởi thế nên người muốn hiểu chỗ cao siêu của đạo Phật, thì cần phải tu, chớ không thể nói suông mà hiểu được.*

**4. PHẬT DÙNG THÍ DỤ ĐỂ GIẢI THÍCH NGHĨA TRÊN**

- Này Thiện nam! Thí như: vì con mắt nháy mà thấy nước dợn sóng; vì mắt xem không kịp mà thấy thành vòng lửa; nhơn mây bay mà thấy mặt trăng chạy; vì thuyền đi mà thấy bờ trôi. Trong lúc các vật đây động, như mắt nháy, mây bay, thuyền chạy v.v… mà các vật yên tịnh kia như nước đứng, lửa đốm, trăng dừng, còn thấy chuyển động thay, huống chi ông dùng tâm cấu nhiễm sanh tử luân hồi mà quan sát tánh Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, thì tánh Viên Giác này làm sao chẳng cấu nhiễm. Thế nên ông mới sanh ra ba điều nghi vấn trên.

**LƯỢC GIẢI**

*Trong đoạn này, Phật dùng những việc tầm thường trong đời làm thí dụ, như mắt nháy, may bay, thuyền đi v.v... mà thấy nước dợn, trăng bay, bờ chạy v.v... để chỉ rõ: vì dùng tâm cấu nhiễm mê vọng của chúng sanh mà quan sát nghĩ ngợi đến cảnh giới của Phật, nên cảnh Phật trở thành tương đối mê vọng.*

*Vì ngài Kim Cang Tạng Bồ tát dùng tâm phân biệt đối đãi có không, sanh diệt, thánh phàm v.v... nên thấy có chúng sanh chưa thành Phật và có Phật đã thành. Bởi thế nên Ngài sanh ra ba điều nghi ngờ trên. Nếu Ngài nhập được tánh Viên Giác thanh tịnh rồi thì những tướng đối đãi như thánh phàm nhiễm tịnh, sanh tử và Niết bàn, chúng sanh và Phật đều không còn. Lúc bấy giờ Ngài không còn nghi ngờ như trên nữa. Vì vậy nên đoạn sau Phật quở: “… những lời ông thưa hỏi đó, chẳng có đúng đắn...”*

**5. PHẬT DẠY: CÁC PHÁP HƯ HUYỄN, KHÔNG CÓ THẬT SANH VÀ THẬT DIỆT**

- Này Thiện nam! Thí như người bịnh lòa mắt, trông noi hư không vọng thấy có các hoa đốm lăng xăng. Ðến khi bịnh lòa nhặm hết rồi, thì hoa đốm kia tự diệt. Lúc bấy giờ, người ấy không nên hỏi: “Cái bịnh lòa nhặm này đã diệt rồi, vậy chừng nào sanh trở lại nữa?” Tại sao thế? Vì cái lòa nhặm nó vọng huyễn không có thật thể vậy.

Và, cũng không nên hỏi: “Những chỗ hoa đốm diệt ở nơi hư không kia, vậy chừng nào hoa đốm ấy sanh trở lại nữa?” Tại sao thế? Vì trong hư  không vốn không có hoa đốm, cho nên nó không có sanh ra hoa đốm hay diệt hoa đốm vậy.

Sanh tử và Niết bàn đối với tánh Viên Giác, cũng đồng như hoa đốm sanh diệt trong hư không. Tánh Viên Giác vẫn nhiệm mầu viên mãn, yên lặng chiếu soi, lìa cái nhặm vô minh và cảnh giới hoa đốm.

Này Thiện nam! Nên biết hư không kia còn không phải tạm có và tạm không, huống chi tánh Viên Giác của Như Lai là bản tánh của hư không, nó bình đẳng tùy thuận các duyên, mà lại tạm có và tạm không hay sao.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Vô minh và các vọng cảnh, đều hư huyễn không thật, cũng như hoa đốm và mắt nhặm. Vì hoa đốm với nhặm, đều không phải thật vật, cho nên nó không thật có sanh và diêt. Bởi thế, khi hết nhặm rồi, không nên hỏi: “Chừng nào nhặm trở lại nữa?” Hay hoa đốm đã diệt rồi, cũng không nên hỏi: “Chừng nào nó sanh trở lại nữa?”*

*Hoa đốm và bịnh nhặm, mặc tình nó vọng sanh vọng diệt, mà hư không lúc nào cũng vẫn thanh tịnh và yên lặng. Cũng như Vô minh và Vọng cảnh, mặc tình vọng khởi và vọng diệt, mà tánh Viên Giác vẫn thanh tịnh viên mãn và xa lìa các Vô minh cùng Vọng cảnh.*

*Tánh hư không bình đẳng tùy thuận các đồ vật, mà hiện ra có tướng Vuông và Tròn. Cũng như tánh Viên Giác bình đẳng, tùy thuận các duyên mà hiện ra tất cả Pháp.*

*Hư không, không phải nhơn lúc hoa đốm diệt mà nó tạm có, cũng không phải nhơn lúc hoa đốm sanh mà nó tạm không; bởi tánh hư không thường có và bình đẳng, tùy hoa đốm mặc tình sanh diệt, nhưng hư không vẫn không thay đổi.*

*Cũng thế, tánh Viên Giác thanh tịnh của  Như Lai, thường còn bình đẳng và tùy thuận các Pháp. Không phải nhơn lúc Vô minh diệt mà nó tạm có, hay Vô minh sanh mà nó tạm không, nó tùy thuận tất cả, không có chướng ngại.*

**6. PHẬT DÙNG THÍ DỤ, ĐỂ CHỈ RÕ KHI THÀNH PHẬT RỒI, KHÔNG TRỞ LẠI LÀM CHÚNG SANH**

- Này Thiện nam! Thí như chất kim khoáng, sau khi được nấu lọc, bỏ hết quặng rồi, thì chỉ còn vàng y. Chất vàng này không phải do nấu lọc mới sanh, vì nó có sẵn từ trước kia rồi, và khi đã thành vàng y, cũng không bao giờ trở lại thành quặng nữa, dầu trải qua bao nhiêu năm, nó cũng không hư hoại.

Tánh Viên Giác thanh tịnh của Như Lai cũng thế.

**LƯỢC GIẢI**

*Phật dùng vàng để thí dụ tánh Viên Giác, dùng khoáng dụ chúng sanh. Khi vàng còn ở trong khoáng, cũng như Phật tánh (Viên Giác) ở trong cái vỏ chúng sanh. Vì y nơi Phật tánh sẵn có, nên Phật nói: “Chúng sanh đã thành Phật”.*

*Khi chất kim khoáng được đem ra nấu luyện, lọc bỏ hết quặng chỉ còn vàng y, thì vàng này không còn trở lại làm khoáng nữa.*

*Cũng như chúng sanh, sau khi trải qua thời gian tu luyện, gạn lọc hết vô minh, phiền não, tánh Viên Giác hiện ra, được thành Phật rồi; lúc bấy giờ không còn khởi vô minh phiền não trở lại làm chúng sanh nữa.*

*Dầu chưa được nấu luyện, lọc bỏ quặng ra, lúc ấy chất vàng vẫn sẵn có. Ðến khi nấu luyện, lọc bỏ hết quặng thành vàng y rồi, không phải lúc bấy giờ vàng mới có. Tánh Viên Giác cũng thế, khi làm chúng sanh, nó vẫn sẵn có, nên nói: “Chúng sanh đã thành Phật”. Trải qua thời gian tu luyện trừ hết vô minh phiền não, tánh Viên Giác hiện ra, không phải lúc bấy giờ nó mới sanh.*

*Khi tánh Viên Giác đã hoàn toàn hiện rồi, thì vô minh phiền não không còn sanh trở lại nữa, nên nói: “Thành Phật rồi, không còn trở lại làm chúng sanh”.*

**7.** **TÁNH VIÊN GIÁC PHI TẤT CẢ TƯỚNG**

- Này Thiện nam! Tánh Viên Giác mầu nhiệm của Như Lai vốn không có Bồ đề, và Niết bàn, không có thành Phật và chẳng thành Phật, cũng không có luân hồi và phi luân hồi.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðứng về phương diện tương đối mà nói: Vì có phiền não nên có Bồ đề, có sanh tử nên có Niết bàn, có luân hồi nên mới có giải thoát, có chúng sanh mới có Phật.*

*Song đứng về phương diện lý tánh tuyệt đối, tức là tâm Viên Giác mầu nhiệm của Như Lai mà nói, thì phiền não đã không, nên Bồ đề chẳng có, sanh tử đã không, nên Niết bàn chẳng có, cho đến chúng sanh đã không, nên Phật cũng chẳng có.*

*Ðến cảnh giới này, thì nói năng không trúng, suy nghĩ cũng chẳng nhằm. Hành giả phải tự chứng nhập.*

**8. TÁNH VIÊN GIÁC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN**

- Này Thiên nam! Rất đỗi như cảnh giới Niết bàn thân tâm đoạn diệt của Thinh Văn (1) Tiểu thừa kia, còn không thể dùng tâm phân biệt mà thân chứng được, huống chi cảnh giới Viên Giác thanh tịnh của Như Lai mà lại dùng tâm suy nghĩ so đo của chúng sanh, làm sao nhập được.

Cũng như người dùng lửa đom đốm, để đốt núi Tu di, làm sao đốt được. Người dùng tâm luân hồi, sanh vọng chấp luân hồi, mà muốn vào biển Niết bàn tịch tịnh của Như Lai thì không thể được.

Thế nên ta dạy: Tất cả các vị Bồ tát và chúng sanh đời sau, trước phải đoạn hết căn bản sanh tử luân hồi từ vô thỉ.

**LƯỢC GIẢI**

*Cảnh giới Niết bàn của Thinh Văn là cảnh giới Tiểu thừa (Trầm không thú tịch khôi thân diệt trí) mà còn không thể nghĩ ngợi được, huống chi cảnh giới của Phật cao siêu tột bực, mà lại dùng tâm suy nghĩ và lời nói luận bàn được sao. Nếu người dùng cái vọng tâm sanh tử luân hồi của phàm phu và trí của Tiểu thừa để suy nghĩ phân biệt cảnh giới Viên Giác của Như Lai, thì quyết không thể hiểu được (Dĩ luân hồi tâm, sanh luân hồi kiến, nhập ư Như Lai đại tịch diệt hải, chung bất năng chí). Cũng như  người dùng lửa của con đom đóm để đốt núi Tu Di thì không thể được.*

*Bởi thế nên Phật dạy: “Trước phải đoạn hết căn bản sanh tử luân hồi từ vô thỉ”, tức là diệt vọng tâm phân biệt. Cũng như trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy phải rành rõ hai món căn bản là:*

*1. Phải đoạn căn bản của sanh tử luân hồi là vọng tâm.*

*2. Phải y trụ nơi căn bản của Bồ đề Niết bàn là chơn tâm.*

**9. KHÔNG THỂ DÙNG TÂM CHÚNG SANH, PHÂN BIỆT ĐƯỢC CẢNH PHẬT**

- Này Thiện nam! Nếu có suy nghĩ phân biệt là từ vọng tâm (thức) khởi, nên tất cả suy nghĩ, đều là cái vọng tưởng phân biệt duyên theo bóng dáng của sáu trần. Nó hư vọng như hoa đốm trong hư không, chẳng phải là chơn tâm. Nếu ông dùng cái vọng tâm suy nghĩ này, mà suy nghĩ cảnh giới của chư Phật, thì cảnh giới ấy cũng lẩn quẩn trong vòng vọng tưởng của chúng sanh mà thôi. Cũng như người  ngồi trông đợi cho hoa đốm giữa hư không kết thành ra quả, thì không có thể  được.

Này Thiện nam! ông dùng tâm hư vọng thô phù, sanh ra các lối chấp xảo quyệt, (chấp càn) cho nên ông không thể nhập được cảnh Viên Giác chơn thật của Như Lai. Bởi thế, nên những lời ông hỏi trên, đều là hư vọng phân biệt, không phải lời hỏi đúng đắn chơn thật.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðức Thế Tôn, sau khi trải qua thời gian ba vô số kiếp tu hành, được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni rồi, Ngài dạy rằng: “Nói thành Phật thật ra không thành cái chi khác, mà chỉ trở lại với tánh Phật sẵn có đó thôi”. Trong kinh nói: “Thành mà vẫn không thành”, hay câu: “Ngộ liễu đồng vị ngộ, vô pháp diệc vô tâm”. (Giác ngộ rồi cũng đồng như khi chưa giác ngộ, vì không có Pháp và cũng không có Tâm gì khác).*

*Tánh Phật này, không riêng gì một mình Ngài có, mà tất cả chúng sanh đều có sẵn có. Vì căn cứ theo Phật tánh sẵn có này, nên Ngài nói: “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật” hay trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả chúng sanh đều sẵn có đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai”. (Nhứt thế chúng sanh cụ hữu Như Lai trí huệ đức tướng). Bởi thế nên Ngài nói: “Chúng sanh đã thành Phật từ lâu”.*

*Vậy, người muốn hiểu đến lý này, phải nhập cảnh giới Phật, trình độ phải gần như Phật mới hiểu được. Nếu chỉ dùng tâm cấu nhiễm thô phù phân biệt của chúng sanh, mà so tính đến cảnh giới Phật, thì làm sao hiểu được. Cũng như người muốn hiểu câu nói của cụ già tám mươi, ít nhất trình độ cũng gần như cụ già mới hiểu. Nếu dùng trí non nớt của trẻ con năm, mười tuổi, mà suy nghĩ câu nói của cụ già thì làm sao hiểu được. Bởi thế nên Phật nói: “Những lời ông hỏi trên đều là hư vọng phân biệt, không phải lời hỏi chơn thật.*

**10. PHẬT NÓI BÀI KỆ ĐỂ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói kệ rằng:

Kim Cang Tạng! Nên biết:

Như Lai tánh vắng lặng,

Chưa từng có chung thỉ,

Nếu dùng tâm luân hồi,

Suy nghĩ cảnh giới Phật,

Cảnh Phật thành luân hồi.

Người ở bờ luân hồi,

Không thể vào biển Phật.

Phật tánh tuy sẵn có,

Phải tu mới hiển hiện.

Cũng như vàng sẵn có,

Phải lọc quặng mới thành.

Khi đã thành vàng y,

Không trở lại làm quặng.

Sanh tử và Niết bàn,

Phàm phu cùng chư Phật,

Thảy đều như hoa đốm.

Tâm suy nghĩ đã huyễn,

Nên lời hỏi cũng huyễn,

Làm sao nhập được chơn.

Nếu rõ được tâm nầy,

Mới cầu được Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Bài kệ này tóm lại các nghĩa trên. Ðại ý nói: Tánh Viên Giác của Phật thanh tịnh vắng lặng, không có thánh, phàm, chúng sanh và Phật v.v... Nếu dùng tâm phân biệt của chúng sanh mà phân biệt cảnh giới Phật, thì cảnh Phật cũng thành cảnh chúng sanh.*

*Chúng sanh tuy sẵn có Phật tánh, nhưng phải nhờ có tu mới hiển. Cũng như chất vàng tuy sẵn có trong khoáng, nhưng phải nhờ lọc hết quặng mới thành vàng y. Khi đã thành vàng y rồi thì không còn trở lại làm quặng nữa. Cũng như khi đã thành Phật rồi thì không còn trở lại làm chúng sanh.*

*Bởi đứng trong vòng vọng nhiễm tương đối, nên thấy có sanh tử và Niết bàn, chúng sanh và Phật; chớ đứng về tánh Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, thì các pháp trên đây đều như hoa đốm giữa hư không.*

*Ngài Kim Cang Tạng Bồ tát vì muốn đại diện cho phàm phu, nên đã dùng tâm vọng nhiễm của chúng sanh mà suy nghĩ so đo, thấy có chúng sanh và Phật, và giả thốt ra các lời hỏi hư vọng ấy. Những lời hỏi này, đối với cảnh Viên Giác chơn thật của Như Lai, thì chẳng nhằm chi cả. Bởi thế nên Phật quở rằng: “Những lời ông hỏi đều không chơn chánh”.*

*Vậy nên, hành giả phải rời các vọng niệm phân biệt, mới hiểu được tánh Viên Giác.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Thân tâm đoạn diệt của Thinh Văn: Hàng Thinh Văn Tiểu thừa rất sợ việc hóa đạo độ sanh, vì sợ gặp những nghịch cảnh rồi vô minh phiền não nổi lên, mà phải bị thối chuyển. Bởi thế nên các Ngài cứ lo tu giải thoát một mình. Từ đời này cho đến kiếp nọ, ưa ở chỗ thanh vắng tịch mịch, say đắm cảnh Niết bàn của Tiểu thừa, giữ tâm yên tịnh luôn không dám khởi niệm, say mê với cảnh thiền, thân không lay động cũng như tro nguội, nên nói: “Thân tâm đoạn diệt”. Chỗ khác gọi rằng: “Trầm không thú tịch khôi thân diệt trí”, nghĩa là: say sưa với cảnh không, thích thú nơi tịch mịch, thân yên lặng như tro nguội, tâm trí diêt, không móng niệm.*

*Bởi thế nên Phật quở hàng Tiểu thừa là loại giống khô, mộng héo (tiêu nha bại chủng), nghĩa là thứ giống khô rụi, không thể nứt mộng sanh chồi nữa được.*

*Phật lại dạy rằng: Không ai đem giống gieo trồng trên hư không được, mà phải gieo trồng trên mặt đất. Giống Bồ đề cũng thế, không thể gieo trồng nơi chỗ trống không được, mà phải gieo trồng nơi đất chúng sanh. Bởi thế nên muốn thành quả Phật Bồ đề, thì phải hóa độ chúng sanh.*

# Bài thứ 5: CHƯƠNG DI LẶC BỒ TÁT

**1.** **NGÀI DI LẶC BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi đó Ngài Di Lặc Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng và chấp tay kính cẩn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Ðại bi Thế tôn, Ngài đã vì các vị Bồ tát và Ðại chúng, mở kho báu bí mật của Như Lai (Viên Giác cảnh giới) và làm cho Ðại chúng hiện tại cùng chúng sanh đời sau, được con mắt đạo sáng suốt không lo sợ, phân biệt được việc tà chánh, hiểu sâu lý luân hồi, đối với cảnh Ðại Niết bàn (Niết bàn Ðại thừa) sanh lòng tin chắc chắn, không còn khởi các vọng chấp, trở lại cảnh giới luân hồi nữa.

Bạch đức Thế Tôn:

1. Các vị Bồ tát và chúng sanh đời sau, làm sao đoạn được gốc rễ luân hồi, để vào biển Ðại Tịch diệt của Như Lai?

2. Có mấy loại chúng sanh luân hồi?

3. Có mấy  hạng người tu theo đạo Bồ đề của Phật?

4. Khi Bồ tát nhập thế độ sanh, phải dùng những phương tiện gì để giáo hóa chúng sanh?

Cúi xin đức Thế Tôn, rủ lòng đại bi cứu thế, chỉ dạy cho các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, khiến cho chúng sanh, gương lòng được sáng tỏ, mắt trí huệ trong xanh, viên ngộ được “Tri kiến vô thượng” của Như Lai.

Ngài Di Lặc Bồ tát thưa thỉnh như vậy ba lần, và kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Vì trong chương Kim Cang Tạng, Phật dạy: “Trước phải đoạn gốc rễ của luân  hồi từ vô thỉ”, nên chương này Ngài Di Lặc Bồ tát hỏi: “... Làm sao đoạn được gốc rễ luân hồi? Và có mấy loại chúng sanh luân hồi?”*

*Ðại ý đoạn này Ngài Di Lặc Bồ tát hỏi:*

*1. Làm sao đoạn được gốc rễ luân hồi để vào biển Ðại Niết bàn của Như Lai?*

*2. Có mấy loại chúng sanh luân hồi?*

*3. Có mấy hạng người tu đạo Bồ đề của Phật?*

*4. Khi Bồ tát nhập thế độ sanh, phải dùng những phương tiện gì để giáo hóa chúng sanh?*

***Biển Ðại Tịch diệt.****Tức là Niết bàn của Ðại thừa, rộng rãi bao la như biển cả, đã thanh tịnh mà yên lặng nên gọi rằng “Tịch diệt”. Ðủ cả bốn đức là: Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã và Chơn tịnh. Cũng là một cái tên khác của Viên Giác hay chơn tâm.*

***Ðức Di Lặc Bồ tát.****Tiền thân: Trong vô số kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Ðại Thông Trí Thắng Như Lai, lúc bấy giờ Ngài (đức Di Lặc) và đức Phật Thích Ca (tiền thân) đồng phát tâm Bồ đề. Ðến khi đức Phật Nhựt Nguyệt Ðăng Minh ra đời, thì Ngài mới phát tâm xuất gia nhưng tánh hay giải đãi, quen theo lối phong lưu đài các, phóng túng, chẳng chịu thúc liễm tu hành, nên thành Phật trễ sau đức Thích Ca, vào tiểu kiếp thứ mười.*

*Về sau nhờ đức Phật Thích Ca dạy cho pháp tu Duy thức, Ngài quán thấy “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”.*

*Vì nhận thấy giàu sang phú quý, danh vọng quyền tước... đều như bóng trong gương, như trăng dưới nước, do thức tâm biến hiện, nên Ngài tảo trừ hết vọng tưởng say mê về hư vọng giả cảnh, trừ tánh “biến kế sở chấp” trên “y tha”, ngộ được tánh “viên thành thật” nên được Phật Thích Ca thọ ký cho Ngài sau sẽ thành Phật ở thế giới Ta bà này.*

Thân hiện tại của đức Di Lặc:*Cách đây 2.500 năm (544, trước T.L), khi Phật Thích Ca giáng sanh tại Ấn Ðộ, thì Ngài hiện thân vào nhà của Bà la môn tên là Ba Bà Lợi ở về Nam Thiên Trúc, nhằm ngày mùng một tháng giêng âm lịch. Họ của Ngài là A Dật Ða (không ai hơn), tên Di Lặc (Từ Thị). Tên họ này tiêu biểu lòng từ bi, hỷ xả vô biên của Ngài. Từ bao nhiêu kiếp cho đến ngày thành Phật, Ngài cũng vẫn lấy hiệu là Di Lặc.*

*Kinh Di Lặc thượng sanh có nói: Ngày rằm tháng 2 (tháng 4 ta) sau khi nói kinh này 12 năm, thì Ngài nhập diệt tại chỗ bản sanh, rồi Ngài sanh lên nội viện cõi trời Ðâu suất để chờ khi thế giới này giảm rồi tăng trở lại, trong khoảng kiếp tăng, loài người hưởng thọ tám vạn tuổi, lúc bấy giờ Ngài mới giáng sanh xuống cõi này, rồi sau đến ngồi gốc cây Long Hoa tu thành ngôi Chánh giác. Ngài thành Phật rồi hóa độ chúng sanh vô lượng đến sáu vạn năm mới nhập diệt.*

Hóa thân của đức Di Lặc:*Kinh chép “Bồ tát dĩ lợi sanh vi bổn hoài”:  Bồ tát lấy việc cứu độ làm lợi ích cho chúng sanh làm bổn phận của mình. Ngài hiện ra nhiều thân để lẫn lộn với từng lớp người đặng hóa độ chúng sanh. Trong các hóa thân của Ngài, các Phật tử ở Tàu cùng ở Việt nam hiểu nhiều và thờ nhiều hơn hết là thân Ngài Bố Đại Hòa thượng. Ngài hiện thân làm một vị Hòa thượng tại đất Minh Châu huyện Phụng Hóa bên Tàu. Ngài thường quảy cái đãy bằng vải đi khắp chợ búa xóm làng, ai cho vật chi Ngài đều bỏ hết vào đãy mang đi. Ngài tụ họp các trẻ con lại, rồi phân phát cho chúng bánh kẹo, giảng dạy Phật pháp, trò chuyện rất vui thú, nên Ngài đi đến đâu thì các em tụ họp đông đảo đến đó.*

*Ngài thường giảng kinh cho người nghèo, làm nhiều điều mầu nhiệm lạ thường. Lúc bấy giờ thiên hạ không ai hiểu đặng Ngài là người như thế nào cả, chỉ cùng nhau kêu là vị Bố Ðại Hòa thượng (ông Hòa thượng mang đãy bằng vải). Ðến đời Lương niên hiệu Trịnh Minh năm thứ ba, tháng ba, Ngài nhóm chúng lại tại chùa Nhạc Lâm, rồi Ngài ngồi ngay thẳng nói bài kệ:*

***Di Lặc chơn Di Lặc***  
***Hóa thân thiên bách ức***  
***Thời thời thị thời nhơn***  
***Thời nhơn giai bất thức***

*(Di Lặc thật là Di Lặc, biến hóa trăm ngàn ức thân, thường hiện trong đời, mà người đời chẳng ai biết). Nói xong kệ rồi, Ngài an nhiên nhập diệt. Kẻ tăng người tục đều cùng nhau đến lễ bái cúng dường và dựng tượng Ngài thờ tại điện ở phía đông chùa Nhạc Lâm bên Tàu.*

*Vì căn cứ theo ứng thân này, nên trong các chùa ở Tàu hay Việt Nam thường thờ tượng ngài Bố Ðại Hòa thượng với vẻ mặt hiền từ hân hoan, miệng cười vui vẻ, tượng trưng cho đức hoan hỷ. Người béo bụng to, hay cầm cái đãy. chung quanh có sáu em bé đang leo trèo lên mình Ngài, là tượng trưng cho lục tặc (sáu giặc) khi đã bị Ngài hàng phục. Ðây là hóa thân trong trăm ngàn hóa thân của đức Di Lặc Bồ tát.*

Tương lai của đức Di Lặc: *Hiện nay đức Di Lặc là một vị Bổ xứ Bồ tát đang ở nội viện cung trời Ðâu suất, đợi đến khi thế giới này hết kiếp giảm thứ 9 rổi, đến kiếp tăng thứ 10, trong lúc nhơn loại hưởng thọ được trên tám vạn tuổi, lúc bấy giờ Ngài mới giáng sanh xuống cõi này, trong nhà của một vị Bà la môn tên là Tu Phạm Ma, thân mẫu của Ngài tên Phạm Ma Bạt Ðề. Khi sanh ra Ngài có nhiều tướng tốt, đức hạnh vẹn toàn, thông minh quán chúng. Lớn lên Ngài xuất gia tu hành, đến núi Kê Túc để nhận lãnh y bát của Ðức Phật Thích Ca, do ngài Ma Ha Ca Diếp trao lại, rồi sau Ngài đến ngồi dưới gốc cây Long Hoa dùng Kim Cang trí trừ sạch vi tế vô minh, chứng đạo vô thượng Bồ đề.*

*Ngài thuyết pháp tại giảng đường Hoa Lâm dưới cây Long Hoa. Hội thứ nhất độ được chín mươi sáu ức người thành A La Hán, hội thứ hai độ chín mươi bốn ức người thành A La Hán, hội thứ ba độ chín mươi hai ức người thành A La Hán. Thế nên gọi là “Long Hoa tam bội”. Ngài thuyết pháp đến sáu vạn năm, hóa độ vô số chúng sanh.*

**2. PHẬT KHEN NGÀI DI LẶC BỒ TÁT**

Khi ấy đức Thế Tôn khen ngài Di Lặc Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai những nghĩa lý cao siêu huyền diệu, khiến cho các vị Bồ tát đều được con mắt trí huệ thanh khiết và tất cả chúng sanh đời sau đoạn tuyệt được sanh tử luân hồi, tâm ngộ Thật tướng(1) và chứng được Vô sanh nhẫn(2). Các ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông chỉ dạy.

Khi ấy ngài Di Lặc Bồ tát và Ðại chúng đều vui mừng kính cẩn, vâng nghe lời Phật khai thị.

**LƯỢC GIẢI**

Ðoạn này Phật khen ngài Di Lặc Bồ tát: Nhờ lời ông hỏi, để Phật chỉ giáo, nên khiến các vị Bồ tát hiện tại, mắt trí huệ được sáng tỏ và chúng sanh đời sau cũng nhờ câu hỏi này mà vĩnh viễn ra khỏi luân hồi.

**3.** **PHẬT DẠY: ÁI VÀ DỤC LÀ GỐC RỄ CỦA SANH TỬ LUÂN HỒI**

- Này Thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến giờ, đều do món “ân ái và tham dục” cho nên mới bị sanh tử luân hồi. Tất cả chúng sanh trong thế giới tóm lại có bốn loài:

1. Loài sanh trứng  
2. Loài sanh con  
3. Loài sanh chỗ ẩm ướt  
4. Loài hóa sanh

Các loại chúng sanh này, đều do “dâm dục” mà tạo thành tánh mạng của nó (nhứt thế chúng sanh giai dĩ dâm dục nhi chánh tánh mạng).

Bởi thế, nên các ông phải biết: gốc rễ của sanh tử luân hồi là “Ái” và “Dục” vậy. Vì có “dục” cho nên mới sanh ra ái luyến, do “luyến ái” nên mới sanh tử tử sanh, nối luôn không dứt.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật chỉ ngay gốc rể của sanh tử luân hồi là “ân ái và tham dục”. Chính như thân mạng của các chúng sanh đây, cũng đều do dâm dục tạo thành.*

*Bởi thân mạng đã do ái dục sanh, nên thân mạng còn thì ái dục còn, ái dục còn thì thân mạng còn.*

*Trong kinh Phật danh chép: “Có ái dục thì sanh, ái dục hết thì diệt; cho biết gốc rễ của sanh tử là tham ái (hữu ái tắc sanh, ái tận tắc diệt, cố tri sanh tử, tham ái vi bổn).*

*Trong kinh Niết bàn cũng nói: “Nhơn ái sanh ưu, nhơn ưu sanh bố, nhược ly tham ái, hà ưu hà bố”. Nghĩa là: Vì tham ái nên mới sanh lo, nhơn lo mới sanh sợ, nếu nguời lìa được ái dục rồi, thì có lo gì và sợ gì?*

*Bốn loài:*

*1. Noãn sanh: loài sanh trứng, như loài chim, cá v.v…*

*2. Thai sanh: loài sanh con, như loài người và thú v.v...*

*3. Thấp sanh: loài sanh chỗ ẩm ướt, như lăng quăng, vi trùng v.v...*

*4. Hóa sanh: như loài nhộng hóa làm bướm, hoặc như loài Địa ngục, Ngạ quỷ và chư Thiên v.v...*

- Này Thiện nam! Nhơn ái luyến nên sanh ra “dục”, do dục nên mới có thân mạng. Bởi thế, nên truy tầm đến cội gốc của nó, thì chúng sanh ái luyến thân mạng tức là ái luyến “Dục”. Ái luyến dục là “nhơn”, mà ái luyến thân mạng là “quả”.

**LUỢC GIẢI**

*Ngài Tôn Mật nói: “Do cảnh dục trần bên ngoài nó trêu ghẹo, làm cho tâm sanh ái luyến; do tâm ái luyến, cho nên mới sanh ra tham dục. Vì tham dục nên tạo nghiệp, do tạo nghiệp nên mới thọ quả. Khi thọ quả khổ rồi trở lại tạo nghiệp nữa. Vì thế nên sanh tử không cùng”.*

**4. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI: “CÓ MẤY LOẠI CHÚNG SANH LUÂN HỒI?”**

- Này Thiện nam! Cảnh hồng trần có lắm điều xuôi ngược, nếu người khi gặp nghịch cảnh, sanh tâm giận ghét, tạo ra các nghiệp dữ, thì đọa vào Ðịa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh.

Nếu người biết nhàm cảnh dục, ưa tạo nghiệp lành, chán chê ác nghiệp, thì lại sanh về cõi người và cõi trời Dục giới.

Còn những người nhàm chê cảnh trần lao, ô nhiễm ở cõi Dục, tham ái cảnh Tứ thiền và Bát định của hai cõi trên, như thế cũng còn tư dưỡng gốc tham ái, cho nên sanh về hai cõi hữu vi là “trời Sắc giới” và “Vô sắc giới”.

Các loại chúng sanh trên đây, đều còn trong vòng sanh tử luân hồi, vì còn các tham ái, nên chẳng thành Thánh đạo. Thế nên, chúng sanh nào muốn thoát ly sanh tử luân hồi, thì trước phải đoạn trừ các tham dục và tâm ái luyến.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trên là ngài Di Lặc Bồ tát hỏi: “Có mấy loại chúng sanh luân hồi?”. Ðến đoạn này Phật trả lời có ba loại chúng sanh luân hồi:*

***1. Ác nghiệp.****Như Ðịa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh (nghiệp ác bực thượng thì đọa vào Địa ngục, nghiệp ác bực trung thì đọa làm Ngạ quỷ, nghiệp ác bực hạ thì đọa làm Súc sanh).*

***2. Thiện nghiệp.****Ðây là nói về hữu lậu thiện. Như: Thiên, Nhơn và Thần A Tu La (Nghiệp lành bực thượng thì sanh lên 6 cõi Trời về Dục giới, nghiệp lành bực trung thì sanh về cõi Người, nghiệp lành bực hạ thì sanh làm thần A Tu La)*

***3. Bất động nghiệp.****(Thiền định) Như cõi Trời Tứ Thiền và Tứ Không. Do tu thiền định mà được sanh về bốn cõi Thiền ở Sắc giới (1. Ly, sanh hỷ lạc địa; 2. Ðịnh, sanh hỷ lạc địa; 3. Ly hỷ, diệu lạc địa; 4. Xả niệm, thanh tịnh địa). Và bốn cõi Không, ở cõi Trời Vô sắc (1. Không vô biên xứ thiên; 2. Thức vô biên xứ thiên; 3. Vô sở hữu xứ thiên; 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên).*

*Ba loại chúng sanh này (ác nghiệp, thiện nghiệp và bất động nghiệp) tuy có cao thấy, sang hèn khác nhau, nhưng cũng đều còn ái và dục, chẳng qua thô hay tế đó thôi. Ái dục còn tức là phiền não hữu lậu còn; vì phiền não hữu lậu còn, nên phải còn sanh tử luân hồi.*

*Tóm lại, vì chúng sanh trong ba cõi (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới) còn ái nhiễm, nên đều còn luân hồi cả.*

*Kết thúc đoạn này, Phật dạy một câu:*

*“... Thế nên chúng sanh, muốn ra khỏi sanh tử luân hồi, thì trước hết phải đoạn trừ ân ái và tham dục” (Thị cố chúng sanh, dục thoát sanh tử, miễn chư luân hồi, tiên đoạn tham dục, cập trừ ái khát).*

*Phật dạy Pháp tu ra khỏi sanh tử luân hồi, vỏn vẹn chỉ có một câu thôi:*

***“Phải đoạn ân ái và tham dục”***

*Rất giản dị và rõ ràng vô cùng. Thật là “khuôn vàng thước ngọc”, đáng làm quy củ cho muôn đời! Hành giả chỉ thật hành đúng như lời Phật dạy đây, đó là Tu, Tu là đó rồi.*

*Cũng như trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy rằng:*

***“...Dâm Tâm bất trừ,***

***Trần bất khả xuất...”***

*Nghĩa là: Tâm nghĩ ngợi đến việc dâm dục, nếu không dứt trừ, thì cảnh hồng trần này không biết bao giờ ra khỏi.*

**5. BỒ TÁT HIỆN THÂN, KHÔNG PHẢI DO ÁI DỤC MÀ DO LÒNG ĐẠI BI VÀ NGUYỆN LỰC**

- Này Thiện nam! Các vị Bồ tát hóa hiện thân hình ở trong thế gian, không phải vì ái dục nhiễm ô như chúng sanh, mà gốc do lòng Từ bi và đại nguyện cứu thế, nên đã hiện ra thân tham dục để vào sanh tử hóa độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh xả bỏ các ái dục.

**LƯỢC GIẢI**

*Vì sợ có người hiểu lầm: Bồ tát củng có phụ mẫu, thê tử, v.v... tất nhiên phải có ái dục, nhiễm ô và cũng thật sanh tử như chúng sanh, nên đoạn này Phật giải thích: Bồ tát do lòng từ bi và đại nguyện cứu thế, nên hiện ra thân tham dục, để vào sanh tử, đặng hóa độ chúng sanh, chớ không phải thật có tham dục và sanh tử.*

**6. PHẬT DẠY: CÓ NĂM CHỦNG TÁNH**

- Này Thiện nam! Nếu tất cả chúng sanh đời sau, bỏ được các tham dục, trừ tâm thương ghét, dứt hẳn sanh tử luân hồi, nơi tâm được thanh tịnh, cầu nhập cảnh giới Viên Giác của Như Lai thì sẽ được ngộ nhập.

- Này Thiện nam! Tất cả chúng sanh gốc từ vô minh tham dục, nên sanh ra năm món tánh sai khác. Năm món tánh này là căn cứ theo việc đoạn trừ hai chướng có cạn và sâu mà phân định.

Thế nào là hai chướng?

1. Lý chướng: làm chướng ngại chánh tri kiến

2. Sự chướng: làm tiếp nối các sanh tử. Nếu đối với hai món chướng này má hoàn toàn chưa đoạn thì gọi là chúng sanh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trên ngài Di Lặc Bồ tát hỏi: “Có mấy hạng người tu theo đạo Bồ đề của Phật?”. Ðến đoạn này Phật trả lời có năm hạng. Song năm hạng này là căn cứ theo việc đoạn trừ hai chướng có cạn và sâu của hành giả mà phân định.*

***Lý chướng:****Chướng về Lý, cũng tên là “Sở tri chướng”, do chấp Pháp mà sanh. Vì chấp pháp nên làm cho chướng ngại “Chơn như lý tánh” không hiện bày; vì thế, nên nói “Lý chương là chướng ngại chánh tri kiến của Phật”.*

***Sự chướng:****Chướng về Sự, cũng gọi là “Phiền não chướng”, do chấp Ngã sanh. Do các phiền não nên tạo ra các nghiệp vì tạo nghiệp nên mới thọ luân hồi. Vì thế Phật nói: “Sự chướng làm tiếp nối sanh tử luân hồi”.*

*Bởi chấp ngã nên khởi ra các phiền não làm chướng ngại Bồ đề. Bởi chấp ngã nên sanh ra Sở tri chướng, làm chướng Niết bàn tịch tịnh của Phật. Vì những người chưa phát tâm tu hành, đối với hai món chướng này chưa đoạn được món nào, cho nên chỉ kêu là “Chúng sanh” mà không liệt vào trong năm chủng tánh.*

- Này Thiện nam! Thế nào là năm chủng tánh?

1. Thinh văn chủng tánh  
2. Duyên giác chủng tánh  
3. Bồ tát chủng tánh  
4. Bất định chủng tánh  
5. Ngoại đạo chủng tánh

**1. Thinh văn và**

**2. Duyên giác chủng tánh**

Nếu chúng sanh nào đoạn tuyệt tham dục, trừ được sự chướng (ngã chấp) nhưng lý chướng (pháp chấp) chưa đoạn, thì chỉ chứng đặng quả Thinh văn và Duyên giác, chớ chưa được an trụ cảnh giới Bồ tát.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói về chủng tánh Thinh văn và Duyên giác, chung gọi là “Nhị thừa chủng tánh”.*

*Ðành rằng hai quả vị này đồng bỏ hẳn lòng tham dục, đồng phá được ngã chấp, trừ sự chướng, đồng đoạn được sanh tử và cũng đồng chưa trừ được lý chướng (pháp chấp) nhưng pháp tu của hai bên khác nhau.*

*- Một bên tu pháp Tứ đế đoạn được sự chướng (ngã chấp) thì gọi là “Thinh văn chủng tánh”.*

*- Một bên tu pháp Thập nhị nhơn duyên đoạn được  sự chướng (ngã chấp) thì gọi là “Duyên giác chủng tánh”.*

*Ngài Tôn Mật giải rằng: “Biết được khổ sanh tử, dứt trừ tâm leo chuyền, thì gọi là trừ “Sự chướng”, thật ra chưa có thể trừ được ba món Tế” (ba món Tế, xem trong quyển Ðại thừa Khởi tín luận).*

**3. Bồ tát Chủng tánh**

- Này Thiện nam! Nếu các chúng sanh đời sau, muốn vào biển Ðại Viên Giác của Như Lai, thì trước phải phát nguyện, siêng năng đoạn trừ hai món chướng. Ðến khi hai món chướng đã nép phục, thì ngộ vào cảnh giới Bồ tát.

Nếu như khi hai món chướng (*ngã chấp, pháp chấp*) đã hoàn toàn diệt, thì vào được cảnh giới Viên Giác mầu nhiệm của Như Lai, viên mãn quả Bồ đề và Đại Niết bàn.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói về Bồ tát chủng tánh. Có chia làm hai thời kỳ:*

*1. Thời kỳ hai chướng mới nép phục.*

*2. Thời kỳ đoạn tuyệt hai chướng.*

*Hành giả từ khi còn địa vị phàm phu, đang bị hai chướng (Phiền não chướng và Sở tri chướng) hoành hành, rồi trải qua giai đoạn giằng co, cho đến lúc hai chướng bị nép phục, như thế mới vừa lên địa vị Bồ tát. Khi lên địa vị Bồ tát, tiếp tục đoạn chướng, đến lúc đoạn tuyệt được Phiền não chướng (ngã chấp) thì đặng Bồ đề (Trí đức), đoạn tuyệt được Sở tri chướng (pháp chấp) thì đặng Đại Niết bàn (Đoạn đức). Hai chướng bị đoạn vĩnh viễn rồi, thì đặng vào quả “Phật”.*

*Tại sao lập Bồ tát tánh mà không lập Như Lai tánh? Vì Bồ tát tu hành đến lúc hoàn toàn rốt ráo, thì chứng quả vị Phật, nên không lập thêm Như Lai tánh.*

**4. Bất định chủng tánh**

- Này Thiện nam! Có loại chúng sanh có thể chứng được Viên Giác. Song, nếu chúng gặp Thiện tri thức là Thinh văn hóa độ, thì chúng thành Tiểu thừa; còn gặp Thiện tri thức là Bồ tát hóa độ thì chúng thành Ðại thừa. Nếu gặp Như Lai dạy tu đạo Vô thượng Bồ đề, thì chúng thành Phật thừa.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói về “Bất định chủng tánh”. Nghĩa là chúng sanh này căn tánh không nhất định Ðại thừa hay Tiểu thừa. Nếu gặp Thiện tri thức thuộc về Ðại thừa giáo hóa, thì chúng thành Ðại thừa; còn gặp Thiện tri thức thuộc về Tiểu thừa giáo hóa thì chúng thành Tiểu thừa.*

**5. Ngoại đạo chủng tánh**

- Này Thiện nam! Có những chúng sanh đi tầm Thiện tri thức chỉ dạy đường lối tu  hành, nhưng lại gặp ngoại đạo tà sư dạy bảo, nên chúng nó sanh ra tà kiến, hiểu ngộ không chơn chánh, thế gọi là “Ngoại đạo chủng tánh”. Ðây không phải lỗi tại chúng sanh đó, mà lỗi tại tà sư.

Tóm lại, chúng sanh tu Bồ đề, có năm món chủng tánh sai khác, như ta vừa kể xong.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói về “Ngoại đạo chủng tánh”. Tuy chúng sanh này vẫn có tâm tu  hành, nhưng không gặp “Thiện tri thức” giáo hóa, lại gặp tà sư chỉ dạy, nên thành ngoại đạo.*

*Vì sự hiểu biết của chúng tà ngụy, không phải chánh đạo, nên gọi là “ngoại đạo”. Ngoại đạo chủng tánh, ở kinh khác gọi là “Xiễn đề chủng tánh”, nghĩa là “đoạn giống Phật”. Vì trong bốn chủng tánh trên, tuy có Ðại thừa và Tiểu thừa khác nhau, nhưng cũng đều “Chánh ngộ”, duy có Ngoại đạo chủng tánh, sanh các tà kiến, đoạn diệt chánh kiến, trái ngược với chánh nhơn thành Phật cho nên gọi là “chúng Xiễn đề” (đoạn giống Phật).*

**7.** **BỒ TÁT NHẬP THẾ ĐỘ SANH THỊ HIỆN CÁC HÌNH TƯỚNG VÀ CÁC CẢNH THUẬN, NGHỊCH**

- Này Thiện nam! Các vị Bồ tát đều y bổn nguyện độ sanh của mình từ vô thỉ và do lòng Ðại bi thanh tịnh(3) thúc đẩy nên nhập thế độ sanh. Bồ tát dùng phương tiện thị hiện ra nhiều hình tướng, khi thì hiện cảnh thuận, khi thì hiện cảnh nghịch, có lúc lại lân la ở chung với chúng sanh và đồng làm các nghề nghiệp như chúng sanh (Ðồng sự nhiếp) để tiện bề hóa độ, khiến cho chúng sanh được thành Phật.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trên Ngài Di Lặc Bồ tát hỏi Phật: “Khi Bồ tát nhập thế độ sanh, phải dùng những phương tiện gì để giáo hóa chúng sanh?”   
Ðại ý đoạn này Phật trả lời: Bồ tát do bản nguyện độ sanh từ vô thỉ (Bồ tát dĩ lợi sanh vi bổn hoài), và lòng Ðại bi thanh tịnh thúc giục, nên mới nhập thế độ sanh; không đồng như chúng sanh do ái dục làm nhiễm ô và bị nghiệp lực lôi cuốn mà nhập thế.*

*Bồ tát dùng phương tiện, thị hiện ra nhiều hình tướng để độ sanh. Như ngài Quan Âm hiện 32 ứng thân, đức Di Lặc Bồ tát hiện thân Bố Đại Hòa thượng, hoặc có vị hiện thân Kim Cang, hiện thân Tiêu Diện, Thập Ðiện Minh vương, Ngưu đầu, Mã diện, v.v... có lúc hiện “Từ”, có lúc hiện “Oai” nên có câu:*

***“Kim Cang lộ mục sở dĩ hàng phục tứ ma***

***Bồ tát đê mi do thị ai từ ư lục đạo”***

*Nghĩa là: Thần Kim Cang trợn mắt là để hàng phục bốn ma. Bồ tát xủ mày là vì thương chúng  sanh trong 6 đạo. Bồ tát khi thì hiện cảnh thuận: Giảng dạy Pháp lành khuyên người tu học v.v... có lúc lại hiện cảnh nghịch như: hiện chảo dầu sôi, để độ ông Nan Ðà Tôn giả, hoặc dùng gông xiềng đánh đập v.v... để cho người biết thức tỉnh hồi tâm. Cổ nhơn nói: “Người không gặp tai nạn, thì chẳng biết hồi tâm hướng thiện”. (Nhơn vô vạn họa, bất hồi đầu). Hay như ngài Thiện Tài Ðồng Tử đi tham học với Bà Tu Mật Nữ v.v…*

*Bồ tát có khi thị hiện lân la ở chung cùng với chúng sanh  và đồng làm các nghề nghiệp như chúng sanh (như ngài Lục Tổ khi ở chung với bọn thợ săn v.v... để lần hồi dẫn dắt chúng sanh trở về Chánh đạo).*

*Tóm lại, các Bồ tát nhập thế độ sanh, đều do tâm Đại bi làm chủ động, lấy Ðại nguyện làm căn bản, dùng phương tiện có nhiều môn, tuy không nhứt định, nhưng đại khái không ngoài Thuận và Nghịch. Hoặc dùng lời giảng dạy (khẩu giáo hóa) hoặc hiện thân hóa độ (thân giáo hóa), hoặc dùng đồng sự nhiếp, chung quy một mục đích là khiến cho chúng sanh được giải thoát và thành Phật.*

**8. CHỈ NGUYỆN THÀNH PHẬT, KHÔNG Ở NHỊ THỪA VÀ CHỚ GẶP NGOẠI ĐẠO**

- Này Thiện nam! Nếu chúng sanh đời sau, phát Đại nguyện thanh tịnh của Bồ tát, khởi tâm tăng tấn cầu nhập Viên Giác, thì phải phát nguyện như vầy:

Con nguyện ngày nay, được gặp Thiện tri thức dạy con tu hành để nhập Viên Giác của Phật, chớ gặp tà sư ngoại đạo và Nhị thừa.

Con y theo bản nguyện tu hành, lần hồi dứt trừ các chướng. Khi các chướng hết, nguyện viên mãn, thì con sẽ được vào thành lớn Viên Giác, trang nghiêm tốt đẹp và lên cung điện thanh tịnh giải thoát của Như Lai.

**LƯỢC GIẢI**

*Đại  ý đoạn này Phật dạy các chúng sanh đời sau, muốn cầu Viên Giác, thì phải phát lời thệ nguyện: “Con nguyện chớ gặp tà sư ngoại đạo và Tiểu thừa chỉ lo tu ích kỷ tiêu cực không chịu hoằng pháp lợi sanh. Con nguyện gặp Thiện tri thức Ðại thừa, tu lợi tha tích cực, dạy bảo con tu hành được thành quả Phật”.*

*Ngài Như Sơn nói: “Lý, tuy đốn ngộ, nhưng về phần sự tướng thì phải lần lần diệt trừ” (Lý tuy đốn ngộ, sự nải tiệm trừ).*

*Khi các chướng hết rồi, thì đi, đứng, nằm, ngồi trong tất cả thời và tất cả chỗ, đều được giải thoát. Ðó là cung điện giải thoát thanh tịnh và thành Viên Giác trang nghiêm của Như Lai.*

**9. PHẬT NÓI BÀI KỆ, TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi đó Ðức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng:

Di Lặc! Ông nên biết:  
Tất cả các chúng sanh  
Ðều do tham dục vậy,  
Nên đoạ vào sanh tử,  
Chẳng đặng đại giải thoát.  
Nếu  người đoạn thương ghét,  
Cùng với tham, sân, si  
Không cần tu gì khác,  
Cũng đều được thành Phật.  
Cầu nguyện gặp Minh sư,  
Khai ngộ được chơn chánh.  
Y theo nguyện Bồ tát,  
Trừ tuyệt hai món chướng,  
Ðược vào Đại Niết bàn,  
Các Bồ tát mười phương,  
Ðều bởi lòng Ðại bi,  
Phát nguyện vào sanh tử,  
Tùy loại độ chúng sanh.  
Người tu hành hiện tại  
Và chúng sanh đời sau,  
Phải đoạn trừ ái hoặc,  
Mới đặng vào Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Bài kệ này Phật gọi ngài Di Lặc Bồ tát mà dạy, đại ý như vầy: Tất cả chúng sanh vì tham dục, nên bị sanh tử luân hồi, không được giải thoát. Nếu người đoạn tuyệt được Tham, Sân, Si v.v... thì được thành quả Phật. Thế nên người tu hành phải cầu Minh sư khai ngộ, rồi y theo hạnh nguyện của Bồ tát mà đoạn trừ hai chướng và cầu chứng quả Niết bàn của Phật.*

*Các vị Bồ tát ở mười phương đều do lòng Ðại bi thanh tịnh làm chủ động và chí nguyện lợi tha thúc đẩy, nên không nỡ yên ở chỗ thanh tịnh tu giải thoát một mình, thích thú nơi cảnh tịch tịnh lo phần ích kỷ như hàng Tiểu thừa; mà Bồ tát thệ nguyện nhập thế độ sanh, lẫn lộn với trần lao để tùy duyên hóa độ. Không sợ ô nhiễm, chẳng kể gian lao, không từ khó nhọc.*

*Như ngài Ðịa Tạng Bồ tát nguyện rằng:*

***“Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ đề***

***Ðịa ngục vị không thệ bất thành Phật”***

*Tổ A-Nan cũng thệ rằng:*

***“... Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập***

***Như nhứt chúng sanh vị thành Phật***

***Chung bất ư thử thủ Nê hoàn...”***

\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Thật tướng:  Tướng chơn thật, không hư vọng, không bị thời gian thay đổi, không gian chuyển dời, suốt xưa thấu nay, nó vẫn thường như; cũng một biệt danh của “Viên Giác”.*

*(2) Vô sanh nhẫn: Chữ “Nhẫn” là an nhẫn, an trụ hay là chứng. Chữ “Vô sanh” là không sanh. Nghĩa là: an trụ chỗ Ngã và Pháp không còn sanh khởi, tức là an trụ “chơn tâm”.*

*(3) Ðại bi thanh tịnh: Bồ tát do lòng từ bi rộng lớn thương xót chúng sanh mà hiện thân hóa đạo, không phải vì danh và lợi v.v.. cho  nên nói là “Thanh tịnh”.*

# Bài thứ 6: CHƯƠNG THANH TỊNH HUỆ

**1. NGÀI THANH TỊNH HUỆ BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ tát ở trong Ðại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi chắp tay kính cẩn, đảnh lễ dưới chân Phật và quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Ðại Bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng con, khôn khéo rộng nói những việc không thể nghĩ bàn. Những việc mà chúng con từ hồi nào đến giờ, chưa từng thấy  và chưa từng nghe, hôm nay nhờ Phật khai thị khiến cho chúng con được liễu ngộ, thân tâm khoan khoái vui mừng, đặng lợi ích rất lớn.

Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài vì các vị Bồ tát và tất cả chúng sanh trong pháp hội này, chỉ dạy thứ lớp tu chứng của Như Lai như thế nào để cho chúng sanh hiện tại và đời sau, nhơn nghe lời Phật dạy đây, mà được khai ngộ, lần lượt tùy thuận vào tánh Viên Giác của đức Pháp Vương (Phật).

Ngài Thanh Tịnh Huệ thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này, ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ tát hỏi Phật: Trên đường lối tu hành, từ địa vị phàm phu đến quả vị Phật, phải trải qua bao nhiêu địa vị?  Thứ lớp tu chứng sai khác thế nào? Cầu Phật chỉ dạy, khiến cho chúng sanh được liễu ngộ, lần lượt nhập vào tánh Viên Giác.*

***Thanh Tịnh Huệ****là trí huệ thanh tịnh, tức là Bát nhã huệ. Từ chương này đến 6 chương sau là chú trọng về việc hạ thủ công phu. Trong khi tu hành bất luận giờ phút nào, cũng phải dùng Bát nhã trí để lãnh đạo; cho nên chương này ngài Thanh Tịnh Huệ đứng lên thưa hỏi, là tiêu biểu cho Bát nhã huệ vậy.*

**2. PHẬT KHEN NGÀI THANH TỊNH HUỆ BỒ TÁT**

Khi đó đức Thế Tôn khen ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì các Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về thứ lớp tu chứng sai khác như thế nào. Vậy các ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông chỉ dạy.

Khi đó ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ tát và Ðại chúng đều hoan hỷ và kính cẩn vâng nghe lời Phật chỉ giáo.

**3. PHẬT DẠY: TRONG VIÊN GIÁC KHÔNG CÓ BỒ TÁT VÀ CHÚNG SANH**

- Này Thiện nam! Trong tánh Viên Giác thanh tịnh, không tất cả pháp, mà có đủ tất cả pháp. Nó tùy thuận các duyên biến hiện ra đủ tất cả, mà không thủ và không chứng. Thí như con mắt, thấy được tất cả vật, mà không tự thấy mình. Nó vẫn bình đẳng mà không tự thấy mình bình đẳng.

Này Thiện nam! Trong thật tướng (Viên Giác) không có Bồ tát và chúng sanh. Tại sao thế? Bởi Bồ tát và chúng sanh đều là huyễn hóa vậy. Khi các tướng huyễn hóa diệt rồi, thì không có người năng chứng và quả sở chứng.

Chúng sanh vì còn mê muội điên đảo nên chưa diệt trừ được các tướng huyễn hóa. Vì chúng sanh vọng khởi công dụng, để đối trị các tướng huyễn hóa, bởi có những tướng huyễn hóa đã diệt và chưa diệt, nên chúng mới thấy có thứ lớp tu chứng sai khác. Nếu người đặng tùy thuận tánh Viên Giác tịch diệt của Như Lai rồi, thì không còn thấy có cảnh tịch diệt và người tịch diệt nữa.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật nói:  Trong tánh Viên Giác vốn không có tất cả pháp, mà tùy duyên hiện ra đủ tất cả các pháp sai khác. Ðoạn này giống với đoạn trong kinh Lăng Nghiêm. Phật thí dụ cây đờn: Trong cây đờn không có các bài bản hay và dở; song tùy duyên nó hiện ra đủ các tiếng hay và dở.*

*Trong tánh Viên Giác không có năng thủ, sở thủ và năng chứng sở chứng, không Bồ tát và chúng sanh. Vì chúng sanh chưa diệt trừ được các tướng huyễn hóa, nên vọng khởi công dụng để dẹp trừ các tướng vọng huyễn này. Vì thế mà thấy có chứng và có đắc, bực lớp sai khác. Nếu người tùy thuận được tánh Viên Giác tịch diệt của Như Lai rồi, thì không còn thấy có một pháp nào cả.*

*Trong đoạn này có cái ví dụ: “Như con mắt không tự thấy con mắt”. Cái ví dụ này chỉ cho tánh bình đẳng và vô công dụng của Viên Giác. Tánh Viên Giác tùy duyên hiện ra các pháp mà không thủ, không chứng. Cũng như con mắt bình đẳng chiếu soi tất cả vật, mà không thấy mình có chiếu soi và bình đẳng.*

**4. PHÀM PHU TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC (ĐỊA VỊ THẬP TÍN)**

- Này Thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến giờ, do lầm tưởng có “thật ta và vật của ta” rồi sanh lòng thương yêu cái ta và vật của ta, cho nên gặp cảnh nghịch với ta thì giận ghét, còn thuận với ta thì tham ái, say mê theo cảnh ngũ dục. Chúng chưa từng biết thân tâm này là hư vọng, mỗi niệm sanh diệt luôn luôn, không có thật ta.

Nếu gặp thiện hữu tri thức dạy bảo, chúng được khai ngộ tánh Viên Giác thanh tịnh, hiểu rõ thân tâm này là hư vọng mỗi niệm sanh diệt không thật có cái ta; lúc bấy giờ chúng mới tự xác nhận rằng: thân tâm này là “trần lao vọng lự”.

Những người nào đoạn trừ được vĩnh viễn các trần lao vọng lự này, thì ngộ pháp giới thanh tịnh, nhưng đối với tánh Viên Giác chưa được tự tại, vì còn bị cái “biết thanh tịnh” nó làm chướng ngại, những người như thế thì gọi là kẻ phàm phu tùy thuận tánh Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trên (số 3) là đứng về tánh Viên Giác thanh tịnh bình đẳng mà nói, nên không có Bồ tát và chúng sanh sai khác. Nhưng đứng về phương diện sự tướng tu hành mà luận thì có lớp lang tu chứng rõ ràng. Bởi thế nên từ đoạn này (số 4) về sau là nói thứ lớp nhập Viên Giác, bắt đầu từ vị Thập Tín, Tam Hiền, Thập Thánh và đến quả Phật.*

*Ðại ý đoạn này, nói hàng Thập Tín tùy thuận tánh Viên Giác. Bởi tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến giờ vì mê lầm chấp ta và cảnh vật của ta là chơn thật, cho nên sanh ra tham, sân v.v… Nếu gặp Thiện tri thức dạy bảo, chúng giác ngộ được cái “ta” và “cảnh vật của ta” đều hư vọng, sanh diệt không thật, thì lúc bấy giờ chúng mới trừ được ngã chấp, đặng pháp giới Thanh tịnh. Nhưng, vì còn “biết thanh tịnh”, thế là còn pháp chấp chưa trừ, nên còn chướng ngại tánh Viên Giác. Vì thế nên gọi là “chúng Phàm phu (vị Thập tín) tùy thuận tánh Viên Giác”.*

**5. BỒ TÁT Ở VỊ TAM HIỀN, TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC**

- Này Thiện nam! Tất cả các vị Bồ tát, vì còn chấp cái “biết thanh tịnh” (giác), nên chướng ngại tánh Viên Giác. Nay tuy đoạn được cái chướng ngại đó (cái biết thanh tịnh) nhưng còn trụ ở cái “giác”. Như thế cũng còn cố chấp ở nơi “giác”, nên tánh Viên Giác vẫn còn bị chướng ngại, không được tự tại. Bởi thế nên gọi là bực Tam hiền Bồ tát, tùy thuận tánh Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Các vị Bồ tát này, tuy rời được cái “biết thanh tịnh”, nhưng còn cái “biết giác”. Vì còn cái “biết giác” làm chướng ngại, nên tánh Viên Giác không được hiển hiện. Ðại ý đoạn này nói: Bực Tam hiền Bồ tát tùy thuận tánh Viên Giác, Tam hiền là: Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng.*

**6.** **BỒ TÁT LÊN THÁNH VỊ, TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC**

- Này Thiện nam! Nếu còn “biết” (chiếu) và còn có “giác”, thì đều còn chướng ngại (vì còn năng và sở).

Thế nên Bồ tát thường “giác” mà không trụ nơi “giác”, năng chiếu và sở chiếu đồng vắng lặng. Bồ tát tự dùng tâm chướng ngại diệt trừ các chướng ngại (dĩ vọng diệt vọng), khi các chướng ngại diệt hết, cũng không còn người năng diệt. Thí như có người tự mình chặt lấy đầu mình, khi cái đầu đã rụng rồi, thì cũng không có người chặt (năng đoạn).

Này Thiện nam! Tất cả kinh giáo của Như Lai đều như ngón tay để chỉ mặt trăng Viên Giác (chơn lý). Vậy các ông phải biết: đây là ngón tay kinh giáo chớ không phải mặt trăng Viên Giác. Nếu các ông chỉ cố chấp ngón tay, thì không bao giờ thấy được mặt trăng. Những người biết nhơn ngón tay kinh giáo này, mà nhận được mặt trăng Viên Giác, thì gọi là Bồ tát lên Thánh địa, tùy thuận tánh Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trên nói, Bồ tát ở vị Tam Hiền còn “biết” và còn “giác”. Ðến đoạn này nói: Bồ tát đã lên Thánh địa, tuy thường “giác” mà không trụ trước nơi “giác”, vì không còn năng và sở. Cũng như người ta tự chặt cái đầu của mình, khi cái đầu rụng rồi, thì không có người chặt và kẻ bị chặt.*

*Tất cả kinh giáo của Phật đều là phương tiện để chỉ chơn lý (Viên Giác). Hành giả phải nương các pháp phương tiện để đến chơn lý; nếu cố chấp nơi phương tiện không bao giờ đến chơn lý.*

*Giáo pháp của Phật cũng như ngón tay chỉ mặt trăng. Người muốn thấy mặt trăng thì phải nhơn ngón tay mà xem, khi thấy mặt trăng (chơn lý) rồi thì phải quên ngón tay (phương tiện). Nếu cố chấp nơi ngón tay (phương tiện) thì người ấy không bao giờ thấy mặt trăng chơn lý.*

*Cái thí dụ này giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Phật thí dụ “ngón tay chỉ mặt trăng v.v...”*

**7.** **NHƯ LAI TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC**

- Này Thiện nam! Tất cả sự chướng ngại tức là Cứu kính giác, chánh niệm hay vọng niệm đều là Giải thoát, trì giới hay phá giới đều là Niết bàn; trí huệ hay ngu si cũng đều là Bát nhã; Bồ tát và ngoại đạo đồng là Bồ đề; Vô minh và Chơn như đồng một cảnh giới; giới, định, huệ và dâm, nộ (giận), si đều là hạnh thanh tịnh; chúng sanh và quốc độ đồng một Pháp tánh; địa ngục và thiên đường đều làm Tịnh độ; hữu tình và vô tình đều thành Phật đạo; tất cả phiền não là rốt ráo giải thoát, vì biển huệ pháp giới chiếu soi các tướng cũng như hư không. Ðây gọi là Như Lai tùy thuận tánh Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Các đoạn trên đã nói: từ vị Thập tín, thì bị cái “biết tịnh” làm ngại; qua vị Tam hiền, lại bị cái “biết giác” làm ngại; đến vị Thập thánh, tuy đã lìa hết các ngại, nhưng hãy còn cái “thường giác” chưa được viên dung.*

*Ðoạn này nói về quả vị Phật, đã hoàn toàn nhập Viên Giác tánh, thấy tất cả pháp đồng một bản thể, nên nói: “Các chướng ngại tức là cứu kính giác, chánh niệm và tà niệm đều là giải thoát, phiền não sanh tử tức là Bồ đề, Niết bàn, trí huệ, ngu si đều là Bát nhã v.v...”*

*Bởi thế nên Cổ đức có dạy rằng: “Mê thời Chơn như thành vọng tưởng, ngộ thời vọng tưởng, tức Chơn như”.*

**8.** **TÓM LẠI**

- Này Thiện nam! Các vị Bồ tát và chúng sanh đời sau, chỉ trong tất cả thì giờ không khởi vọng niệm phân biệt, đối với các vọng tâm cũng chẳng cần diệt trừ, ở cảnh vọng tưởng, chẳng gia thêm phân biệt, ở nơi cảnh không rõ biết, chẳng cần phân biệt chơn thật, khi nghe đến pháp môn này, không lấy làm lạ lùng và kinh hãi, lại sanh tâm tin chắc, hiểu biết rõ ràng, lãnh thọ và phụng trì, thì ta gọi chúng sanh này là người tùy thuận tánh Viên Giác.

- Này Thiện nam! Các ông phải biết. Những chúng sanh tùy thuận như thế, là đã nhiều đời tu hành, từng trồng rất nhiều công đức: “Cúng dường các đức Phật và các vị Bồ tát nhiều như số cát sông Hằng. Ta ấn chứng cho những người này sẽ thành tựu “Nhứt thế chủng trí” (Phật trí).

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật dạy cốt yếu có một câu: “Chỉ trong tất cả thì giờ, không khởi vọng niệm, v.v… đó là tùy thuận tánh Viên Giác”. Nghĩa là: nếu trong tất cả thời mà vọng niệm không sanh khởi, thì tham, sân, si không sanh; 3 độc không sanh thì 3 nghiệp chẳng tạo, các nghiệp không tạo thì chẳng còn sanh tử luân hồi; sanh tử đã không thời chơn tâm tự hiện, như thế là tùy thuận tánh Viên Giác. Tỷ như ly nước đục để trên bàn, nếu trong tất cả thì giờ đều được yên lặng, không bị chao động, thì tánh nước trong tự hiện.*

*Ðoạn này giống như trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy: “Bất tùy phân biệt” (không theo trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt). Thật là một pháp tu mau chóng (viên đốn), nếu không phải người nhiều kiếp tu  hành, đã từng trồng căn lành từ nhiều đời đức Phật, thì không thể lãnh thọ nổi pháp môn này.*

*Tóm lại, Phật dạy: Nếu các Bồ tát và chúng sanh đời sau, chỉ trong tất cả thời không khởi vọng niệm, cũng không cần để tâm diệt trừ vọng niệm v.v... những chúng sanh thật hành được như thế là căn lành của chúng đã trồng sâu từ nhiều đức Phật, và chúng đã nhập được tánh Viên Giác, sẽ thành quả Phật.*

*Ngài Thanh Tịnh Huệ hỏi thứ lớp tu chứng của Như Lai, đến đây Phật trả lời đã xong hết.*

**9. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng:

Thanh Tịnh Huệ! Phải biết:  
Viên mãn tánh Bồ đề,  
Không còn thủ và chứng,  
Không Bồ tát, chúng sanh.  
Giác và khi chưa giác,  
Thứ lớp có sai khác:  
Chúng sanh bị “biết” ngại (Thập tín)  
Bồ tát bị “giác” ngại (Tam hiền)  
Thánh Ðịa hằng vắng lặng (Thập thánh),  
Vì không trụ các tướng,  
Viên mãn quả Ðại giác,  
Nên gọi “khắp tùy thuận” (Phật).  
Các chúng sanh  đời sau,  
Tâm chẳng sanh hư vọng,  
Ta nói chúng sanh này,  
Hiện đời là Bồ tát,  
Vì cúng dường chư Phật,  
Công đức đã viên mãn.  
Tuy có nhiều phương tiện,  
Cũng đều tùy thuận Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này Phật dạy: Tánh Viên Giác không có thủ và chứng, không Bồ tát và chúng sanh. Nhưng về thứ lớp tu hành thì có phân ra Tín vị, Hiền vị, Thánh vị, và Phật vị. Nếu như chúng sanh nào tâm chẳng sanh vọng tưởng, là Bồ tát hiện tại, vì chúng sanh này đã trồng công đức từ hằng sa chư Phật.*

*Pháp môn tu tuy có nhiều và thứ lớp chứng đạo có sai khác, nhưng cũng đều về tánh Viên Giác.*

*Trong chương Thanh Tịnh Huệ này, ngài Thanh Tịnh Huể hỏi Phật thứ lớp tu chứng như thế nào?  Phật trả lời có hai phần:*

*1. Ðứng về lý tánh Viên Giác mà nói, thì không có Bồ tát và chúng sanh, không thủ và không chứng.*

*2. Về sự tướng tu hành, thì có thứ lớp sai khác. Như về Tín vị thì bị cái “biết” (giả) làm ngại; ở về Hiền vị thì còn bị cái “giác” làm ngại; vào Thánh vị tuy được tịch diệt nhưng chưa được viên mãn.*

*Tóm lại, Phật dạy một câu “Nếu người đối với tất cả thời, không khởi vọng niệm, thì được tùy thuận tánh Viên Giác”.*

# **Bài thứ 7: CHƯƠNG OAI ÐỨC TỰ TẠI**

**1. NGÀI OAI ÐỨC TỰ TẠI BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Oai Ðức Tự Tại Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng rồi chắp tay kính cẩn, đảnh lễ dưới chân Phật và quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Ðại Bi Thế Tôn, xin Ngài vì chúng con, phân biệt chỉ dạy “phương tiện để nhập Viên Giác tánh, khiến các vị Bồ tát nhờ nghe viên âm(1) của Phật mà giác tâm được quang minh, chẳng nhơn tu hành mà vẫn được lợi ích lớn.

Bạch đức Thế Tôn, thí như cái thành lớn (Viên Giác) có bốn cửa (các phương tiện), hành giả muốn vào cửa nào cũng được, đâu phải chỉ có một con đường.

Cũng thế, các vị Bồ tát tu hành, làm trang nghiêm cõi Phật và thành đạo Bồ đề đâu phải chỉ có một phương tiện. Cúi xin đức Thế Tôn vì chúng con chỉ dạy các phương tiện tu hành và thứ lớp làm sao, để các vị Bồ tát trong pháp hội này và chúng sanh đời sau cầu pháp Ðại thừa, đều được khai ngộ và mau vào biển Ðại tịch diệt (Viên Giác) của Như Lai.

Ngài Oai Ðức Tự Tại Bồ tát thưa thỉnh như vậy 3 lần, chắp tay kính cẩn, lễ Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Thành Viên Giác không hai, nhưng cửa phương tiện đi vào rất nhiều. Xin Phật vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau tu Ðại thừa, chỉ dạy các phương tiện và thứ lớp tu hành như thế nào, để hành giả mau được vào thành Viên Giác.*

*Kinh Lăng Nghiêm chép: “Quy nguyên tánh vô nhị, phương tiện hữu đa môn”. (Trở về tánh “Bản nguyên” thì không hai, nhưng phương tiện đi vào lại có nhiều cửa).*

**2. PHẬT KHEN NGÀI OAI ÐỨC TỰ TẠI BỒ TÁT**

Khi đó đức Thế Tôn khen ngài Oai Ðức Tự Tại Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về các phương tiện tu hành. Ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông chỉ dạy.

Khi đó ngài Oai Ðức Tự Tại Bồ tát cùng với đại chúng cùng yên lặng, chăm chú và hoan hỷ nghe lời Phật chỉ giáo.

**3. PHẬT DẠY: CẢNH “VIÊN GIÁC” KHÔNG HAI NHƯNG PHƯƠNG TIỆN VÀO CÓ NHIỀU ĐƯỜNG**

- Này Thiện nam! Tánh Viên Giác nhiệm mầu vô thượng này, nó trùm khắp cả 10 phương và sanh ra chư Phật cùng tất cả các pháp. Bởi tất cả chúng sanh cùng với chư Phật đồng một bản thể bình đẳng không khác, nên người tu hành khi đã trở về tánh Viên Giác, thì thật ra không có hai nơi; song những phương tiện để nhập Viên Giác lại có vô lượng.

Vì trình độ của chúng sanh không đồng, nên các phương tiện trở về tánh Viên Giác có sai khác, nhưng không ngoài ba phương tiện sau này.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Viên Giác không hai, song phương tiện tu  hành để nhập Viên Giác thì có nhiều pháp. Nhưng không ngoài ba pháp môn là: Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu ở sau đây.*

**4. TU PHÁP “XA MA THA” (TỨC LÀ TU CHỈ HOẶC GỌI LÀ TU ĐỊNH)**

- Này Thiện nam! Nếu các Bồ tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh rồi, thì y theo tâm Viên Giác thanh tịnh này mà giữ cái hạnh yên lặng và lóng các vọng niệm. Khi các giác quan vọng thức phiền động đã lặng rồi, thì trí huệ thanh tịnh phát sanh. Lúc bấy giờ cái thân tâm hư vọng sanh diệt như khách và nhiễm ô như bụi này, từ đây diệt hết. Khi đó trong nội tâm của hành giả sanh ra vắng lặng và nhẹ nhàng thư thới (tịch tịnh khinh an) nên chư Phật trong mười phương thế giới đều hiện ra trong tâm của hành giả, rất rõ ràng như bóng hiện trong gương. Phương tiện tu hành như thế, gọi là “Xa ma tha”

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật nói: “Bồ tát khi ngộ được tánh Viên Giác thanh tịnh rồi, thì dùng tâm thanh tịnh này để lóng các phiền não vọng thức. Khi các cặn cáu phiền não đã lóng đứng rồi, thì trí huệ thanh tịnh phát sanh. Lúc bấy giờ hành giả quan sát lại thân tâm hư vọng như khách, huyễn hóa lăng xăng như bụi đều diệt hết (ngã, pháp không còn).*

*Bởi các vọng hoặc nhiễm ô đã diệt hết, tâm được thanh tịnh, nên 10 phương chư Phật hiện ra trong tâm của hành giả. Cũng như ly nước được lóng trong, thì các bóng ngoài hiện vào, kinh chép: “Chúng sanh tâm nhược tịnh, Bồ đề ảnh hiện trung” (Nếu tâm chúng sanh được thanh tịnh, thì bóng Bồ đề tự hiện vào)*

*Lưu ý: Trong kinh này nói: “Chỉ, quán”, không đồng với “Chỉ, quán” của Tiểu thừa. Vì “Chỉ, quán” của Tiểu thừa là phải dùng phương tiện của bên ngoài để tu. Còn lối “Chỉ, quán” của Ðại thừa là xứng theo bản thể của chơn tâm mà “Chỉ” và “Quán”, nên có phần cao siêu hơn.*

**5. TU PHÁP “TAM MA BÁT ĐỀ” (TỨC LÀ TU QUÁN, HOẶC GỌI TU HUỆ)**

- Này Thiện nam! Nếu các Bồ tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh rồi, thì y theo tâm Viên Giác thanh tịnh mà quán sát tâm tánh, thân căn và trần cảnh này đều là vật huyễn hóa. Lúc bấy giờ Bồ tát khởi ra cái trí như huyễn để trừ các pháp như huyễn; làm các hạnh như huyễn để hóa độ chúng sanh như huyễn. Bởi Bồ tát tu pháp quán như huyễn này, nên phát Đại bi tâm(2) thương xót  cứu khổ tất cả chúng sanh mà vẫn nhẹ nhàng thư thới (Đại bi khinh an) không tham trước luyến ái nơi chúng sanh.

Tất cả Bồ tát, đều y theo pháp quán như huyễn này mà tu hành, lần lần tăng tiến. Ban đầu quán cảnh là huyễn, nhưng người quán chưa phải huyễn; sau người quán cũng là huyễn và cuối cùng hoàn toàn xa lìa các tướng huyễn (lúc bấy giờ cái phi huyễn hiện ra). Thế là Bồ tát đã hoàn thành được pháp quán mầu nhiệm này. Bồ tát lần lượt tiến tu, cũng như đất làm cho mầm mộng lần hồi được sanh trưởng. Phương tiện tu như thế, gọi là “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật dạy: “Khi Bồ tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh rồi, y nơi tâm Viên Giác này mà quán các pháp, nào căn, trần và thức đều là huyễn hóa. Lúc bấy giờ Bồ tát khởi cái trí như huyễn để diệt các vô minh phiền não như huyễn, tu các hạnh như huyễn, để hóa độ chúng sanh như huyễn. Ðến khi các huyễn cảnh đã không, huyễn trí cũng hết, nào tâm, cảnh, năng sở đều tiêu, hoàn toàn xa lìa các huyễn tướng rồi, thì tánh Viên Giác phi huyễn hiện ra. Như tiếng ồn của học trò hết sau tiếng gõ bảng của thầy giáo, lúc bấy giờ cảnh yên tịnh hiện ra.*

*Thí như người ngủ, chiêm bao thấy giặc bao vây, đem binh diệt trừ v.v… Khi giặc trong chiêm bao tan (cảnh huyễn hết) binh lính hết (Ingười quán huyễn không) và tâm chiêm bao cũng không còn (huyễn trí hết) thì tâm giác ngộ tự nhiên hiện vậy (Viên Giác hiện).*

*Bồ tát y theo tánh Viên Giác tu pháp quán như huyễn này, từ chỗ cạn đến chỗ sâu, ly được một phần huyễn tức là chứng được một phần giác. Cũng như cái mầm chồi, y nơi đất mà lần hồi nảy nở.*

*Kinh này Phật dạy tu pháp quán như huyễn, giống như kinh Kim Cang Phật dạy:*

*Nhứt thế hữu vi pháp*  
*Như mộng huyễn bào ảnh*  
*Như lộ, diệc như điển*  
*Ưng tác như thị quán.*

*Nghĩa là:*

*Nên quán như thế này:*  
*Cái gì có làm ra*  
*Ðều như mộng, huyễn, bọt*  
*Như bóng, sương và chớp.*

*Lưu ý: Nhờ pháp “Chỉ” mới dừng đứng các vọng niệm đương khởi và sẽ khởi bên trong. Khi vọng niệm không còn khởi, thì “chơn tánh” tự hiện bày.*

*Nhờ pháp “Quán” mới rõ các cảnh hiện tiền như huyễn, để đối trị tâm tham luyến thân, cảnh và xa lìa ngã chấp, pháp chấp. Khi ngã pháp hết thì Viên Giác hiện ra.*

**6. TU PHÁP “THIỀN NA” (TỨC LÀ CHỈ, QUÁN ĐỒNG THỜI TU, HAY GỌI LÀ ÐỊNH HUỆ SONG TU)**

- Này Thiện nam! Nếu các Bồ tát ngộ được Viên Giác thanh tịnh tâm rồi, thì y như tâm Viên giác này mà tu: Không chấp thủ pháp “Quán như huyễn”, và pháp “chỉ tịch tịnh”. Bồ tất rõ biết thân tâm này đều là vật ngăn ngại, còn tánh Viên Giác (vô tri giác minh) thì không bị các vật làm chướng ngại, lại còn siêu vượt ra ngoài những cảnh chướng ngại (sanh tử) và không chướng ngại (Niết bàn); nó vẫn thọ dụng thế giới và thân tâm ở trong cõi trần này, mà không bị cảnh trần ràng buộc, mặc dù phiền não hay Niết bàn cũng không làm lưu ngại nó được. Thí như tiếng “boong” của chuông, tuy ở nơi chuông mà vẫn thoát ra ngoài chuông.

Bồ tát lúc bấy giờ, ở nơi nội tâm được vắng lặng. Rất nhẹ nhàng thư thái, nào ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, bốn tướng đều chẳng còn và được tùy thuận cảnh giới Viên Giác tịch tịnh mầu nhiệm. Bồ tát tu pháp phương tiện này, gọi là tu “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Thiền na Tàu dịch là “Tính lự”. Chữ “Tính” tức là “Chỉ” (Ðịnh). Chữ “Lự” tức là “Quán” (Huệ).*

*- Pháp “Xa ma tha” thì tu về “Chỉ là Ðịnh*

*- Pháp “Tam ma bát đề” tu về “Quán” là Huệ*

*- Pháp “Thiền na” này Chỉ và Quán đều tu, khiến cho Ðịnh và Huệ được quân bình.*

*Ðại ý đoạn này nói: Bồ tát khi ngộ được tâm Viên Giác thanh tịnh rồi, y theo tâm này mà tu, không dùng pháp “Chỉ” và “Quán”. Bồ tát rõ biết thân tâm này đều là vật chướng ngại, mà tánh Viên Giác không chướng ngại. Mặc dù thọ dụng thân này, tâm này và thế giới trần cảnh này, mà tánh Viên Giác vẫn hoàn toàn siêu vượt ra ngoài các cảnh chướng ngại và không chướng ngại, cho đến phiền não hay Niết bàn cũng không lưu ngại nó được. Cũng như tiếng “boong” của chuông, vượt ra ngoài chuông.*

*Khi đó Bồ tát diệt hết bốn tướng (ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng), nhập vào cảnh giới Viên Giác. Bồ tát tu phương tiện này gọi là tu “Thiền na”.*

**7. TU PHÁP PHƯƠNG TIỆN NÀY LỢI ÍCH RẤT LỚN**

- Này Thiện nam! Ba pháp môn này, đều là phương tiện để nhập Viên Giác tánh. Mười phương các đức Phật đều nhơn phương tiện này mà được thành Phật. Mười phương các vị Bồ tát, tu các phương tiện hoặc đồng hay khác, nhưng cũng đều y ba pháp môn này mà được chứng ngộ hay thành Viên Giác.

- Này Thiện nam! Giả sử có người tu theo đạo Phật, hóa độ được muôn ức vị A La Hán và Bích Chi Phật, nhưng lợi ích không bằng có người chỉ trong giây phút tùy thuận và tu tập pháp môn Viên Giác vô ngại này.

**LƯỢC GIẢI**

*Ba pháp môn “chỉ, quán và chỉ quán song tu” này là cái phương tiện để nhập Viên Giác tánh . Tất cả chư Phật và Bồ tát cũng đều y theo ba pháp môn này mà được thành đạo chứng quả.*

*Những người giáo hóa ngàn muôn ức Thinh văn và Duyên giác tuy nhiều, nhưng thuộc về Tiểu thừa quả, nên sự lợi ích không bằng người trong giây phút, tùy thuận tánh Viên Giác. Vì tùy thuận tánh Viên Giác tức là vào cảnh giới Phật, nên lợi ích lớn hơn.*

**8. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI NGHĨA TRÊN**

Khi đó đức Thế Tôn muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng:

Oai Ðức! Ông nên biết:  
Viên Giác tánh không hai,  
Phương tiện tu có nhiều.  
Như Lai tóm chỉ bày  
Không ngoài ba pháp này:  
Tu pháp “Chỉ” vắng lặng,  
Như bóng chiếu trong gương.  
Tu pháp “Quán” như huyễn,  
Như mộng (mầm, chồi) lần lần lớn.  
Chỉ, Quán đồng thời tu,            
Như tiếng “boong” của chuông.  
Ba pháp môn mầu nhiệm,  
Ðều tùy thuận Viên Giác.  
Mười phương các đức Phật,  
Và các đại Bồ tát,  
Nhơn đây được thành đạo.  
Ba pháp, chứng hoàn toàn,  
Là rốt ráo Niết bàn.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này Phật nói: Tánh Viên Giác không hai, nhưng các phương tiện tu hành có vô số. Song, không ngoài 3 pháp môn là: Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu. Các đức Phật và các vị Bồ tát cũng đều y ba pháp này mà được thành đạo. Chứng 3 pháp này được hoàn toàn thì rốt ráo quả Niết bàn.*

*Ba pháp môn này cũng đều gọi là ba pháp “Chỉ” hay ba pháp “Quán”*

*1.****Xa ma tha****là “thể chơn chỉ”, tức là “không quán”, y theo chơn đế mà tu.*

*2.****Tam ma bát đề****là “phương tiện tùy duyên chỉ” tức là “giả quán”, y theo tục đế mà tu.*

*3.****Thiền na****là “nhị biên phân biệt chỉ”, tức là “trung quán”, y theo trung đế mà tu.*

*Nếu phân tách mà nói, thì ba pháp Chỉ gọi là “Xa ma tha”, còn ba pháp Quán gọi là “Tam ma bát đề”. Chỉ và Quán không hai gọi là “Thiền na”.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viên âm (là tiếng tròn): Tiếng nói của Phật đầy đủ ý nghĩa, tùy theo trình độ của người cao thấp đều được hiểu ngộ.*

*(2) Bồ tát phát tâm Ðại bi: Bồ tát nhận thấy tất cả chúng sanh cùng với mình đồng một bản thể chơn như bình đẳng không hay không khác. Vì thế mà Bồ tát phát tâm thương xót tất cả chúng sanh, nên gọi là “Ðại bi tâm”*

*Bồ tát rộng độ chúng sanh, mà không thấy chấp có mình năng độ và người được độ. Bởi không chấp tướng “ngã, nhơn,” như thế, nên Bồ tát làm không biết bao nhiêu việc lành, độ vô số chúng sanh mà tâm vẫn nhẹ nhàng thư thái (khinh an).*

# **Bài thứ 8: CHƯƠNG BIỆN ÂM**

**1. NGÀI BIỆN ÂM BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi đó Ngài Biện Âm Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi lạy Phật và quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch đức Ðại Bi Thế Tôn, vừa rồi Ngài dạy ba pháp môn tu hành như thế, rất là hy hữu.

Nhưng các vị Bồ tát, khi muốn nhập Viên Giác, đối với ba pháp môn phương tiện này, có mấy cách tu tập?

Cúi xin đức Thế Tôn, vì cả đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, phương tiện mở bày, khiến cho chúng con đều ngộ được tướng chơn thật (Viên Giác).

Thưa thỉnh như vậy 3 lần, rồi ngài Biện Âm kính cẩn lạy Phật và trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Vừa rồi ở chương Oai Ðức Tự Tại, Phật dạy có 3 pháp môn tu là “Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu”, rất rõ ràng.*

*Ðến chương này ngài Biện Âm Bồ tát lại hỏi thêm ba pháp môn phương tiện trên, có mấy cách tu. Nghĩa là mỗi người chỉ tu một pháp hay cả ba pháp?  Ba pháp này tu đồng thời hay có trước sau?  Phải theo thứ lớp  tu hay vượt qua thứ lớp?*

**2. PHẬT KHEN NGÀI BIỆN ÂM BỒ TÁT**

Khi đó đức Thế Tôn khen ngài Biện Âm Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai có bao nhiêu cách tu tập. Ông nên chăm chú nghe, Như Lai sẽ vì các ông mà chỉ giáo.

Khi đó ngài Biện Âm Bồ tát, cùng với đại chúng đồng yên lặng và hoan hỷ nghe lời Phật dạy bảo.

**3. PHẬT DẠY 25 PHÁP TU**

- Này Thiện nam! Tánh Viên Giác thanh tịnh của tất cả Như Lai, vốn không có pháp bị tu và người tu tập. Song vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, chưa nhập được Viên Giác, còn phải phương tiện dùng huyễn pháp để tu tập; vì thế nên chia ra có 25 cách tu như sau:

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Đứng về tánh “Viên Giác thanh tịnh” thì không có người tu và pháp để tu. Song vì chúng sanh chưa giác ngộ, còn phải dùng phương tiện tu tập, vì thế nên Phật chia ra có 25 pháp môn tu.*

*Tuy chia ra 25 pháp môn tu, nhưng vẫn y theo 3 pháp là “Chỉ, Quán và Chỉ Quán đồng thời tu” mà Phật đã dạy ở chương trước. Có khi tu chung hai pháp, ba pháp, mà có lúc lại riêng từng pháp một, hoặc tu trước, hoặc tu sau, tùy theo trình độ của chúng sanh xây qua trở lại thành 25 pháp; song tu pháp nào cũng đều chứng nhập được Viên Giác.*

**1. Riêng tu một pháp “Xa ma tha” (tu Định)**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát giữ tâm rất vắng lặng, nhờ sức vắng lặng này, mà đoạn các phiền não, được vĩnh viễn thành tựu rốt ráo tánh Viên Giác, thì vị Bồ tát ấy lúc bấy giờ chẳng rời chỗ ngồi mà vẫn nhập được Niết bàn, Bồ tát tu như thế, gọi là chỉ tu một pháp “Xa ma tha” (tu Chỉ).

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát riêng tu một pháp “Chỉ”. Bồ tát giữ gìn tâm trạng rất tịch tịnh, nên phiền não không sanh, đó là tu pháp “Chỉ”. Nhờ thế mà Bồ tát được rốt ráo thành tựu tánh “Viên Giác”, đặng quả Niết bàn của Phật.*

**2. Riêng tu một pháp “Tam ma bát đề” (tu Huệ)**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát chỉ tu pháp quán “như huyễn”, và nhờ sức Phật gia hộ, nên Bồ tát ấy biến hóa ra được thế giới, thì mặc dù Bồ tát làm các diệu dụng độ sanh (tu quán), đầy đủ công hạnh mầu nhiệm của Bồ tát; nhưng vẫn không mất niệm tịch tịnh (Ðịnh) và huệ yên lặng (Huệ) của Ðà la ni (Viên Giác). Bồ tát tu như thế, gọi là riêng tu một pháp “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát riêng tu một pháp “Quán”. Bồ tát khi tu pháp quán như huyễn, và nhờ thần lực của Phật, nên biến hiện thế giới uế độ thành Tịnh độ, biến địa ngục trở thành Thiên cung, vì các pháp đều như huyễn như hóa. Tu như thế là tu “Quán”. Bồ tát mặc dù làm đủ công hạnh lợi tha, mà không rời bản thể thường tịch (Ðịnh) và thường chiếu (Huệ) của tánh Viên Giác.*

*Chữ “Ðà la ni” ở chương này, đồng với chữ “Đà la ni” trong chương Văn Thù, tức là biệt danh của tánh Viên Giác. Như trong chương Văn Thù chép: “Có pháp Ðại Ðà la ni gọi là Viên Giác”*

**3. Riêng tu pháp “Thiền na” (Định, Huệ đồng thời tu)**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát chỉ diệt các huyễn, không chấp thủ tác dụng, riêng đoạn các phiền não, khi phiền não đoạn  hết rồi, thì chứng được thật tướng, Bồ tát tu như thế, gọi là riêng tu pháp “Thiền na” (Chỉ, Quán song tu).

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát đồng thời tu cả “Chỉ” và “Quán”. Bồ tát “chỉ diệt các huyễn”, tức là không dùng “Tam ma bát đề” như đã nói ở trước (không tu Quán như huyễn); “không chấp thủ tác dụng” tức là không tu “Xa ma tha” như đã nói ở trước (không tu Chỉ); “riêng đoạn phiền não” tức là tu “Thiền na” (Chỉ, Quán song tu). Khi đoạn hết phiền não thì Bồ tát chứng đặng thật tướng, tức là tu “Thiền na” mà nhập Viên Giác tánh.*

**4. Trước tu “Định”, sau  tu “Huệ”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát trước giữ gìn nơi rất tịnh (Chỉ) sau dùng tịnh huệ (huệ yên tịnh) chiếu soi các pháp như huyễn như hóa, lúc bấy giờ khởi ra hạnh Bồ tát. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa ma tha” (Chỉ), sau tu “Tam ma bát đề” (Quán)

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Chỉ” sau tu “Quán”. Bồ tát trước giữ tâm rất tịnh là tu “Chỉ”, rồi dùng trí huệ yên tịnh mà chiếu soi các pháp như huyễn là tu “Quán”. Lúc bấy giờ Bồ tát trên thì cầu đạo Phật, dưới hóa độ chúng sanh, đó là thật hành Bồ tát hạnh.*

**5. Trước tu “Định”, sau “Định, Huệ đồng thời tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát, dùng trí huệ yên tịnh, chứng đặng thể tánh rất tịnh, rồi đoạn các phiền não, vĩnh viễn ra khỏi sanh tử. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa ma tha” (Chỉ), sau tu “Thiền na” (Chỉ, Quán song tu)

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Chỉ” sau “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng trí huệ yên tịnh, chứng được tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, đoạn hết các phiền não, vĩnh viễn ra khỏi sanh tử luân hồi là “Chỉ, Quán song tu”.*

**6.** **Trước tu “Ðịnh”, thứ tu “Huệ, sau “Ðịnh, Huệ song tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát, dùng trí huệ thanh tịnh, lấy sức huyễn hóa biến hiện ra các hình thức, để hóa độ chúng sanh; sau đoạn các phiền não, rồi nhập vào cảnh giới tịch diệt. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa ma tha” (Chỉ), thứ tu “Tam ma bát đề” (Quán), sau tu “Thiền na” (Chỉ, Quán song tu).

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Chỉ”, thứ tu “Quán”, sau “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng trí huệ thanh tịnh là tu “Chỉ”, lấy sức như  huyễn mà biến hiện ra nhiều hình thức để độ chúng sanh là tu “Quán”. Sau Bồ tát đoạn phiền não rồi vào tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”.*

**7. Trước tu “Ðịnh”, thứ “Ðịnh, Huệ song tu”, sau tu “Huệ”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức rất tịnh, đoạn các phiền não rồi, sau khởi cái hạnh thanh tịnh mầu nhiệm của Bồ tát, để độ các chúng sanh. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa ma tha”, thứ tu “Thiền na”, sau tu “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Chỉ”, thứ “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Quán”. Bồ tát trước tu “Chỉ” được rất tịnh, rồi tiến tu “Thiền na” (Chỉ, Quán song tu) để đoạn phiền não. Khi phiền não hết rồi thì Bồ tát vào trần lao độ sanh, đặng diệu hạnh tự tại vô ngại, không còn lo sợ nhiễm trước.*

**8. Trước tu “Ðịnh”, sau đồng thời tu “Huệ” và “Ðịnh, Huệ song tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức rất tịnh của tâm, đoạn trừ phiền não và dựng lập thế giới, hóa độ các chúng sanh. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Xa ma tha”, sau đồng thời tu “Tam ma bát đề” và “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Chỉ”, sau đồng thời tu “Quán” và “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng sức rất tịnh là tu “Chỉ”, đoạn trừ các phiền não là tu “Thiền na”, dựng lập thế giới và hóa độ chúng sanh là tu “Quán”.*

**9. Trước đồng thời tu “Ðịnh” và “Huệ”, sau “Ðịnh, Huệ song tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức rất tịnh, giúp cho việc biến hóa, sau đoạn các phiền não. Bồ tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Xa ma tha” và “Tam ma bát đề”, sau tu “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước đồng thời tu  “Chỉ” và “Quán” sau “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng sức rất tịnh là tu “Chỉ”, giúp việc biến hóa là tu “Quán”, sau đoạn phiền não là “Chỉ, Quán song tu”.*

**10. Trước đồng thời tu “Ðịnh” và “Ðịnh, Huệ song tu”, sau tu “Huệ”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức rất tịnh, giúp cho tịch diệt; sau rồi khởi tác dụng, biến hóa thế giới. Bồ tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Xa ma tha” và “Thiền na”, sau tu “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước đồng thời tu “Chỉ” và “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Quán”. Bồ tát dùng sức rất tịnh, để đoạn phiền não, mà vẫn giữ tịch diệt, tức là đồng thời tu “Chỉ” và tu “Thiền na”. Sau dùng diệu hạnh của Bồ tát ra thế giới hóa độ chúng sanh, tức là tu “Quán”. Từ pháp tu thứ tư, đến pháp tu thứ mười này, cộng là 7 pháp, đều là trước tu “Chỉ”.*

**11. Trước tu “Huệ”, sau tu “Ðịnh”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức biến hóa tùy thuận theo các chúng sanh để hóa độ, mà vẫn giữ tánh rất tịnh. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam ma bát đề”, sau tu “Xa ma tha”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Quán”, sau tu “Chỉ”. Bồ tát dùng sức biến hóa, tùy thuận theo các chúng sanh để hóa độ là tu “Quán”, mà vẫn giữ tánh rất tịnh là tu “Chỉ”.*

**12. Trước tu “Huệ”, sau “Ðịnh, Huệ song tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát, dùng sức biến hóa, hóa hiện ra các cảnh giới mà vẫn giữ tịch diệt (vắng lặng). Bồ tát tu như thế gọi là trước tu “Tam ma bát đề”, sau tu “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát tu trước “Quán” sau “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng sức biến hóa là tu “Quán”, biến ra các cảnh giới, để hóa độ chúng sanh mà vẫn giữ tịch diệt, thế là “Chỉ, Quán song tu”.*

**13. Trước tu “Huệ”, thứ tu  “Ðịnh”, sau “Ðịnh, Huệ song tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức biến hóa, làm các Phật sự mà vẫn ở yên nơi tịch tịnh, đoạn các phiền não. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam ma bát đề”, thứ tu “Xa ma tha”, sau tu “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Quán”, thứ tu “Chỉ”, sau “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng sức biến hóa làm các Phật sự là tu “Quán”, yên ở chỗ vắng lặng là tu “Chỉ”, đoạn phiền não là “Chỉ, Quán song tu”.*

**14. Trước tu “Huệ”, thứ “Ðịnh, Huệ đồng thời tu” sau tu “Ðịnh”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức biến hóa, làm các việc không ngại, đoạn các phiền não và an trụ nơi rất tịnh. Bồ tát tu như thế gọi là trước tu “Tam ma bát đề”, thứ tu “Thiền na”, sau tu “Xa ma tha”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Quán”, thứ “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Chỉ”. Bồ tát dùng sức biến hóa làm các việc vô ngại là tu “Quán”, đoạn các phiền não là “Chỉ, Quán song tu”, an trụ nơi rất tịnh là tu “Chỉ”.*

**15. Trước tu “Huệ”, sau đồng thời tu “Định” và “Định, Huệ song tu”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện và tùy thuận hai pháp: rất tịnh (Chỉ) và tịch diệt (Thiền na). Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Tam ma bát đề”, sau đồng thời tu “Xa ma tha” và “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước tu “Quán”, sau đồng thời tu “Chỉ” và “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện là tu “Quán”, tùy thuận tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, và tùy thuận tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”.*

**16. Trước đồng thời tu “Huệ” và “Ðịnh”, sau tu “Thiền na” (Định, Huệ song tu)**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức biến hóa, khởi ra các công dụng, giúp cho tánh rất tịnh, sau đoạn các phiền não. Bồ tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Tam ma bát đề” và “Xa ma tha”, sau tu “Thiền na”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước đồng thời tu “Quán” và “Chỉ”, sau “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát dùng sức biến hóa, khởi ra các công dụng là tu “Quán”, giúp cho tánh rất tịnh là tu “Chỉ”, sau đoạn các phiền não là “Chỉ, Quán song tu”.*

**17. Trước đồng thời tu  “Huệ” và “Ðịnh, Huệ song tu”, sau tu “Ðịnh”.**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức biến hóa, giúp với tịch diệt, sau an trụ nơi tánh định thanh tịnh, không do tạo tác. Bồ tát tu như thế, gọi là trước đồng thời tu “Tam ma bát đề” và “Thiền na”, sau tu “Xa ma tha”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước đồng thời tu “Quán” và “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Chỉ”. Bồ tát dùng sức biến hóa là tu “Quán”, giúp với tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”, sau an trụ nơi tánh định thanh tịnh sẵn có, không do tạo tác, là tu “Chỉ”.*

*Câu “Tánh Ðịnh thanh tịnh không do tạo tác” là chỉ cho “Tự tánh chơn định” sẵn có và thanh tịnh, không do tạo tác mà thành, cũng không phải dụng công tu tập mà được, xưa nay nó vẫn thanh tịnh.*

**18.** **Trước “Ðịnh, Huệ song tu”, sau tu “Định”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt (vắng lặng) khởi hạnh rất tịnh, rồi an trụ nơi thanh tịnh. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền na”, sau tu “Xa ma tha”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Chỉ”. Bồ tát dùng sức tịch diệt, khởi tánh rất tịnh là “Chỉ, Quán song tu”, rồi an trụ nơi thanh tịnh là tu “Chỉ”.*

**19.** **Trước “Ðịnh, Huệ song tu”, sau tu “Huệ”.**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt, khởi ra tác dụng, tuy đối các cảnh, mà vẫn tùy thuận nơi tịch tịnh. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền na”, sau tu “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước “Chỉ, Quán song tu”, sau tu “Quán”. Bồ tát dùng sức tịch diệt khởi ra tác dụng độ sanh là “Chỉ, Quán song tu”. Mặc dù Bồ tát làm các hạnh lợi sanh mà vẫn tùy thuận nơi tịch tịnh là tu “Quán”.*

20. **Trước “Ðịnh, Huệ song tu”, thứ tu “Ðịnh”, sau tu “Huệ”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt, quán tự tánh các chúng sanh, an trụ nơi Ðịnh, mà vẫn biến hóa các pháp để độ sanh. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền na”, thứ tu “Xa ma tha”, sau tu “Tam ma bát đề”

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước “Chỉ, Quán song tu”, thứ tu “Chỉ”, sau tu “Quán”. Bồ tát dùng sức tịch diệt, quán tự tánh các chúng sanh để hóa độ, là “Chỉ, Quán song tu”; an trụ nơi Ðịnh là tu “Chỉ”, biến hóa các pháp để độ sanh là tu “Quán”.*

**21. Trước “Ðịnh, Huệ song tu”, thứ tu “Huệ”, sau tu “Ðịnh”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt của tự tánh vô tác, để khởi ra tác dụng độ sanh, rồi y nơi cảnh giới thanh tịnh mà trở về nơi Ðịnh. Bồ tát tu như thế, thì gọi là trước tu “Thiền na”, thứ tu “Tam ma bát đề”, sau tu “Xa ma tha”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước “Chỉ, Quán song tu”, thứ tu “Quán”, sau tu “Chỉ”. Bồ tát dùng sức tịch diệt của tự tánh vô tác, để khởi ra tác dụng độ sanh, là “Chỉ, Quán song tu”. Bồ tát y nơi cảnh giới thanh tịnh là tu “Quán”, sau trở về nơi Ðịnh là tu “Chỉ”.*

*Chữ “Tự tánh vô tác”, nghĩa là: Tự tánh sẵn có, không do tạo tác mà thành.*

**22. Trước tu “Thiền na” (Ðịnh, Huệ song tu), sau đồng thời tu “Ðịnh” và “Huệ”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt, mỗì mỗi thanh tịnh, an trụ ở nơi Ðịnh, mà khởi ra các món biến hóa. Bồ tát tu như thế, gọi là trước tu “Thiền na”, đồng thời tu “Xa ma tha” và “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước “Chỉ, Quán song tu” sau đồng thời tu “Chỉ” và “Quán”. Bồ tát dùng sức tịch diệt, mỗi mỗi thanh tịnh là “Chỉ, Quán song tu” an trụ ở nơi Định là tu “Chỉ”, khởi ra các món biến hóa là tu “Quán”.*

**23. Trước đồng thời tu “Thiền na” và tu “Ðịnh”, sau tu “Huệ”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt, giúp cho tánh rất tịnh, sau khởi ra việc biến hóa. Bồ tát tu như thế, gọi là đồng thời tu “Thiền na” và “Xa ma tha”, sau tu “Tam ma bát đề”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước đồng thời “Chỉ, Quán song tu” và tu “Chỉ”, sau tu “Quán”. Bồ tát dùng sức tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”, giúp cho tánh tất tịnh là tu “Chỉ”, khởi ra các việc biến hóa là tu “Quán”.*

**24. Trước đồng thời tu “Thiền na” và “Huệ”, sau tu “Ðịnh”**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng sức tịch diệt giúp việc biến hóa, sau khởi tánh rất tịnh, ở cảnh giới trí huệ trong sáng. Bồ tát như thế, gọi là đồng thời tu “Thiền na” và “Tam ma bát đề”, sau tu “Xa ma tha”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát trước đồng thời “Chỉ, Quán song tu” và tu “Quán”, sau tu “Chỉ”. Bồ tát dùng sức tịch diệt là “Chỉ, Quán song tu”, giúp việc biến hóa là tu “Quán”, sau khởi tánh rất tịnh v.v… là tu “Chỉ”.*

**25. Bồ tát viên tu ba pháp**

- Này Thiện nam! Nếu có Bồ tát dùng huệ Viên Giác, viên hiệp các pháp, nào tánh, tướng của các pháp đều không rời tánh Viên Giác, Bồ tát như thế, gọi là viên tu ba pháp, tùy thuận tánh Viên Giác thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này nói Bồ tát viên tu ba pháp.*

*Bồ tát cùng Viên Giác Huệ, viên hiệp tất cả các pháp. Nào Ðịnh, Huệ và Ðịnh Huệ song tu, nào tánh, tướng của các pháp, đều không rời tánh Viên Giác.*

**4. TÓM LẠI**

- Này Thiện nam! Ðây là 25 pháp tu của Bồ tát. Vậy các Bồ tát phải y theo đây mà tu hành.

Nếu các Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, muốn y theo 25 pháp môn này mà tu hành, thì phải giữ giới thanh tịnh, tâm suy nghĩ vắng lặng và phải trải qua 21 ngày thành tâm sám hối, rồi viết 25 pháp môn này vào mỗi miếng giấy, niêm lại kỹ, đem để trên bàn Phật và chí tâm cầu khẩn, rồi tùy tay hành giả rút một miếng giấy, khi mở ra xem thì hành giả sẽ biết trình độ của mình tu pháp Ðốn hay Tiệm. Song nếu hành giả một niệm nghi ngờ, thì chẳng thành tựu.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật kết thúc lại và dạy rằng: Ðây là 25 pháp tu của Bồ tát. Nếu có người muốn tu theo 25 pháp này, thì điều cần yếu là phải giữ giới cho thân tâm được thanh tịnh và chí thành cầu sám hối 21 ngày. Rồi hành giả viết tên 25 pháp tu này vào 25 miếng giấy, xếp gói riêng từ miếng, để chung lại trên bàn. Hành giả phải chí thành cầu nguyện, rồi tùy ý rút ra một thăm, sau khi giở ra xem, hành giả sẽ tự biết căn cơ của mình Ðốn hay Tiệm và phải y theo đó mà tu hành. Nhưng nếu hành giả có một niệm nghi ngờ thì chẳng thành tựu.*

*Tóm lại, 25 pháp tu này không ngoài Định, Huệ và Ðịnh Huệ song tu; chẳng qua tùy theo trình độ của hành giả có sâu cạn, cao thấp không đồng, nên có khi phải tu Ðịnh trước rồi Quán sau; có khi phải tu Quán trước rồi Ðịnh sau; lắm lúc phải tu đồng thời v.v... Vì tùy theo trình độ của hành giả, mà thay đổi trước sau, xoay qua trở lại nên thành ra 25 pháp. Vậy hành giả nên tùy theo trình độ của mình mà tu tập.*

**5. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi đó đức Thế Tôn muốn tóm lại nghĩa này, nên nói bài kệ rằng:

Biện Âm! Ông nên biết:  
Các trí huệ thanh tịnh  
Của tất cả Bồ tát  
Ðều do Thiền định sanh.  
Thiền định là “Chỉ, Quán”  
Và “Chỉ, Quán song tu”.  
Ba pháp, phân Ðốn, Tiệm,  
Thành ra hai mươi lăm.  
Mười phương các Như Lai  
Và hành giả ba đời  
Ðều y pháp môn này  
Mà đặng thành Bồ đề.  
Chỉ trừ người Đốn ngộ,  
Và những người không tin  
Mới chẳng theo pháp này.  
Còn tất cả Bồ tát  
Và chúng sanh đời sau,  
Phải như thế tu hành.  
Nhờ Ðại bi của Phật,  
Các ông nên siêng tu,  
Sẽ mau chứng Niết bàn.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này nói: Trí huệ thanh tịnh vô ngại của các Bồ tát, đều do Thiền định sanh. Thiền định là Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu. Bởi theo căn cơ của hành giả có Đốn và Tiệm không đồng, nên ba pháp này lại chia ra đến 25 pháp.*

*Chỉ trừ những bực Đốn ngộ và những người không tin, còn chư Phật và các vị Bồ tát cùng chúng sanh đời sau, đều tu theo các pháp môn này mà được thành Bồ đề.*

*Vậy hành giả nên y theo đây, siêng năng tu tập và nhờ lòng Ðại bi của Phật gia hộ, sẽ mau chứng Niết bàn.*

# **Bài thứ 9: CHƯƠNG TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG**

**1. NGÀI TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát(1) ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi lạy Phật và quỳ thẳng chắp tay, bạch rằng:

- Bạch đức Ðại Bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng con rộng nói “nhơn địa tu hành(2) của các đức Như Lai, toàn những việc cao siêu mầu nhiệm, không thể suy nghĩ và luận bàn được, khiến cho đại chúng đặng lợi ích chưa từng có.

Chúng con là hàng Bồ tát rất vui mừng, vì tất cả cảnh giới tu hành cần khổ của đức Ðiều Ngự(3) trải qua vô số kiếp, nhiều như cát sông Hằng, mà chúng con chỉ thấy như trong một niệm.

- Bạch đức Thế Tôn, nếu cái tâm Viên Giác này tánh nó vốn thanh tịnh, vậy nhơn cái gì mà nhiễm ô và vì sao khiến cho chúng sanh mê muội, chẳng nhập được tánh Viên Giác?

Cúi xin đức Như Lai, rộng vì chúng con, khai ngộ Pháp tánh(4), làm cho đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, đều được con mắt trí huệ.

Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát thưa thỉnh như vậy ba lần, cúi đầu kính lạy rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát hỏi Phật: “… Tánh Viên Giác đã thanh tịnh, vậy nhơn cái gì mà nhiễm ô?  Và vì sao làm cho chúng sanh mê muội không nhập được tánh Viên Giác...”. Ðoạn này giống như trong kinh Lăng Nghiêm, ông Phú Lâu Na hỏi Phật: “Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che lấy chơn tâm mà phải chịu trầm luân?...”*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*(1) Câu “Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát” Cổ đức dạy: “Phật cao nhứt xích, ma thắng nhứt trượng”, nghĩa là Phật cao 1 thước thì ma hơn 10 thước. Khi chưa tu, vì thuận theo phiền não nghiệp chướng, nên chẳng thấy phiền não nghiệp chướng làm chướng ngại. Ðến khi hạ thủ công phu, đi ngược dòng phiền não, lúc bấy giờ mới thấy phiền não nghiệp chướng các bịnh hiện ra vô số. Các phiền não nghiệp chướng này do bốn tướng Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ giả mà sanh ra. Vì thế nên chương này, ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát đứng lên thưa hỏi, cầu Phật chỉ dạy phương pháp dẹp trừ các nghiệp chướng về tâm bịnh. Ðến chương dưới Phật nói rõ về bệnh tà sư.*

*(2) Nhơn địa tu hành tức là ba Pháp môn Phật dạy ở chương trên (Xa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na). Nhơn nghe thấy Phật dạy pháp môn tu, cũng như thấy tất cả công dụng tu hành của các đức Phật trải qua bao nhiêu kiếp lao khổ, như trong một niệm, cho nên nói là “việc không thể nghĩ bàn”.*

*(3) Ðiều Ngự: Ðiều phục ngự trị các phiền não ma quân. Ðây là một hiệu trong 10 hiệu của Phật (Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, v.v...)*

*(4) Pháp tánh: Tánh các pháp. Các pháp tuy ngàn sai muôn khác, nhưng đồng một bản tánh, nên gọi là “Pháp tánh”, tức là biệt danh của Viên Giác.*

**2. PHẬT KHEN NGÀI TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG BỒ TÁT**

Khi ấy đức Thế Tôn bảo ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát mà dạy rằng:

- Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai, phương tiện như vậy. Các ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi ấy Ngài Tịnh Chưa Nghiệp Chướng Bồ tát cùng đại chúng đều hoan hỷ và yên lặng vâng nghe lời Phật chỉ dạy.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật khen ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát, vì đại chúng hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi những lời rất hữu ích.*

**3. PHẬT TRẢ LỜI: DO CHÚNG SANH VỌNG CHẤP BỐN TƯỚNG**

- Này Thiện nam! Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, do vọng tưởng điên đảo, chấp bốn tướng: Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ mạng, cho là thật thể của ta; rồi sanh ra hai cảnh: thương và ghét. Thế là ở nơi thân thể này đã hư vọng, lại chấp thêm cái hư vọng nữa.

Bởi hai lớp vọng nương nhau, sanh ra các vọng nghiệp. Vì có vọng nghiệp nên vọng thấy có sanh tử luân hồi. Những người nhàm chán sanh tử luân hồi thì lại vọng thấy có Niết bàn.

Bởi thế nên không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh; chớ không phải tánh Viên Giác này chống cản không cho chúng sanh nhập. Và những người nhập được, cũng không phải tại tánh Viên Giác chấp thuận cho họ nhập vậy. Thế nên kẻ khởi niệm hay người dứt niệm cũng đều là mê muội. Tại sao thế? Bởi vì vô minh đã khởi sẵn (bổn khởi vô minh) và làm chủ tể từ vô thỉ vậy.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn thứ nhứt, ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ tát hỏi Phật: “... Cái tâm Viên Giác này vốn đã thanh tịnh, vậy nhơn cái gì mà nhiễm ô?  Và vì sao khiến cho chúng ta sanh mê muội chẳng nhập được Viên Giác?...”*

*Ðến đoạn này Phật trả lời, đại ý nói: Bởi tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, do vọng tưởng điên đảo, chấp bốn tướng (Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ mạng) là thật thể của Ta, là lớp hư vọng thứ nhứt. Rồi khi gặp cảnh thuận với Ta thời thương, cảnh nghịch với Ta lại ghét, là lớp hư vọng thứ hai. Vì thế mà nhiễm ô. Ðây là Phật trả lời về câu hỏi thứ nhứt: Nhơn cái gì mà nhiễm ô?*

*Nhơn cố chấp thật có Ta, cho nên mới sanh ra thương ghét, vì thương ghét nên trở lại chấp thật có Ta. Bởi hai lớp vọng này nương nhau, nên sanh ra các vọng nghiệp. Vì thế mà chúng phàm phu vọng thấy có sanh tử luân hồi trong 6 đạo. Hàng Tiểu thừa nhàm chán sanh tử luân hồi thì lại vọng thấy có Niết bàn; rồi trầm không thú tịch tham luyến nơi cảnh Niết bàn. Bởi thế nên không nhập được tánh Viên Giác thanh tịnh, chớ chẳng phải tánh Viên Giác không cho họ nhập vậy. Ðây là Phật trả lời câu hỏi thứ hai: Vì sao khiến cho chúng sanh mê muội, chẳng nhập được Viên Giác?*

*Phật lại dạy tiếp: Những người nhập được, cũng không phải do tánh Viên Giác chấp thuận cho họ nhập. Bởi thế nên chúng phàm phu khởi niệm, hay hàng Nhị thừa dứt niệm, đều là vô minh mê muội cả, chớ không dính líu gì đến tánh Viên Giác vậy.*

**4. ÐEM VÔ MINH (NGÃ, TƯỚNG V.V...) MÀ CẦU ĐẠO, THÌ KHÔNG THỂ THÀNH ĐẠO ĐƯỢC**

- Này Thiện nam! Tất cả chúng sanh, sống không có con mắt trí huệ, nên không tự thấy cả thân tâm này (ngã tướng) đều là vô minh. Vì ngã tướng (thân tâm) do vô minh sanh, nên chúng sanh không đủ can đảm tự tiêu diệt ngã tướng, cũng như người không thể tự sát lấy mình được.

Bởi chấp thân tâm này là Ta, nên cảnh nào thuận với ta thì sanh ra thương yêu; còn cảnh nào nghịch với Ta  thì lại sanh ra oán ghét. Do tâm thương ghét này, trở lại tiếp tục nuôi dưỡng vô minh. Vì thế nên chúng sanh cầu Ðạo, đều không thành được Ðạo

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật dạy rằng: Tất cả thân tâm của chúng sanh đều do vô minh sanh; song vì chúng sanh không có con mắt trí huệ nên chẳng biết như thế. Bởi chúng sanh (ngã tướng) đã từ vô minh sanh, nên không đủ can đảm tiêu diệt vô minh (ngã tướng) của mình. Cũng như người không thể tự sát mình được.*

*Vô minh đã sanh ra Ngã tướng, rồi từ Ngã tướng sanh ra thương ghét, trở lại nuôi dưỡng vô minh. Cũng như sóng từ nơi nước sanh, rồi trở lại làm tăng thế lực cho nước. Bởi vô minh huân tập và tu dưỡng lẫn nhau, tiếp nối không ngừng, nên chúng sanh dầu có cần khổ tu đạo mà bốn tướng (Ngã, Nhơn, v.v...) không rời, thì quyết định chẳng thành Ðạo.*

*Giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: “... Nếu dùng gốc rễ của vọng tâm làm tu nhơn, thì không thể nào thành được Ðạo”. Ðem tâm đời mà làm Ðạo, thì Ðạo cũng trở thành đời!*

*Trong kinh Viên Giác lược sớ chép: “Dùng tâm mê muội (Vô minh) mà cầu đạo, dầu cho siêng năng khổ hạnh tu đủ các pháp môn, cũng chỉ giúp thêm lực lượng cho vô minh mà thôi, chớ không thành được quả vị Phật.*

*Phải biết: Gốc từ vô minh sanh ra thương ghét, rồi do thương ghét trở lại huân tập thành vô minh. Từ chủng tử sanh hiện hành, rồi hiện hành huân làm chủng tử nối nhau không dứt. Chúng sanh đem cái vô minh này mà cầu Ðạo thì trọn đời không thể thành tựu.*

*Kinh Bảo Tích chép: Ðối với thân này, sanh yêu quý, thế là không rời tướng Ngã, Nhơn; dùng cái tướng Ngã, Nhơn này mà tu hành thì trở lại đọa ác thú.*

**5. PHẬT NÓI BỐN TƯỚNG**

A. NGÃ TƯỚNG

- Này Thiện nam! Thế nào là “Ngã tướng”? Tất cả chúng sanh tự tâm chứng nhận biết có Ta (ngã tướng) vậy. Thí như có người thân thể điều hòa không có chút gì trái ý, tợ hồ như quên mình (lúc ấy không thấy Ngã tướng hiện). Ðến khi điều dưỡng bị thất thường, thân thể mất thăng bằng, hoặc gặp phải những cảnh trái nghịch, như gai đâm hay lửa đốt v.v... lúc bấy giờ mới thấy cái Ta (Ngã tướng) hiện ra rất rõ rệt. Vì thế mà chứng biết có cái Ta.

- Này Thiện nam! Sâu thêm một từng nữa, cái Ngã tướng có phần vi tế hơn trước, là người tu hành, trong lúc thấy mình có chứng quả, có đắc đạo. Cho đến khi chứng quả Như Lai, hay đặng Niết bàn thanh tịnh của Phật, mà nếu còn cái tâm biết mình có chứng và có đặng, như thế cũng đều còn “Ngã tướng”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật chỉ rõ cái Ngã tướng (Ta) có thô và tế.*

*1. Trong lúc bình thường thì cái Ta hiện ra không rõ rệt, đến khi nghịch cảnh, bị người đánh đập hoặc hủy nhục v.v… lúc bấy giờ cái Ngã tướng hiện ra mới rõ ràng. Ðâylà cái Ngã tướng thô.*

*2. Người tu hành, một mình ở trong núi sâu rừng thẳm, không gặp các cảnh thuận nghịch, tâm không phân biệt mình với người, lúc bấy giờ tưởng mình đã chứng được “vô ngã” rồi. Ðến khi gặp cảnh buồn vui thử thách, tâm mừng giận nổi lên, lúc bấy giờ Ngã tướng hiện ra y nguyên. Cho đến lúc tự thấy mình đắc Ðạo hay chứng Niết bàn tịch tịnh của Như Lai cũng đều còn Ngã tướng, song có phần vi tế hơn trước. Bởi vì còn biết có Niết bàn hay quả Phật sở chứng (được chứng), tất nhiên phải có cái Ta “năng chứng”. Nếu năng chứng và sở chứng chưa hết (bỉ, thử chưa trừ) tức là còn Ngã tướng.*

B. NHƠN TƯỚNG

- Này Thiện nam! Thế nào là Nhơn tướng? Tất cả chúng sanh, tự tâm  hiểu ngộ Ta đây là người vậy (Nhơn tướng), nghĩa là hiểu ngộ ta là người và các ngươi cũng là người (Nhơn tướng). Nói rộng ra, hiểu ngộ ngoài Ta (ngã) thì tất cả đều là người vậy.

- Này Thiện nam! Ði sâu vào một từng nữa, cái “Nhơn tướng” có phần vi tế hơn, là cái tâm này, cho đến hiểu ngộ rằng: “Còn biết mình viên ngộ Niết bàn”, cũng đều còn Ngã tướng; nghĩa là ở nơi tâm, nếu còn một chút ngộ rắng: “Chứng lý đầy đủ”, thì đều gọi là “Nhơn tướng”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật chỉ rõ cái “Nhơn tướng” có thô và tế.*

*1. Chúng sanh tự công nhận mình là người (Nhơn) và các người cũng là người (Nhơn). Nói rộng ra, ngoài mình (Ta) thì tất cả kẻ khác đều là người (Nhơn). Ðây là cái Nhơn tướng thô thiển.*

*2. Ði sâu vào một từng nữa, cái Nhơn tướng có phần vi tế hơn, là cái “tâm hiểu biết” này, cho đến nếu còn hiểu biết: “Mình có viên ngộ Niết bàn”, cũng còn Ngã tướng. Nghĩa là: Hễ còn có một chút hiểu biết, thế là còn “Nhơn tướng”. Cái nhơn tướng này rất là vi tế.*

*Tóm lại, nếu còn có một chút hiểu ngộ rằng: “Mình viên ngộ Niết bàn”, thế là cái “hiểu ngộ” và có cái “mình viên ngộ” khác nhau. Vậy thời ngoài mình (mình viên ngộ) còn có cái “hiểu ngộ”, tức là ngoài Ngã (mình viên ngộ) còn có Nhơn tướng (cái hiểu ngộ) vậy.*

*Nói lại cho dễ hiểu: còn có Ta viên ngộ Niết bàn, tức là Ngã tướng. Cái “biết ta viên ngộ” đó là Nhơn tướng.*

C. CHÚNG SANH TƯỚNG

- Này Thiện nam! Thế nào là Chúng sanh tướng? Tất cả chúng sanh ở nơi tự tâm không còn chấp mình là Ngã và Nhơn mà lại chấp là chúng sanh. Tỷ như có người nói như thế này: “Tôi đây là chúng sanh”. Bởi thế nên biết: Người kia nói “Tôi là chúng sanh” thì biết không phải Ngã và Nhơn.

- Này Thiện nam! Những chúng sanh rõ biết hai món tướng trước (sở chứng, sở ngộ) là thuộc về Ngã và Nhơn, nay không còn chấp Ngã, Nhơn nữa; nhưng còn cái “tâm rõ biết”, đó là Chúng sanh tướng.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật nói Chúng sanh tướng có hai phần thô và tế.*

*1. Không còn chấp ta đây là Ngã hay Nhơn mà lại chấp là chúng sanh. Như thế là chấp về phần thô.*

*2. Rõ biết hai tướng Ngã và Nhơn là phi, nên không còn chấp; thế là đã cao hơn trước một từng, nhưng còn cái “rõ biết hai tướng Ngã, Nhơn là phi”. Ðó cũng là cái vi tế Ngã tướng còn ẩn phục bên trong, gọi là Chúng sanh tướng.*

D. THỌ MẠNG TƯỚNG

- Này Thiện nam! Thế nào là Thọ mạng tướng? Các chúng sanh tâm chiếu soi (phân biệt) đã thanh tịnh. Nhưng còn cái trí giác ngộ tướng chúng sanh trước (giác sở liễu giả). Bởi còn có cái “trí giác ngộ”, tương tục tu tập các nghiệp vô lậu, chưa có thể tự trừ được; cũng như mạng căn tương tục, không tự đoạn được, nên gọi là “Thọ mạng tướng”.

- Này Thiện nam! Nếu còn tâm soi thấy (biết) tất cả cái giác (biết) trước (3 tướng trên) đó thì cũng còn ở trong vòng trần cấu (tâm chưa trong sạch). Bởi còn năng giác và sở giác nên chưa rời trần cấu vậy.

Cũng như nước nóng làm tiêu băng, thì toàn băng là nước, lúc bấy giờ không còn nước nóng năng tiêu và băng bị tiêu nữa. Nếu còn chút nước nóng và băng, thế là nước chưa thuần nhứt. Cũng thế, nếu còn cái Ta để giác ngộ cái Ta trước, thì chưa rời được bốn tướng.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: Người tu hành khi phá trừ được Ngã, Nhơn, Chúng sanh ba tướng trên rồi, tâm đã được thanh tịnh, nhưng còn cái trí tiếp tục tu vô lậu nghiệp, để phá trừ tướng trên. Vì cái trí này còn tiếp tục trong một thời gian chưa có thể tự trừ được. Cũng như mạng sống của người, sống tiếp tục trong một thời gian, không thể tự đoạn được, nên gọi là “Thọ mạng tướng”.*

*Phật dạy thêm, đại ý: Nếu còn tâm phân biệt để phá trừ các tướng (Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ mạng) thế là còn vọng. Vì Năng, Sợ, Bỉ, Thử đối đãi nhau, nên tâm chưa trong sạch. Bởi còn vọng là còn nhiễm ô, vì thế nên gọi là trần cấu. Nghĩa là: Nếu còn một chút biết rằng: “Ta trừ Ngã”, thế là còn mắc trong bốn tướng, chưa thoát ly được vọng – Cũng như nước nóng làm tiêu băng, khi “băng” tiêu rồi thì “nóng” cũng không chỉ còn nước.*

*Ngài Tôn Mật giải: Nước là dụ cho “Chơn tâm”. Băng là dụ cho “bốn tướng”. Nước nóng là dụ cho “trí huệ”. Nước vì lạnh mà đóng thành “băng”; cũng như Tâm vì mê nên thành “bốn tướng’. Dùng nước nóng làm tiêu băng, cũng như dùng trí huệ làm tiêu bốn tướng. Khi băng tiêu rồi thì nóng (nước nóng) cũng không chỉ còn một tánh nước mà thôi. Cũng như Ngã tướng hết, thì trí phá Ngã cũng không chỉ còn một thể tánh Chơn tâm.*

*Tóm lại, tướng “Thọ mạng” cũng là tướng Ngã rất vi tế đó thôi. Chúng sanh trước phân biệt chấp Ta, tức là Ngã tưóng. Khi phá được Ngã tướng, nhưng còn cái “trí biết mình phá Ngã” là Nhơn tướng. Khi phá được Nhơn tướng, nhưng còn cái “trí biết mình đã phá Nhơn tướng” gọi là Chúng sanh tướng. Khi phá được Chúng sanh tướng, nhưng vẫn còn cái “trí biết mình đã phá Chúng sanh tướng”. Cái trí đó vẫn tiếp tục tu các nghiệp vô lậu, chưa có thể tự đoạn được, cũng như mạng căn tương tục sống trong một thời gian và không thể tự đoạn được, nên gọi là “Thọ mạng tướng”.*

*Vậy thì bốn tướng trên, cũng là một ngã tướng, chẳng qua từ thô vào tế, từ thiển đến thâm mà thôi. Theo trong văn kinh chữ Hán, dùng bốn chữ riêng biệt, chỉ rõ bốn tướng có thô và tế khác nhau.*

*1. Chứng là Ngã tướng*

*2. Ngộ là Nhơn tướng*

*3. Liễu là Chúng sanh tướng*

*4. Giác là Thọ mạng tướng*

**6. VÌ KHÔNG RỜI ĐƯỢC BỐN TƯỚNG, NÊN TU CHẲNG THÀNH PHẬT**

- Này Thiện nam! Các chúng sanh đời sau, bởi không rời được bốn tướng, nên tuy trải qua nhiều kiếp, siêng năng tu hành khổ hạnh, nhưng chỉ thành hữu vi mà thôi, chớ không thể chứng được Thánh quả.

**LƯỢC GIẢI**

*Trong kinh Lăng Nghiêm Phật đã cặn kẽ căn dặn: “Nếu các ông nhận lầm căn bản của sanh tử là vọng tâm làm nhơn địa tu hành, thì không bao giờ thành quả vị Phật. Cũng như người nấu cát làm cơm, dầu trải qua bao nhiêu kiếp cũng chẳng thành cơm được, vì gốc nó là cát”*

*Giống với đoạn kinh này, Phật dạy đại ý: Người mang tâm nhơn, ngã v.v... thuộc về hữu vi  hữu lậu của chúng sanh, mà muốn cầu quả vô vi vô lậu của Phật, dầu cho cực khổ tu hành, trải qua nhiều kiếp cũng không thể được, vì gốc nó là Ngã tướng, là chúng sanh và hữu lậu vậy.*

- Tại sao thế?  Bởi nhân các ngã tướng: có chứng có ngộ, cho là thành tựu quả Niết bàn. Chẳng khác nào người nhận giặc làm con, nó sẽ phá tan gia tài quý báu vậy.

**LƯỢC GIẢI**

*Ngài Như Sơn giải rằng: Tại sao siêng năng tu hành trải lâu nhiều kiếp, mà không chứng được Thánh quả? Bởi vì lầm nhận Ngã tướng làm Niết bàn vậy. Cũng như lầm nhận giặc làm con, đã không được nhờ, trái lại còn bị nó phá hại chẳng ít.*

*Trên văn kinh, chữ “Các ngã tướng” tức chỉ cho bốn tướng: Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ mạng.*

*Trên văn kinh, chữ “Có chứng có ngộ”; nghĩa là biết mình có chứng quả Phật, có ngộ Ðạo, thế là chưa rời Ngã tướng. Bởi hành giả đem “Ngã tướng” này, cho là đặng Thánh quả, nên nói “nhận giặc làm con vậy”.*

**7.**T**HƯƠNG (THAM) GHÉT (SÂN) LÀ GỐC CỦA SANH TỬ LUÂN HỒI**

- Này Thiện nam! Nếu hành giả còn ưa (thương) Niết bàn (pháp ái) tức là còn Ngã tướng (ta ưa); chẳng qua cái Ngã tướng ấy bị ẩn phục, rồi lầm cho đó là tướng Niết bàn.

Còn ghét sanh tử, tức là còn Ngã tướng (ta ghét). Chúng sanh riêng ghét sanh tử, ưa Niết bàn, chớ đâu biết rằng: cái “ưa” đó chính là gốc sanh tử, còn “ghét” là gốc triền phược (không giải thoát).

- Này Thiện nam! Làm sao biết “ưa” và “ghét” là gốc của của sanh tử triền phược? Bởi các chúng sanh tu đạo Bồ đề, nếu còn đôi chút biết mình chứng được Ðạo quả thanh tịnh, thế là chưa diệt trừ được tận gốc Ngã tướng, nên còn sanh tử triền phược.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói: “còn thương ghét”  là còn Ngã tướng; mà Ngã tướng là gốc rễ của sanh tử luân hồi.*

*Chúng sanh đem tâm “thương ghét” này mà cầu đạo Bồ đề, thì không bao giờ được giải thoát, vì nó là gốc của sanh tử luân hồi vậy.*

*Mặc dầu ghét sanh tử là việc phải, ưa cảnh Niết bàn tịch tịnh là một điều hay; nhưng cũng còn ở trong vòng thương ghét, nên chẳng rời Ngã tướng.*

*Phải không “thương ghét”, thì Ngã tướng mới không; Ngã tướng không, mới nhập được Viên Giác. Vì hiểu nghĩa này, nên cổ nhơn có làm bài kệ rằng:*

*HÁN VĂN:*

***Thập phương đồng tụ hội***  
***Cá cá học vô vi***  
***Thử thị tuyển Phật trường***  
***Tâm không cập đệ quy.***

*DỊCH NGHĨA*

Mười phương đồng tu hội  
Người người học vô vi  
Ðây là trường thi Phật  
“Tâm không” mới được đậu.

*Bài kệ này quan trọng nhứt là hai chữ “Tâm không”. Người còn “ưa ghét” tức là còn tham sân; tham sân còn thì sanh tử luân hồi còn. Bởi thế nên trường thi làm Phật này, nếu ai Tâm không còn tham sân tật đố, Tâm không còn nhơn ngã bỉ thử, Tâm không còn mừng giận thương ghét v.v... thì được “đậu”.*

**8. PHẬT CHỈ “NGÃ TƯỚNG” ẨN NÚP TRONG TẠNG THỨC**

- Này Thiện nam! Trong khi có người đến khen ngợi kính phục, hành giả lại sanh vui mừng, muốn tế độ người đó. Trái lại, nếu bị người chê bai hủy báng, thì hành giả lại sân hận. Do đó mà biết cái ngã tướng vẫn còn kiên cố núp ẩn trong tạng thức; nó thường lai vãng trong các căn của hành giả, không gián đoạn vậy. Người tu hành bởi không đoạn trừ được “Ngã tướng”, cho nên không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Người đời khi gặp cảnh thuận hay nghịch, cái Ngã tướng thô trọng nổi lên rất dễ biết. Ðến như người tu hành cổi lột được Ngã tướng thô trọng bên ngoài, nhưng còn cái Ngã tướng vi tế tiềm tàng trong tạng thức. Nó thường xuất đầu lộ diện, lai vãng ở nơi các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi.*

*Bằng chứng: Trong lúc được người khen kính thì ta sanh tâm hoan hỷ, muốn độ người ấy. Trái lại, khi bị người hủy báng chê bai, thì ta lại không vui. Ðó là cái Ngã tướng hiển lộ, có phần tế nhị hơn trước. Bởi không trừ được Tướng ngã, nên không nhập được Viên Giác.*

***Than ôi! Núi không cao, trời không cao,***

***Ngã tướng mới cao!***

***Sông chẳng sâu, biển chẳng sâu,***

***Ngã tướng mới sâu!***

**9. KHÔNG THẤY NGƯỜI HỦY NHỤC, KHÔNG THẤY MÌNH THUYẾT PHÁP ĐỘ SANH, LÚC BẤY GIỜ NGÃ TƯỚNG MỚI KHÔNG CÒN.**

- Này Thiện nam! Nếu hành giả muốn biết mình được vô ngã chưa, cứ xem trong lúc bị người hủy nhục, mà không thấy có người hủy nhục, như thế là được Vô ngã.

Trái lại, trong lúc thuyết pháp độ người, mà còn thấy có Ta thuyết pháp, thế là Ngã tướng chưa đoạn. Còn Nhơn tướng, Chúng sanh tướng và Thọ mạng tướng cũng thế.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðược người khen không mừng, bị người chê chẳng buồn, cũng chưa chắc đã hết Ngã tướng. Trong khi được khen bị chê, mà không thấy có người khen chê, như thế mới là vô ngã. Trái lại, nếu thấy có người khen chê, cố nhiên phải có Ta được khen, bị chê, nên Ngã tướng hãy còn rõ ràng.*

*Một thí dụ thứ hai: Trong lúc thuyết pháp độ người, không thấy có Ta thuyết pháp, có người nghe pháp, không thấy có Ta tế độ, có người được độ; như thế mới được vô ngã. Trái lại, nếu còn thấy có Ta thuyết pháp, có Ta tế độ, thế là Ngã tướng chưa đoạn.*

*Trong kinh Kim Cang, Phật nói:*

*“Bồ tát độ vô số chúng sanh mà không thấy chúng sanh có độ, nếu còn thấy có Ta độ sanh tức không phải Bồ tát”; vì còn Ngã tướng, nên không phải Bồ tát vậy.*

*Kinh Kim Cang lại nói:*

*“Bồ tát thuyết pháp, không thấy có mình thuyết, nếu còn thấy có Ta thuyết pháp, tức không phải Bồ tát”; vì còn Ngã tướng, nên không phải Bồ tát vậy.*

**10. VÌ CÒN “NGÃ TƯỚNG” NÊN KHÔNG NHẬP ĐƯỢC VIÊN GIÁC**

- Này Thiện nam! Ngã tướng là cái trọng bịnh của hành giả. Song, chúng sanh đời sau, lại nhận làm cái trọng bịnh này, cho là mình chứng được pháp Niết bàn, thật đáng thương xót! Bởi thế nên chúng càng tinh tấn tu hành chừng nào thì lại càng thêm cái bịnh Ngã tướng chừng nấy; vì thế nên không nhập được Viên Giác thanh tịnh.

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau, chấp theo sự kiến giải và hạnh của Như Lai, làm chỗ hiểu biết và hạnh của mình, song vì không biết bốn tướng còn ẩn núp bên trong, nên chẳng thành tựu được Thánh quả.

Hoặc có chúng sanh chưa đặng đạo mà nói mình đã đặng đạo, chưa chứng quả mà nói mình đã chứng quả; thấy người tinh tấn tu hành lại sanh tật đố. Bởi chúng sanh này chưa đoạn trừ được ngã ái nên không nhập được Viên Giác thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này nói vì có ba nguyên nhân, nên hành giả không nhập được Viên Giác thanh tịnh.*

*1. Bởi hành giả không biết bốn tướng rất tế nhị, lầm cho mình chứng được đạo quả, nên càng tu chừng nào lại càng tăng trưởng bịnh Ngã tướng chừng nấy. Vì vậy mà chẳng nhập được Viên Giác.*

*2. Hành giả chỉ bắt chước theo chỗ kiến giải và hạnh của Như Lai làm của mình, không biết bốn tướng vẫn còn tiềm tàng trong tạng thức của hành giả, nên không được nhập Viên Giác. Thí như hành giả thấy trong kinh Phật dạy bố thí v.v... rồi thật hành theo. Nhưng không biết trong khi ấy, lại bị bốn tướng thường theo dõi. Nhưng trong khi bố thí, thấy có người thọ thí (Nhơn tướng) và Ta bố thí (Ngã tướng). Bố thí để cầu cho Ta được giàu sang, Ta được mạnh giỏi v.v… vì cái Ngã tướng còn nguyên hiện như thế, nên không nhập được Viên Giác.*

*3. Cũng vì Ngã tướng chưa đoạn, nên hành giả trong lúc tu hành thấy kết quả được đôi phần, lúc bấy giờ tánh kiêu căng nổi lên, chưa phải chứng ngộ đắc đạo, mà tự cho mình đã chứng ngộ hoặc đắc đạo. Hay thấy người hơn mình, lại sanh ra tật đố v.v... Vì thế mà không thể nhập được Viên Giác.*

**11. PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP NHẬP VIÊN GIÁC**

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau trông mong thành đạo, mà không cầu cho ngộ đạo; chỉ ưa học nhiều nói suông, để tăng trưởng ngã tướng.

Hành giả phải phát tâm đại dõng mãnh, hàng phục các phiền não. Những pháp lành chưa chứng được phải tinh tấn tu cho chứng; các pháp ác chưa đoạn, phải tinh tấn đoạn cho được; khi xúc cảnh không sanh tham, sân, si, mạn, ái và tật đố v.v... nào nhơn, ngã, bỉ, thử, ân ái v.v… đều vắng lặng. Như Lai ấn chứng cho người này, lần lượt sẽ thành tựu được Viên Giác.

Trên đường tu hành, hành giả phải cầu thiện hữu tri thức chỉ dẫn, mới khỏi bị đọa tà kiến. Song, nếu hành giả đối với Thiện tri thức, lại phân biệt sang hèn, sanh tâm thương ghét, thì cũng không thể nhập được biển Viên Giác thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này, Phật chỉ đường lối tu  hành để nhập Viên Giác, có 3 đoạn:*

*Ðoạn thứ nhất, đại ý Phật dạy: Muốn được đạo thì phải tu hành mới ngộ được đạo. Nếu học nhiều nói suông mà không tu, thì chỉ tăng trưởng Ngã tướng.*

*Ðoạn này giống như trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan tự trách: “… Bạch Thế Tôn, vì con ỷ lại con là em của Phật, có lẽ Phật thương yêu sẽ ban cho con đạo quả, không cần phải tu hành cực khổ, chỉ lo học nhiều nói suông nên không lợi ích cho mình...”.*

*Ðoạn thứ hai, đại ý Phật dạy: Phương pháp tu hành để nhập Viên Giác, là phải phát tâm đại dõng mãnh, đoạn trừ các phiền não, tức là bốn tướng nói trên. Siêng năng đoạn các ác pháp, tu chứng các thiện pháp. Tất cả thời, tâm đều vắng lặng, khi đối cảnh không sanh các phiền não như tham, sân, si v.v... Phật ấn chứng cho người ấy sẽ đặng nhập Viên Giác.*

*Ðoạn này giống như trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy bốn chữ “Bất tùy phân biệt”, nghĩa là: khi đối cảnh không khởi phân biệt, thì vọng niệm chẳng sanh, vọng niệm không sanh, chơn tâm hiển lộ.*

*Ðoạn thứ ba, đại ý Phật dạy: Trên đường tu hành, hành giả phải cầu Minh sư chỉ giáo, mới tránh khỏi đọa tà kiến. Song khi đối với Minh sư không được phân biệt giàu nghèo, sang hèn v.v... (y pháp bất y nhơn) phải sanh tâm kính trọng. Nếu trái lại thì không thể nhập được Viên Giác.*

**12. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy đức Thế Tôn, muốn tóm lại nghĩa trên nên nói bài kệ rằng:

Tịnh Nghiệp! Ông nên biết:  
Tất cả các chúng sanh,  
Luân hồi từ vô thỉ  
Ðều do chấp ngã vậy.  
Nếu không trừ bốn tướng  
Chẳng chứng quả Bồ đề.  
Nếu tâm còn thương ghét,  
hoặc tật đố si mê,  
Ấy là kẻ mê muội,  
Không được nhập Viên Giác.  
Người muốn được giác ngộ,  
Trước phải trừ tham, sân,  
Tâm hết chấp ngã, pháp,  
Mới được nhập Viên Giác.  
Thân này còn chẳng có,  
Thương ghét do đâu sanh,  
Hành giả phải cầu Thầy,  
Mới khỏi đọa tà kiến.  
Cầu Thầy, mà phân biệt,  
Thời không nhập Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này: Chúng sanh bị sanh tử luân hồi từ hồi nào đến giờ, đều do chấp bốn tướng. Nếu bốn tướng không trừ thì không thể chứng bồ đề. Vì các phiền não như tham, sân, si v.v… nó làm mê muội, nên chúng sanh chẳng nhập được Viên Giác. Hành giả muốn nhập Viên Giác trước phải đoạn tham, sân v.v… Bao giờ tâm không còn ngã chấp và pháp chấp, mới chứng đặng Viên Giác.*

*Song trên đường tu hành, hành giả phải cầu Minh sư chỉ giáo, mới khỏi lạc tà kiến. Khi cầu thỉnh Minh sư, nếu hành giả còn phân biệt sang hèn, sanh tâm thương ghét, thời cũng không nhập được Viên Giác.*

# **Bài thứ 10: CHƯƠNG PHỔ GIÁC**

**1. NGÀI PHỔ GIÁC BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Phổ Giác Bồ tát ở trong Đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, kính cẩn lạy Phật và quỳ thẳng chắp tay bạch rằng:

- Bạch đức Đại Bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng sanh nói các bệnh (bốn tướng) của người tu thiền, khiến cho Ðại chúng gội sạch các mê lầm nơi tâm và được an ổn. Ðây là một việc lợi ích lớn chưa từng có.

- Bạch Thế Tôn, chúng sanh đời sau các Phật lần xa, các vị Thánh hiền lại ẩn, tà sư ngoại đạo rất thạnh hành; vậy trên đường tu hành:

1. Phải cầu bực nào để dạy bảo?

2. Phải y phương pháp nào tu hành?

3. Phải làm theo hạnh nào?

4. Phải trừ những bịnh gì?

5. Phải phát tâm như thế nào?

Xin Phật từ bi chỉ dạy, khiến cho những chúng sanh còn mê muội, khỏi bị đọa tà kiến.

Ngài Phổ Giác Bồ tát thưa thỉnh như vậy ba lần, cúi đầu kính lạy, rồi trở về chỗ cũ.

**LƯỢC GIẢI**

*Chữ “Phổ Giác” là giác ngộ cùng khắp. Trên đường tu hành, hành giả phải gặp nhiều chướng ngại. Những chướng ngại ấy đều do chấp bốn tướng mà sanh ra. Bởi thế nên Chương thứ 9, ngài Tịnh Chư  Nghiệp Chướng Bồ tát đứng lên thưa hỏi, để Phật chỉ bày bốn tướng cho hành giả biết rõ đặng trừ. Khi bốn tướng trừ hết rồi thời các nghiệp chướng được thanh tịnh.*

*Song trên đường tu hành, hành giả còn bị mây Vô minh rất vi tế, tức là bốn bịnh sau này che mặt trăng Viên Giác của hành giả, làm cho trăng Viên Giác chiếu soi không được phổ biến.*

*Vì thế nên đến Chương thứ 10 này, ngài Phổ Giác Bồ tát đứng lên thưa hỏi, cầu Phật chỉ dạy thêm, để cho hành giả hiểu biết, đặng dẹp trừ hết mây Vô minh, thời trăng Viên Giác kia mới được chiếu soi phổ biến.*

*TÓM LẠI, ĐOẠN NÀY CÓ 3 PHẦN:*

*1. Trước Ngài Phổ Giác tán thán Phật đã chỉ rõ những chứng bịnh của Thiền giả là bốn tướng vừa nói trên, để chúng sanh biết bịnh đặng trừ, sẽ được an ổn.*

*2. Ngài Phổ Giác Bồ tát thương xót chúng sanh đời sau cách Phật xa pháp, các vị Hiền Thánh thì ở ẩn, ngoại đạo tà sư lại thạnh hành làm cho người tu hành dễ lạc vào tà kiến.*

*3. Ngài Phổ Giác Bồ tát, cầu Phật chỉ dạy 5 điều như sau:*

*a. Hành giả phải cầu ai làm minh sư để chỉ dẫn trên đường tu hành?*

*b. Y theo phương pháp nào để tu?*

*c. Phải làm những hạnh gì?*

*d. Phải trừ những bịnh gì?*

*đ. Làm sao để phát tâm?*

**2. PHẬT KHEN NGÀI PHỔ GIÁC BỒ TÁT**

Khi ấy đức Thế Tôn khen ngài Phổ Giác Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm! Ông vì chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai đường lối tu hành như thế. Ðó là ông bố thí cho chúng sanh đời sau con mắt đạo không sợ (đạo nhãn vô úy), khiến cho chúng sanh đặng thành Thánh đạo. Vậy các ông nên chăm chú nghe, ta sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi ấy Ngài Phổ Giác Bồ tát và đại chúng đều hoan hỷ và lẳng lặng vâng nghe lời Phật chỉ giáo.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật khen ngài Phổ Giác vì chúng sanh, cầu Phật chỉ dạy đường lối tu hành để cho chúng sanh đi thẳng đường đến nơi Thánh quả, không còn lo sợ đọa vào tà kiến.*

*“Mắt đạo không sợ”. Ðối với đạo hiểu biết được rõ ràng như con mắt thấy đường đi nên gọi là “con mắt đạo” (đạo nhãn). Trên đường tu hành không còn lo sợ đọa vào tà kiến, nên nói “không sợ” (vô úy).*

**3. PHẬT DẠY NGÀI PHỔ GIÁC BỒ TÁT**

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau muốn phát tâm tu đại thừa thì phải cầu Thiện tri thức, tức là những người hiểu biết chơn chánh (chánh tri kiến). Những vị ấy, tâm chẳng trụ ở nơi tướng phàm phu và cũng không dính mắc nơi cảnh của Thinh văn, Duyên giác; tuy hiện ở nơi cảnh trần lao mà tâm vẫn thường thanh tịnh. Có khi các vị ấy thị hiện đồng ăn đồng ở với người tội lỗi (đồng sự nhiếp), mà thường khen ngợi các hạnh thanh tịnh (phạm hạnh), không để cho chúng sanh làm việc tội lỗi.

Hành giả phải cầu những người như vậy, dạy bảo tu hành, để thành tựu quả Phật.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật trả lời câu hỏi thứ nhứt của Ngài Phổ Giác Bồ tát hỏi: “Phải cầu những bực nào dạy bảo?”. Ðại ý Phật trả lời: Người tu hành muốn được thành quả Phật, phải đủ hai điều kiện:*

*1. Bên trong, hành giả phải phát tâm Ðại thừa làm chánh nhơn.*

*2. Bên ngoài, phải nhờ các Thiện hữu Tri thức, hướng dẫn đường lối tu hành làm chánh duyên. Nếu có nội nhơn mà thiếu ngoại duyên, hay có ngoại duyên mà thiếu nội nhơn đều không thành tựu.*

*Song, cầu Thiện hữu Tri thức, phải là người “Chánh tri kiến”. Làm sao biết là người “Chánh tri kiến?”. Hành giả phải dùng hai phương diện thuận cảnh và nghịch cảnh sau đây quan sát, sẽ phân biệt được thế nào là “Chánh tri kiến”.*

*1. Thuận cảnh. Vì Thiện hữu Tri thức này, tâm không trụ nơi phước báo của phàm phu ở cõi người hay cõi Trời, vào cũng không trụ nơi cảnh thanh nhàn yểm thế tu ích kỷ tiêu cực của Tiểu thừa là Thanh văn và Duyên giác.*

*2. Nghịch cảnh. Vì Thiện hữu Tri thức này, hiện thân ở trong cảnh nhiễm ô (trần lao) để hóa độ chúng sanh, mà tâm chẳng ô nhiễm, thật hành theo “đồng sự nhiếp” của Bồ tát để hóa độ người.*

*Có khi vị này phải thị hiện làm việc lầm lỗi như người, nhưng không bao giờ dùng lý luận miễn cưỡng để bào chữa lỗi mình, trái lại luôn luôn khen ngợi hạnh thanh tịnh và tự chỉ trích lỗi lầm của mình.*

*Ngài Như Sơn giải nghĩa chữ “Thiện tri thức” như vầy: Thiện là hay, khéo. Tri là biết bịnh. Thức là biết thuốc. Nghĩa là vị này có tài biết chơn vọng, tà chánh, biết tâm bịnh của chúng sanh, biết pháp dược của Phật để đối trị.*

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau nếu gặp vị Thiện hữu Tri thức như thế, phải hết lòng cúng dường, không tiếc thân mạng. Vị Thiện Tri thức này khi giữ bốn oai nghi thanh tịnh, hành giả cung kính đã đành, mà khi thị hiện lẫn lộn với chúng sanh làm các tội lỗi, để giáo hóa chúng sanh (đồng sự nhiếp), hành giả cũng chớ nên sanh tâm khinh dễ.

- Này Thiện nam! Ðối với Thiện hữu Tri thức này, mà hành giả không khởi một niệm khinh thường, thì hoa lòng (Tâm hoa) sẽ được rộng mở, chiếu sáng khắp cả mười phương thế giới và thành tựu qủa Phật.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật dạy: “Y Pháp bất y nhơn”. Trong luận Trí Ðộ nói: “Nếu vị Thiện Tri thức kia, có thể giải thích các nghĩa lý sâu xa của  Phật, dẫn dắt hành giả tu theo chánh đạo, được lợi ích, thì hành giả phải hết lòng cung kính, như tôn kính Phật, chẳng nên nghĩ những việc lỗi lầm của Thiện hữu Tri thức. Thí như cái đãy xấu đựng ngọc, chớ nên vì đãy xấu mà bỏ vật báu. Người có ghẻ lác cầm đuốc đưa hành giả qua con đường nguy hiểm trong lúc ban đêm, chớ nên chê người lác mà không dùng đuốc sáng”. Người cầu đạo cũng thế: khi tìm được Thiện hữu Tri thức có thể dẫn dắt hành giả đi trên đưòng tu hành, thì hành giả phải trước sau một lòng tôn kính. Khi Thiện Tri thức giữ giới thanh tịnh, hành giả cung kính đã đành, mà khi Ngài vì chúng sanh thật hành theo hạnh “Đồng sự nhiếp” của Bồ tát, người cầu đạo không nên thấy thế mà sanh tâm chấp nhứt và khinh thường. Ðược như thế, mới chứng được Phật đạo.*

**4. PHẬT NÓI BỐN ĐỊNH**

- Này Thiện nam! Vị Thiện Tri thức kia, đã chứng được diệu pháp và rời cả bốn bịnh sau đây:

***a. Bịnh Tác****(Làm các việc lành)*

Như có người chấp như thế này: “Bản tâm của tôi, vì muốn cầu Viên Giác, nên làm tất cả các hạnh”. Song tánh Viên Giác kia, không phải do làm mà được. Bởi hành giả lấy cái “làm” để cầu Viên Giác, nên gọi là “bịnh tác” (bịnh làm).

**LƯỢC GIẢI**

*Chữ “Tác”, nghĩa là làm. Tánh Viên Giác đâu có phải do “làm” mà được. Cũng như mặt trăng kia đâu phải do vẹt mây mới có. Bởi thế nên hành giả chấp: “Phải là các hạnh lành để cầu nhập Viên Giác”, thì không có thể được. Vì tánh Viên Giác là thanh tịnh, vô vi và vô lậu mà hành giả lại dùng pháp hữu vi để cầu cảnh giới vô vi thanh tịnh, thì không thể được, nên gọi là “bịnh làm”.*

*Ðọc đến đoạn này, độc giả không sao khỏi thắc mắc: Tại sao bài trước Phật dạy: “Muốn nhập Viên Giác, phải tinh tấn bỏ các việc dữ, làm các việc lành v.v…”*

*Đến đoạn này Phật lại nói: “... Tánh Viên Giác không phải do làm các hạnh lành mà được, nếu chấp do làm mà được, thì thành ra bệnh “Tác” v.v...”. Lời nói của Phật trước sau in tuồng mâu thuẫn. Nếu không suy nghĩ kỹ, thì độc giả sẽ không hiểu.*

*Chúng tôi đã thường thí dụ:  Muốn cho lớp học được yên tịnh, thời phải làm sao trong lớp đừng có tiếng động, nếu có tiếng động thì lớp học chẳng được yên tịnh. Cũng như muốn đặng tánh Viên Giác vô vi thanh tịnh, thì không thể dùng pháp hữu vi vọng động mà cầu. Nếu dùng hữu vi vọng động mà cầu thì không bao giờ đặng Viên Giác vô vi thanh tịnh.*

*Mặc dù như thế, song người muốn nhập Viên Giác, quyết định phải trải qua hai giai đoạn:*

*1. Giai đoạn đầu tiên, người muốn nhập Viên Giác thanh tịnh, phải có học tu, bỏ các việc dữ, làm các việc lành v.v... Cũng như các ông thầy giáo, thấy học trò làm ồn, muốn cho lớp học được yên tịnh, giai đoạn đầu tiên, phải dùng tiếng ồn để trị ồn. Nghĩa là ông thầy giáo phải gõ thước trước trên bảng cho lớn, thì các học trò mới hết làm ồn. Cũng như người đời nói: dùng độc trị độc, trong Ðạo nói: lấy vọng để trừ vọng.*

*Ðến khi học trò đã im lặng rồi, mà thầy giáo vẫn gõ hoài trên bảng, để mong cho lớp học được yên tịnh, thì không thể được. Vì tiếng gõ là tiếng động, rất trái với tịnh, làm sao lấy cái “động”, để cầu cái “tịnh” cho được. Cũng như người dùng cái tạo tác hữu vi, để cầu Viên Giác vô vi thanh tịnh, không thể được.*

*2. Vì thế nên bước qua giai đoạn thứ hai: Thầy giáo phải thôi gõ bảng thì lớp học mới hoàn toàn yên tịnh. Cũng như hành giả, phải trừ cái bịnh “làm”, mới đặng Viên Giác thanh tịnh.*

*Người muốn đến bờ giải thoát, trước hết phải dùng cái bè tu học để qua sông mê. Song khi đã đến bờ rồi, mà cứ ôm cái bè ấy mãi thì làm sao lên bờ được.*

*Tóm lại, hành giả muốn nhập Viên Giác thanh tịnh, phải trải qua hai giai đoạn:*

*1. Giai đoạn đầu tiên, hành giả dùng cái bè tu học, bỏ dữ làm lành để qua sông mê. Hay nói một cách khác là dùng tiếng gõ bảng của thầy giáo, để trừ tiếng ồn của học trò.*

*2. Ðến giai đoạn tối hậu, hành giả phải bỏ cái bè hữu vi tu học, mới mong lên bờ giải thoát vô vi kia được. Hay đổi lại cách nói: ông thầy giáo phải thôi gõ bảng, thì trong lớp mới đặng yên tịnh.*

*Cũng ý này, trong kinh “Tứ thập nhị chương” Phật dạy: “... Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng...”. Nghĩa là: tu đến chỗ vô tu mới thật tu, chứng đến chỗ vô chứng mới thật là chứng v.v...*

*Bởi thế nên cổ nhơn có dạy rằng: “Hữu vi tuy ngụy, xả chi tắc Phật đạo nan thành”: Các việc tu hành về hữu vi tuy rằng hư  ngụy chẳng nhằm chi, nhưng nếu  hành giả bỏ đi, thì Đạo Phật vô vi khó thành. Hay là câu: “Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, vạn sự môn trung bất xả nhứt pháp”: Ðành rằng chỗ lý tánh chơn thật (Viên Giác), không  thọ một mảy trần, nhưng về sự tướng tu hành thì muôn điều không bỏ một việc lành nào.*

***b. Bịnh nhậm****(Mặc kệ, không tu hành)*

- Này Thiện nam! Như có ngưòi chấp như thế này: “Tôi nay không cần đoạn sanh tử và cũng không cầu Niết bàn. Người muốn cầu Viên Giác, chớ nên móng niệm diệt sanh tử hay cầu Niết bàn, mặc tình cho sanh tử hay Niết bàn, tùy pháp tánh mà sanh hay diệt”.

Hành giả chấp như thế, là bị bịnh nhậm (mặc kệ); vì tánh Viên Giác kia, đâu có phải để mặc kệ (nhậm) như vậy mà nhập được.

**LƯỢC GIẢI**

*Chữ nhậm là mặc kệ. Bịnh này do hành giả chấp: “Tánh Viên Giác không phải do tu hành, làm các hạnh lành v.v... mà nhập được”. Nên hành giả để mặc cho nghiệp lực xoay chuyển, chẳng sợ tội lỗi, không ham phước lành, sanh tử không chê, Niết bàn cũng chẳng quý; vì thế nên không nhập được Viên Giác.*

***c. Bịnh chỉ****(Dứt các vọng niệm)*

- Này Thiện nam! Như có người chấp như thế này: “Tôi nay muốn cầu Viên Giác, nên phải dứt hết các vọng niệm, đặng tất cả pháp bình đẳng vắng lặng”.

Chấp như thế, là bị bịnh “chỉ”; vì tánh Viên Giác kia, đâu có phải do “dừng chỉ” các vọng mà nhập được.

**LƯỢC GIẢI**

*Chữ “Chỉ” là dứt các vọng niệm. Bởi hành giả thấy bịnh “Tác” làm cho tâm khởi động, bịnh “Nhậm” (mặc kệ) làm tâm phóng túng cả hai đều không nhập Viên Giác được, nên hành giả xoay trở về nơi “Chỉ” (dừng đứng).*

*Vì vọng niệm mà thấy các pháp sai khác, không được bình đẳng, cho nên hành giả tu “Chỉ” để dứt vọng niệm. Ðâu biết rằng: Tánh Viên Giác không có “niệm”, nếu khởi niệm thì trái, Viên Giác không có “Chỉ”, nếu hành giả lại “Chỉ”, thì làm sao nhập được Viên Giác.*

***d. Bịnh diệt****(Diệt các phiền não)*

- Này Thiện nam! Như có người chấp như thế này: “Tôi nay muốn cầu Viên Giác, nên vĩnh viễn đoạn các phiền não, nào thân tâm nào cảnh vật, tất cả đều hư vọng không thật  có, rốt ráo vắng lặng”. Dùng cái “diệt” (vắng lặng) mà cầu Viên Giác như thế là mắc bịnh diệt; vì tánh Viên Giác đâu có phải chỉ vắng lặng.

**LƯỢC GIẢI**

*Chữ “Diệt” là dứt các phiền não, tâm và cảnh đều vắng lặng. Song tánh Viên Giác vừa tịch (vắng lặng) lại vừa chiếu (linh tri). Tịch và Chiếu không hai. Hành giả chỉ chấp một bên “Tịch” thì không hợp với tánh Viên Giác.*

- Tóm lại, người cầu đạo phải rời bốn bịnh trên, mới được nhập Viên Giác thanh tịnh. Người quán sát để trừ bốn bịnh như thế, là Chánh quán; nếu trái lại, là Tà quán.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này tóm lại bốn bịnh trên. Chữ “Tác” là làm; “Nhậm” là không làm, để mặc kệ; “Chỉ” là dùng chỉ các vọng niệm đương sanh và sẽ sanh; “Diệt” là dứt các phiền não đã sanh. Bởi tánh Viên Giác bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, vô vi vô lậu, mà hành giả dùng Tác, Nhậm, Chỉ, Diệt v.v… để cầu, thì không hiệp với tánh Viên Giác.*

*Ngài Như Sơn nói: Ðem bốn bịnh “Tác, Nhậm, Chỉ, Diệt” mà chiêm nghiệm lại tâm tư của mình, nếu còn một món nào thì cũng đều là bịnh cả; phải trừ hết bốn bịnh này, mới được nhập Viên Giác thanh tịnh.*

**5. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ BA: “PHẢI LÀM NHỮNG HẠNH GÌ?”**

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau muốn tu hành, suốt đời phải kính trọng cúng dường Thiện hữu Tri thức. Khi Thiện hữu Tri thức ở gần gũi, hành giả chớ nên khinh lờn. Khi Thiện hữu Tri thức đi xa, hành giả chớ nên hờn giận.

Khi Thiện hữu Tri thức hiện ra cảnh thuận hay nghịch, tâm hành giả phải như hư không, chớ nên thay đổi. Hành giả phải rõ biết: thân tâm mình cùng thầy bạn và các chúng sanh, đồng một bản thể bình đẳng, rốt ráo không khác. Hành giả phải tu hành như thế, mới nhập được Viên Giác.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật trả lời câu hỏi thứ ba: “Phải làm những hạnh gì?”*

*Hạnh Bồ tát rất nhiều, nhưng việc thờ Thầy là điều rất cần thiết. Vì đời mạt pháp nhược ma cường, nếu không có Minh sư chỉ dẫn, thì hành giả không sao khỏi bị lạc vào đường tà. Bởi thế nên hành giả phải suốt đời cung kính phụng sự Thầy. Dù cho Thiện Tri thức làm những điều thuận ý hay nghịch lòng, hành giả cũng phải giữ một niềm tôn kính, tâm như hư không chớ nên thay đổi.*

*Hành giả phải quán sát: Thầy bạn cùng chúng sanh và mình đều đồng một thể Viên Giác, không riêng khác. Do đó hành giả mới bỏ được tánh kiêu mạn của mình để thờ Thầy, quên bản ngã để độ sanh. Phải tu hạnh như thế, mới nhập được Viên Giác.*

**6.** **PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ TƯ: “PHẢI TRỪ BỎ BỊNH GÌ?”**

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau, không được thành Ðạo, đều do tất cả hạt giống thương ghét, nhơn ngã, từ vô thỉ đến giờ. Vì thế nên chẳng được giải thoát.

Nếu người xem những kẻ oan gia cũng như cha mẹ không khác, đối với các Pháp, tâm cũng không thương ghét, phân biệt tự tha, thì người ấy sẽ trừ được các bịnh.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn trước ngài Phổ Giác Bồ tát hỏi Phật: “Phải trừ những bịnh gì?”. Ðoạn này Phật trả lời: “Phải trừ bịnh thương ghét”*

*Ðành rằng trong bài số 9, Phật đã dạy trừ thương ghét, nhưng chỉ nói về phần thô (hiện hành). Ðến đoạn này Phật dạy trừ về phần vi tế của thương ghét tức là chủng tử. Nếu còn một chút ít thương ghét ngấm ngầm bên trong làm chướng ngại, thì hành giả không thể nhập được Viên Giác thanh tịnh.*

*Bao giờ hành giả đối với kẻ oan gia, xem cũng như cha mẹ, bình đẳng không khác, xem sanh tử và Niết bàn chẳng hai, thì hành giả mới đoạn được chủng tử của thương ghét và mới có thể nhập Viên Giác thanh tịnh.*

**7. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ NĂM: “PHẢI PHÁT TÂM THẾ NÀO?”**

- Này Thiện nam! Chúng sanh đời sau muốn cầu  Viên Giác thì phải phát tâm như thế này: “Tôi nguyện độ tất cả chúng sanh khắp cả hư không, đều được rốt ráo vào Viên Giác; người được Viên Giác không chấp ở nơi Viên Giác; trừ hết các tướng Nhơn và Ngã v.v...”. Phải phát tâm  như vậy, mới khỏi đọa vào tà kiến.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật trả lời câu hỏi thứ 5 mà ngài Phổ Giác Bồ tát đã hỏi Phật: “Phải phát tâm thế nào?”*

*Phật trả lời phải phát tâm như vầy, mới khỏi đọa vào tà kiến:*

*1. Phát tâm quảng đại: Nguyện độ tất cả chúng sanh (noãn, thai, thấp, hóa) trong mười phương;*

*2. Phát tâm rốt ráo: Độ chúng sanh nhập Viên Giác cứu kính;*

*3. Phát tâm chơn thường: Ở trong Viên Giác mà không khởi vọng chấp nơi Viên Giác;*

*4. Phát tâm không điên đảo: Không khởi vọng tưởng điên đảo chấp các tướng: Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ mạng và Tướng độ sanh.*

*Hai món phát tâm trước là Đại bi, hai món phát tâm sau là Đại trí. Bi và Trí được viên dung là do phát bốn món tâm trên được tròn. Câu hỏi của ngài Phổ Giác giống như trong kinh Kim Cang, câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề: “Vân hà ưng trụ?” (Phải trụ tâm như thế nào?)*

*Ðoạn này nói chữ “Phát tâm”, nghĩa là Tâm phát nguyện. Như người đời nói “Lập chí”. Nhờ phát nguyện hay lập chí mà người đời tu hành vượt qua bao nhiêu trở lực khó khăn và thúc đẩy sự tu hành mau được thành công. Nếu “Nguyện” rất thiết, thì hạnh mới chuyên cần. Do đó mà mau đuợc kết quả. Các đức Phật cũng nhờ phát nguyện, rồi y theo nguyện đó tu hành mà được thành đạo chứng quả.*

*Hành giả nếu không có “nguyện lực” của mình làm động cơ thúc đẩy trên trường tu hành, thì quả Phật khó mà đạt được.*

**8.** **PHẬT NÓI BÀI KỆ, TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng:

Phổ Giác! ông nên biết:  
Các chúng sanh đời sau,  
Muốn cầu Thiện tri thức  
Phải cầu người chánh kiến,  
Tâm xa lìa Nhị thừa,  
Và trừ bốn món bịnh:  
Làm, dừng, mặc kệ, diệt.  
Gần Thầy chớ khinh lờn,  
Cách Thầy chớ sầu hận.  
Thấy những cảnh giới lạ,  
Tâm phải sanh hy hữu.  
Xem như Phật ra đời  
Chẳng phạm các tội lỗi  
Giới căn hằng thanh tịnh  
Độ tất cả chúng sanh  
Rốt ráo vào Viên Giác  
Không còn tướng Ngã, Nhơn.  
Nên y chánh Trí huệ  
Mới được khỏi tà kiến  
Chứng “Giác” vào “Niết bàn”.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này nói tóm tắt lại các nghĩa trên: Các chúng sanh đời sau muốn cầu Thiện Tri thức, phải tìm người chánh kiến. Làm sao biết chánh kiến? Là đã trừ bốn bịnh và xa lìa tư tưởng Nhị thừa.*

*Cách đối xử với Thiện Tri thức: khi thân cận chớ nên khinh lờn, khi xa cách chớ nên sầu hận. Khi thấy Thiện Tri thức hiện ra cảnh thuận hay nghịch, hành giả chớ nên vì thấy thế mà đổi tâm, phải lấy làm hy hữu và kính như Phật ra đời. Hành giả phải giữ giới hạnh thanh tịnh, không phạm các tội lỗi và độ các chúng sanh, rốt ráo vào Viên Giác.*

*Hành giả phải y trí huệ chơn chánh, trừ các tướng Ngã, Nhơn mới khỏi đọa tà kiến và được nhập Viên Giác hay chứng quả Niết bàn.*

# **Bài thứ 11: CHƯƠNG VIÊN GIÁC**

**1. NGÀI VIÊN GIÁC BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ấy ngài Viên Giác Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật 3 vòng, rồi lạy Phật và chắp tay quỳ thẳng bạch rằng:

- Bạch Ðức Đại Bi Thế Tôn! Ngài đã vì chúng con rộng nói các phương tiện để nhập Viên Giác thanh tịnh, khiến cho chúng sanh đời sau đặng lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn! Chúng con ngày nay đã được khai ngộ rồi. Nếu sau khi Phật nhập diệt, chúng sanh đời sau chưa được khai ngộ, thì làm sao an cư để tu tập cảnh giới Viên Giác thanh tịnh này? Và ba pháp quán thanh tịnh trong Viên Giác đây, phải tu pháp nào trước?

Cúi xin đức Ðại bi vì đại chúng và chúng sanh đời sau, bố thí cho chúng con được lợi ích lớn.

Ngài Viên Giác Bồ tát thưa thỉnh như vậy 3 lần, kính lạy dưới chân Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này ngài Viên Giác Bồ tát hỏi Phật có hai câu:*

*1. Làm sao an cư tu Viên Giác thanh tịnh?*

*2. Ba môn quán thanh tịnh nên tu pháp nào trước?*

*Chữ “Viên Giác Bồ tát”. Viên Giác là Giác viên mãn. Từ trước đến đây, Phật đã nhiều lần chỉ dạy phương pháp tu hành để phá trừ Vô minh và chứng nhập Viên Giác. Nhưng đứng về phương diện tu hành, không phải tu nhứt thời mà chứng được Viên Giác: phải lần lượt như người lau gương, lau nhiều bụi mới sạch. Bụi càng sạch thì gương càng sáng; sáng, sạch đến chỗ hoàn toàn là dụ cho Viên Giác.*

*Xin nhắc lại, trước về Chương “Tịnh Chư Nghiệp Chướng” là dạy hành giả làm cho sạch các nghiệp chướng. Nhưng giác tánh chưa được phổ biến. Ðến chương “Phổ Giác”, Bồ tát cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để cho giác tánh được phổ biến, nhưng chưa Viên. Ðến chương “Viên Giác” là nói Giác tánh Viên mãn. Chương này Bồ tát hỏi Phật về việc an cư và tu 3 pháp quán, toàn chú trọng về sự tướng tu trì. Cho biết: Sự chưa tròn là Lý chưa Viên. Lý Viên là nhờ Sự tròn. Thí như người tu đức Từ bi, nếu chưa phổ cập đến loài vi tế côn trùng (hộ mạng côn trùng) thì lòng Từ bi chưa tròn.*

**2.** **PHẬT KHEN NGÀI VIÊN GIÁC BỒ TÁT**

Khi ấy đức Thế Tôn khen ngài Viên Giác Bồ tát và bảo rằng:

- Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm! Ông thưa hỏi Như Lai những phương tiện tu hành, thế là ông bố thí cho chúng sanh lợi ích rất lớn. Vậy các ông nên lóng nghe, ta sẽ vì các ông mà chỉ giáo.

Khi ấy ngài Viên Giác Bồ tát và đại chúng đều yên lặng và hoan hỷ kính nghe lời Phật chỉ giáo.

**3. PHẬT DẠY PHÁP AN CƯ**

- Này Thiện nam! Khi Phật còn tại thế hoặc nhập diệt rồi, hay đời mạt pháp(1) nếu chúng sanh nào có đủ căn tính Ðại thừa, tin cái tâm Viên Giác của Phật, phát tâm tu hành; như ở Già Lam (*chùa*) thì phải lo xếp đặt chúng Tăng, hoặc có những duyên sự khác không thể chuyên tu tập được, thì tùy phận của hành giả, tư duy và quán sát các pháp môn mà ta đã dạy trước.

Nếu không có nhơn duyên khác, thì hành giả phải lập đạo tràng và định thời kỳ tu tập. Nếu thời gian dài thì 120 ngày, vừa thì 100 ngày, ngắn thì 80 ngày.

Cách bài trí trong tịnh thất, phải treo tràng phan và đủ cả hương hoa. Như Phật còn tại thế thì nên chánh suy nghĩ. Nếu Phật nhập diệt rồi thì an trí hình tượng Phật, mắt nhìn tâm tưởng nhớ, kính đồng như Phật còn hiện tại.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật dạy hai cách:*

*1. Người phát tâm tu hành, nếu vì bận rộn việc chùa hoặc các duyên sự khác, không thể nhập đạo tràng chuyên tu được, thì hành giả nên quán sát các pháp môn của Phật dạy, như trong Chương Phổ Nhãn v.v…*

*2. Nếu không có duyên sự gì bận rộn, thì hành giả nên lập đạo tràng và phân kỳ mà tu tập. Trường kỳ là 120 ngày, trung kỳ là 100 ngày, đoản kỳ là 80 ngày.*

*Nếu Phật còn tâi thế, thì hành giả chỉ chánh tâm nhớ nghĩ đức Phật, khỏi cần có hình tượng. Nếu Phật nhập diệt rồi, thì nên thờ tượng Phật để mắt nhìn, tâm tưởng, kính như Phật còn tại thế.*

*\_\_\_\_\_\_*

*(1) Chữ “Mạt pháp”. Giáo pháp của Phật có chia làm 3 thời kỳ:*

*1. Chánh pháp, 1000 năm.*

*2. Tượng pháp (mường tượng như chánh pháp) 1000 năm.*

*3. Mạt pháp (rốt ngọn) 10.000 năm. Hiện nay (1992) Phật lịch 2536, thế là đã sang Mạt pháp 536 năm.*

**4. PHẬT DẠY 21 NGÀY ĐẦU, Ở TRONG TỊNH THẤT**

- Trải qua 21 ngày đầu, hành giả kính lạy danh hiệu của các đức Phật trong 10 phương và chí thành sám hối. Nếu gặp cảnh giới tốt, thì hành giả tâm đuợc nhẹ nhàng thư thới (*khinh an*). Qua 21 ngày rồi, hành giả phải chuyên nhiếp vọng niệm.

**LƯỢC GIẢI**

*Người mới tu, giới đức chưa đủ, thân tâm chưa được thanh tịnh, nên không có năng lực tu định huệ. Vì thế nên lúc ban đầu phải lập đạo tràng. Hành giả trải qua 21 ngày đầu lễ Phật và sám hối. Cũng như cái chén cần rửa cho sạch mới có thể đựng Ðề hồ được. Hành giả phải nhứt tâm thật hành như vậy, thì thân mới được thanh tịnh. Trong 21 ngày, hoặc căn lành phát hiện, hay có cảm ứng: Hành giả thấy được điềm lành, thời thân tâm sẽ được khoan khoái.*

*“Cảnh giới tốt”:  Như ở trong chiêm bao thấy Phật, hoặc khi làm lễ sám hối thấy  hào quang v.v...*

**5. PHẬT DẠY AN CƯ 3 THÁNG THEO BỒ TÁT THỪA**

- Này Thiện nam! Nếu gặp đầu mùa Hạ 3 tháng an cư, thì hành giả phải an trụ nơi hạnh thanh tịnh của Bồ tát, tâm lìa tư tưởng của Thinh văn, không nhờ đồ chúng.

Ðến ngày an cư, hành giả phải đối trước Phật phát nguyện như vầy: “Con là Tỳ kheo (tên gì) hoặc Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc hay Ưu bà di, nguyện tu theo hạnh tịnh diệt của Bồ tát thừa, trụ trì nơi thật tướng, lấy đại Viên Giác làm Già lam (chùa). Thân tâm con an cư  nơi “Bình đẳng tánh trí” hay “Tự tánh Niết bàn”, không có hệ thuộc xứ sở.

Con nay chẳng y theo Thinh văn, con kính thỉnh mười phương chư Phật và các vị Bồ tát cùng với con đồng làm pháp an cư 3 tháng. Con vì một nhơn duyên lớn là tu Bồ tát hạnh, cầu chứng quả Vô thượng Diệu Giác, nên không hệ phược đồ chúng.

Tu như thế mãn 3 thời kỳ rồi, tùy ý hành giả ra vào vô ngại. Ðây gọi là Bồ tát thị hiện an cư.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này chia làm 3 phần:*

*1. Phật dạy hành giả lập thời kỳ tu tập như vậy chưa đủ mà phải an cư 3 tháng, bắt đầu từ rằm tháng tư đến rằm tháng bảy âm lịch. Người phát tâm Bồ đề tu theo Viên Giác, thì phải an cư theo Bồ tát hạnh. Nghĩa là không cần phải tập chúng an cư theo luật Tiểu thừa, mà tâm của hành giả phải luôn luôn an trụ nơi hạnh thanh tịnh của Bồ tát. Bởi thế nên trên nguyên văn kinh nói: “Tâm rời tư tưởng của Thinh văn, không nhờ đồ chúng”.*

*2. Ðến ngày an cư, hành giả phải đối trước Phật bạch như vầy:*

*“Con tên... thọ giới Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc (Thiện nam) hay Ưu bà di (Tín nữ); nay y theo pháp Đại thừa, tu theo hạnh tịch diệt của Bồ tát, lấy Viên Giác làm chùa, thân tâm con thường an trụ nơi “Tự tánh Niết bàn” hay “Bình đẳng tánh trí”.*

*3. Hành giả đối trước Phật phát nguyện rằng:*

*“Con nay vì muốn tu hạnh Viên Giác, nên không theo luật an cư của Thinh văn (Tiểu thừa) không tập chúng tăng an cư, mà con chỉ cầu thỉnh 10 phương chư Phật và Bồ tát cùng với con làm pháp an cư trong 3 tháng”. Hành giả an cư như thế 3 tháng, sau khi mãn thời kỳ rồi, tùy ý đi tới lui không ngại.*

*Chữ “****Tịch diệt****”: Diệt các phiền não, tâm được tịch tịnh, tức là nói: y theo tâm chơn như không sanh diệt mà tu.*

*Chữ “****Thật tướng****”: Tướng chơn thật, tướng này không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm, không bị thời gian thay đổi, không gian chuyển dời, tức là chỉ cho “Chơn như thật tướng”, cũng là cái biệt danh “Viên Giác”.*

*“****Viên Giác làm chùa****”: Tiểu thừa an cư thì lấy sự tướng là cảnh chùa (Già lam) của mình ở, làm nơi tu hành, Bồ tát an cư thì lấy lý tánh là Viên Giác làm chùa của mình ở tu, nên nói: “Lấy Viên Giác làm chùa”.*

*“****Bình đẳng tánh trí****”: Hành giả đã an cư nơi thật tướng, tức là tánh Viên Giác, nên 6 căn ở thân không tạo nghiệp, 6 thức không dong ruỗi theo 6 trần.*

*Lúc bấy giờ 5 thức trước, chuyển lại làm “Thành sở tác trí”; thức thứ 6 chuyển thành “Diệu quan sát trí”.*

*Khi hành giả chưa an trụ nơi Viên Giác, thì thức thứ 7 này chấp ngã, nhơn, bỉ thử. Ðến khi hành giả an trụ nơi Viên Giác, thì thức thứ 7 chuyển thành “Bình đẳng  tánh trí”. Lúc bấy giờ thức thứ 8 không còn bị thức thứ 7 chấp làm “Ngã” nữa, nên thức thứ 8 chuyển thành “Ðại viên cảnh trí”.*

*Chữ “****Niết bàn tự tánh****”: Cũng gọi là “Tánh tịnh Niết bàn”, tức là biệt danh của Chơn như hay Viên Giác.*

*Chữ “****Không hệ thuộc xứ sở****”: Tiểu thừa an cư phải có cảnh chùa để làm  đạo tràng xứ sở. Ðến như Bồ tát thì chỉ lấy “Niết bàn tự tánh” làm Đạo tràng, nên nói: “không hệ thuộc xứ sở”.*

*Chữ “****Vô thượng Diệu giác****”: Quả vị Phật sáng suốt (Giác) mầu nhiệm (Diệu) không có quả vị nào trên (Vô thượng)*.

**6. KHI THẤY THẮNG CẢNH, HÀNH GIẢ CHỚ NÊN CHẤP TRƯỚC**

- Này Thiện nam! Như chúng sanh đời mạt pháp muốn tu hành để cầu đạo Bồ tát, trong khi vào tu 3 thời kỳ này, nếu thấy có các thắng cảnh hiện ra, mà không đúng như hành giả đã nghe thấy, thì quyết không nên chấp thủ.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này Phật dạy hành giả khi tu, nếu thấy hiện ra cảnh giới thù thắng, không nên luyến trước.*

*Hành giả khi dụng công tu hành, cố nhiên sẽ có cảnh giới thù thắng lạ thường hiện ra. Song, nếu sanh tâm chấp trước, không phân biệt chánh tà, thì hành giả dễ mắc lưới Ma. Cho nên hành giả phải thấy các cảnh giới ấy đúng như sự nghe học của mình, nghĩa là lời Phật dạy, hoặc Thiện Tri thức bảo hay trong kinh sách dạy như thế nào, thì khi các cảnh ấy hiện ra phải đúng như thế ấy, mới gọi là chơn chính. Trái lại là Ngũ Ấm Ma hiện (nên xem đoạn Ngũ Ấm Ma, trong kinh Lăng Nghiêm)*

*Phàm người tu hành, không ai chẳng nhơn nghe hiểu rồi sanh lòng tin, nhơn có tin mới tu, nhơn tu mới có chứng, chứng là kết quả của nghe, tin và tu. Thế nên tin, hiểu, tu và chứng trước sau phải hiệp nhau. Nếu chỗ chứng (cảnh giới hiện ra) không hiệp với sự nghe, thì bất luận hiện ra cảnh giới thiện hay ác, cũng đều là Ma cả.*

**7. TU CHỈ (XA MA THA)**

- Này Thiện nam! Như có các chúng sanh tu pháp “Chỉ” (Xa ma tha) trước giữ chỗ chí tịnh (rất yên lặng) không khởi vọng niệm nhớ nghĩ; do yên lặng tột bực, nên trí giác hiện ra. Như vậy từ khi mới bắt đầu tịnh và ở một thân, cho đến khắp cả một thế giới đều tịnh. Cũng thế, “Trí giác” bắt đầu hiện ra ở một thân cho đến khắp cả một thế giới đều “Giác”.

- Này Thiện nam! Khi “Trí giác” đã hiện khắp một thế giới, thì trong thế giới ấy nếu có một chúng sanh nào, móng lên một niệm, lúc bấy giờ hành giả đều biết cả. Cho đến trăm ngàn thế giới cũng thế.

Các cảnh giới ấy, nếu không phải đúng như sự nghe của hành giả, thì quyết chẳng nên chấp thủ.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật dạy hành giả khi tu Ðịnh, đến chỗ tột bực, nên trí giác (huệ) phát sanh. Bởi từ một thân tịnh cho đến một thế giới tịnh, nên trí giác phát ra cũng từ một thân cho đến khắp cả thế giới. Vì cả thế giới đều là “trí giác” của hành giả, nên có một chúng sanh nào vừa móng niệm, thì hành giả đều biết hết.*

*Song những cảnh giới đã hiện ra, phải đúng như sự thấy nghe mà hành giả đã từng nghe Thiện Tri thức hay trong kinh chỉ dạy, như thế cảnh thấy mới chánh. Nếu trái lại là Ngũ Ấm Ma hiện.*

*Ngài Như Sơn nói: “Vì toàn cả thế giới đã thành “giác” nên chúng sanh toàn ở trong giác tánh của hành giả. Bởi thế nên khi chúng sanh khởi ra một niệm gì, thì hành giả đều biết cả. Cũng như bóng đã hiện trong gương, nên gương chiếu không sót”.*

*Trong kinh Viên Giác lược sớ chép: Hành giả tin, hiểu, tu, và chứng tuy thứ lớp không đồng, nhưng phải không khác. Nghĩa là: “Hiểu là hiểu theo chỗ mình Tin, Tu là Tu theo chỗ mình hiểu. Chứng là chứng theo chỗ mình Tu. Nay những cảnh giới của hành giả chứng, nếu không phải đúng như chỗ hiểu, tin và tu, thì không nên chấp thủ”.*

**8. TU QUÁN (TAM MA BÁT ĐỀ)**

- Này Thiện nam! Nếu chúng sanh tu pháp “Quán”, thì trước phải nhớ tưởng mười phương các đức Phật và các vị Bồ tát, rồi y theo các pháp môn của Phật dạy đó mà siêng năng cần khổ tuần tự tu hành, đặng thành tam muội và phát nguyện rộng lớn, tự huân tập thành chủng tử. Trong lúc tu, nếu có hiện ra những cảnh giới gì mà không đúng như chỗ nghe của hành giả, thì chớ nên chấp thủ.

**LƯỢC GIẢI**

*Phật dạy người tu “Quán”, trước phải nhớ tưởng các đức Phật và Bồ tát rồi y theo các pháp môn của Phật dạy mà siêng năng khổ hạnh tuần tự tu hành để thành tam muội. Và phải phát đại nguyện huân tập vào tâm thức của hành giả để thành chủng tử.*

*Trong khi tu, nếu có những cảnh giới gì hiện ra mà không đúng như chỗ của hành giả đã nghe thầy bạn dạy bảo, hay trong kinh luật chỉ giáo, thì không nên chấp thủ; vì đó là Ma hiện.*

“**Tam muội**”: Xem đoạn giải thứ 2 trong Chương Phổ Hiền Bồ tát.

**9.** **CHỈ QUÁN SONG TU (THIỀN NA)**

- Này Thiện nam! Nếu có chúng sanh muốn tu Thiền na (Chỉ quán song tu) thì trước phải tu pháp môn sổ tức; trong tâm hành giả biết rõ được mỗi niệm khi sanh, trụ, dị và diệt; phân biệt được ranh giới và số mục của các niệm. Cho đến khắp cả bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi). Hành giả cũng đều hiểu biết phân biệt được rõ ràng số mục các niệm. Lần lượt tăng tiến cho đến trong trăm ngàn thế giới, dù vật nhỏ như một hạt mưa, hành giả cũng đều biết hết; cũng như con mắt thấy các vật dụng. Trong khi tu nếu thấy có hiện ra cảnh giới gì không đúng như sự thấy nghe của hành giả, thì không nên chấp thủ.

Ðây là phương tiện đầu tiên tu hành của hành giả, tức là ba pháp quán. Nếu các chúng sanh tinh tấn siêng tu ba pháp quán này được hoàn toàn, tức là Như Lai xuất hiện ở thế gian vậy.

**LƯỢC GIẢI**

*Ngài Viên Giác Bồ tát hỏi Phật: Hành giả đối với 3 pháp quán, tu pháp nào trước? Phật dạy trước tu pháp “Chỉ”, giữa tu pháp “Quán”, sau “Chỉ, Quán song tu”.*

*Ðoạn này Phật dạy “Chỉ, Quán song tu”. Người tu pháp này, trước phải tu pháp Sổ tức (đếm hơi thở). Nhờ có điều hòa hơi thở, nên tâm được tịnh (Chỉ); nhờ tâm được tịnh nên những vọng niệm thô tế, khi sanh, trụ, dị và diệt, giới hạn của nó dài ngắn, lâu mau, nhiều hay ít, hành giả đều biết được hết (Quán).*

*Hành giả tịnh tọa, dụng tâm tu pháp quán như vậy, khi mới thành công, thời trong tất cả thời gian động tịnh như đi, đứng, nằm ngồi v.v... hành giả đều hiểu biết phân biệt được rõ ràng, mỗi niệm, khi sanh, trụ, dị và diệt, giới hạn dài ngắn hay lâu mau và ít nhiều v.v...*

*Ðến lúc thành công hoàn bị, thì trong trăm ngàn thế giới, có những vật gì, cho đến có bao nhiêu hạt mưa, hành giả cũng đều biết được hết. Không phải hành giả hiểu biết một cách lờ mờ, mà hiểu một cách rõ ràng; cũng như mắt xem thấy các sự vật thụ dụng vậy.*

**10. TÓM TẮT**

- Này Thiện nam! Nếu chúng sanh đời mạt pháp, tâm muốn cầu đạo, nhưng vì nghiệp chướng đời trước nặng nề, căn tánh ám độn, nên tu hành khó thành tựu, thì phải siêng năng sám hối; thường sanh tâm trông mong đoạn trừ các phiền não: thương, ghét, tật đố, dối nịnh v.v... và tìm cầu quả vị cao thượng thù thắng.

Ðối với 3 pháp quán thanh tịnh này, tùy hành giả tu một pháp. Nếu tu pháp quán này không thành tựu thì tu pháp quán khác, phải lần hồi cầu chứng, chớ nên thối tâm buông bỏ.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý đoạn này Phật dạy: Nếu chúng sanh đời sau căn tánh ám độn, nghiệp chướng nặng nề, muốn cầu Phật đạo, nhưng không thành tựu, thì phải siêng năng sám hối, tâm thường trông mong đoạn các phiền não. Ðối với 3 pháp quán, nếu tu pháp này không thành tựu thì tu pháp khác, dốc lòng cầu chứng Ðạo, không nên thối tâm.*

**11. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN**

Khi ấy đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa này, nên nói bài kệ rằng:

Viên Giác ông nên biết:  
Tất cả các chúng sanh  
Muốn cầu đạo Vô thượng,  
Phải lập ba thời kỳ:  
Hai mươi mốt ngày đầu  
Sám hối nghiệp vô thỉ,  
Vậy sau chánh suy nghĩ;  
Nếu phi cảnh đã nghe,  
Thì chẳng nên chấp thủ.  
Pháp “Chỉ” rất tịch tịnh,  
Pháp “Quán” chánh nhớ nghĩ,  
Thiền na rõ đếm hơi,  
Thế gọi là tịnh quán.  
Người siêng năng tu tập,  
Thế gọi Phật hiện thế.  
Kẻ độn căn chẳng thành,  
Thì phải siêng sám hối  
Các tội từ vô thỉ.  
Các tội chướng tiêu rồi,  
Cảnh Phật liền hiện trước.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðại ý bài kệ này Phật dạy các chúng sanh muốn cầu đạo Vô thượng Bồ đề, thì phải phân ba thời kỳ tu tập. Khi vào tịnh thất, trong 21 ngày đầu, hành giả phải chí tâm sám hối các nghiệp chướng từ vô thỉ, sau rồi chánh tâm suy nghĩ.*

*Trong lúc tu, như có hiện ra cho cảnh giới gì, nếu không đúng với chỗ thấy nghe của hành giả, thì chớ nên chấp thủ.*

*Nếu hành giả siêng năng tu tập ba phép quán thanh tịnh là: Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu, thì gọi là Phật hiện thế.*

*Nếu người nào căn tánh ám độn không thể tu ba pháp môn này được, thì nên siêng sám hối các tội từ vô thỉ; khi các tội chướng tiêu diệt rồi, thì cảnh Phật liền hiện ra trước mặt.*

**C. PHẦN LƯU THÔNG**

# **Bài thứ 12: CHƯƠNG HIỀN THIỆN THỦ**

**1. NGÀI HIỀN THIỆN THỦ BỒ TÁT HỎI PHẬT**

Khi ngài Hiền Thiện Thủ Bồ tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi quỳ thẳng chắp tay bạch Phật rằng:

- Bạch đức Ðại Bi Thế Tôn, ngài đã vì chúng con và các chúng sanh đời sau, rộng rãi giảng dạy cho chúng con hiểu ngộ được những việc không thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn:

- Kinh Ðại thừa này tên gì?

- Chúng con làm sao phụng trì?

- Chúng sanh tu theo kinh này sẽ được công đức gì?

- Chúng con làm sao bảo hộ những người thọ trì kinh này?

- Phải truyền bá kinh giáo này ở địa vị nào?

Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ tát, thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn kinh này có hai phần:*

*a. Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ tát tán thán Phật, vì chúng sanh giảng giải những việc không thể nghĩ bàn*

*b. Bồ tát hỏi Phât năm điều*

*1. Kinh này tên là kinh gì?*

*2. Làm sao phụng trì?*

*3. Chúng sanh tu theo kinh này sẽ được công đức gì?*

*4. Làm sao bảo hộ những người thọ trì kinh này?*

*5. Truyền bá kinh này ở địa vị nào?*

**2. PHẬT KHEN NGÀI HIỀN THIỆN THỦ BỒ TÁT**

Khi ấy đức Thế Tôn khen ngài Hiền Thiện Thủ Bồ tát và dạy rằng:

- Này Thiện nam, hay lắm và quý lắm! Ông vì các vị Bồ tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai tên kinh và công đức trì kinh này, các ông nên chăm chú nghe lời ta chỉ giáo.

**LƯỢC GIẢI**

*Vì muốn cho mưa Pháp gội nhuần chúng sanh đời sau, nên ngài Hiền Thiện Thủ Bồ tát đứng lên hỏi Phật về việc thọ trì và truyền bá kinh này. Ðoạn này Phật khen ngài Hiền Thiện Thủ và bảo phải chăm chú nghe lời Phật chỉ giáo.*

**3. PHẬT NÓI TÊN KINH NÀY**

- Này Thiện nam! Kinh này không phải chỉ một mình ta nói, mà các đức Phật trong 10 phương nhiều như trăm ngàn muôn ức lần số cát sông Hàng, cũng đều nói kinh này. Các đức Phật trong 3 đời đều bảo hộ kinh này. Mười phương các vị Bồ tát đều quy y kinh này. Kinh này là tròng con mắt của 12 bộ kinh. Kinh này có 5 tên:

1. Ðại Phương Quảng Viên Giác Ðà La Ni kinh.

2. Tu Ða La Liễu nghĩa kinh.

3. Bí mật Vương Tam muội kinh.

4. Như Lai quyết định cảnh giới kinh.

5. Như Lai tạng tự tánh sai biệt kinh.

Các ông phải hết lòng cung kính phụng trì kinh này.

**LƯỢC GIẢI**

*Kinh này nói về tánh “Viên Giác”. Người  ngộ nhập được tánh Viên Giác thì thành Phật, còn không ngộ được thời làm chúng sanh.*

*Mục đích của Phật ra đời là độ chúng sanh thành Phật song chúng sanh có nhập Viên Giác mới được thành Phật. Vì thế nên hằng sa đức Phật ra đời, đều nói kinh Viên Giác.*

*Vì kinh Viên Giác rất quý báu như thế, nên các đức Như Lai trong 3 đời thường giữ gìn và bảo hộ kinh này. Mười phương các vị Bồ tát cũng đều quy y kinh này, vì quy y kinh này là quy ý tánh Viên Giác.*

*Giáo pháp của Phật tuy nhiều, nhưng tóm lại chia ra có 12 bộ kinh, tức là 12 loại kinh. Kinh nào cũng đều nhắm một mục đích là dạy chúng sanh tu hành thành Phật; mà muốn thành Phật thì phải nhập Viên Giác. Bởi thế nên kinh này “tròng con mắt” của 12 bộ kinh.*

*“****12 Bộ kinh****”: Phật ra đời thuyết pháp 40 năm, tóm lại có 3 tạng: Kinh, Luật, và Luận; phân ra 12 bộ, tức là 12 loại.*

*Có bài kệ tóm 12 bộ kinh:*

***Trường hàng, Trùng tụng và Cô khởi***

***Thí dụ, Nhơn duyên cùng Tự thuyết***

***Bổn sanh, Bổn sự, Vị tằng hữu***

***Phương quảng, Luận nghị và Ký biệt***

*Kinh này có nhiều đức tánh và nhiều công dụng nên có nhiều tên:*

***a. Ðại Phương Quảng Viên Giác Ðà La Ni kinh***

*Tánh Viên Giác Quảng đại phương viên bao trùm và gìn giữ các Pháp.*

*“Ðà La Ni”, Tàu dịch là “Tổng Trì”: Bao trùm và gìn giữ. Đà La Ni có bốn thứ:*

*1. Pháp Ðà La Ni: Chỉ một chữ, một danh hiệu hay một câu, mà bao trùm tất cả chữ, tất cả danh hiệu và tất cả câu.*

*2. Nghĩa Ðà La Ni: Như nói Chơn như, Duy tâm, Duy thức, Pháp giới v.v... đều đã tóm thâu sự vật sai biệt.*

*3. Ðịnh Ðà La Ni: Do sức Ðịnh mà tinh thần thống nhứt tập trung lại, nên phát huy được lực lượng rất mạnh, nhờ đó mà thành tựu được nhiều môn Ðịnh (Ðịnh Tổng Trì).*

*4. Chú Ðà La Ni: Tức là thần chú. Do hành giả tập trung tinh thần trì chú, nên có sức mạnh làm cho hành giả được toại bản nguyện của mình.*

***b. “Tu Ða La Liễu Nghĩa”****. Chữ “Tu Ða La”, tàu dịch là “Khế kinh”. Nghĩa là kinh này hiệp với chơn lý và căn cơ của chúng sanh.*

*Chữ “Liễu Nghĩa”:  Nghĩa lý rốt ráo đứng đắn. Kinh của Phật có hai loại:*

*1. Bất Liễu Nghĩa kinh là những bộ kinh Phật tùy quốc độ, tùy thời đại và tùy căn cơ, mà phương tiện nói ra, như các kinh về Tiểu thừa, nghĩa lý chưa rốt ráo.*

*2. Liễu Nghĩa kinh là những bộ Kinh nghĩa lý rốt ráo đúng đắn. Phật nói đúng chân lý không có tùy thời tùy cơ v.v... Như các kinh Ðại thừa. Kinh “Viên Giác” đây thuộc về kinh Liễu Nghĩa.*

***c. “Bí mật Vương Tam muội”****. Chữ “Tam muội” tức là “Tam ma địa”, Tàu dịch:*

*1. Ðẳng trì*

*2. Chánh định*

*3. Chánh thụ*

*4. Chánh tư duy*

*Viên Giác Tam muội này cao cả hơn các pháp Tam muội cho nên gọi là “Vương” (Vua).*

*Chữ “Bí mật”. Pháp Viên Giác Tam muội này, duy có Phật mới hoàn toàn thấu rõ được; ngoài ra như chúng sanh thời không biết, cho đến bực đẳng giác Bồ tát cũng chưa có thể thấu tột được, cho nên nói là “bí mật”.*

*d.****“Như Lai quyết định cảnh giới kinh”****. Cảnh giới Viên Giác này duy có đức Như Lai mới quyết định chứng nhập được. Từ bực Đẳng giác Bồ tát trở xuống, ở trong vòng cầu chứng nhập, nên chưa quyết định được.*

*e.****“Như Lai tạng tự tánh sai biệt kinh”****. Chữ “Như Lai tạng”, nghĩa là “Như Lai” còn tại triền. Bởi các vọng huyễn chưa viễn ly. Giác tánh chưa phát hiện. Nghĩa là “quả đức Như Lai” còn bị tiềm tàng ẩn phục trong tâm của chúng sanh; tức là tánh Viên Giác còn bị triền phược vậy.*

*Chữ “Tự tánh”: Tánh Viên Giác tuy ở trong hiển vọng mà vẫn sáng suốt thanh tịnh không thay đổi, nên gọi là “tự tánh”.*

*Chữ “Sai biệt”: Tánh Viên Giác tùy duyên ứng hiện ra các pháp sai khác, nên gọi là “sai biệt”.*

**4. PHẬT NÓI CÔNG ĐỨC TRÌ KINH NÀY**

- Này Thiện nam! Kinh này nói về cảnh giới của Như Lai, nên duy có Phật mới hay biết, còn các vị Bồ tát và chúng sanh đời sau, chỉ y theo đây tu hành lần hồi tiến đến địa vị Phật.

Này Thiện nam! Kinh này tên “Ðại thừa đốn giáo”. Những chúng sanh đốn cơ mới có thể do kinh này được khai ngộ. Kinh này cũng tiếp độ các chúng sanh về tiệm tu. Bởi thế nên kinh này cũng như biển cả, không nhượng các dòng sông nhỏ. Lớn như Thần A Tu La và nhỏ như loài mòng muỗi, uống nước biển đều no bụng cả.

Này Thiện nam! Giả sử có người dùng toàn 7 món báu, chứa đầy cả đại thiên thế giới, đem ra bố thí; công đức của người ấy rất lớn, nhưng không bằng có người nghe tên kinh này, cho đến chỉ nghe nghĩa một câu, công đức người này nhiều hơn.

Này Thiện nam! Giả sử có người giáo hóa chúng sanh tu hành chứng được quả A la hán nhiều đến trăm lần số cát sông Hằng, nhưng không bằng có người giảng nói kinh này, cho đến rất ít là chỉ giảng nửa bài kệ, công đức của người sau này nhiều hơn.

Này Thiện nam! Nếu có người nghe kinh này tin tưởng không nghi ngờ, thì biết người đó đã trồng phước huệ không những ở một đời Phật, hoặc hai đời Phật, mà người này đã trồng căn lành từ nhiều đời Phật, như số cát sông Hằng; cho nên nay nghe đến kinh này mới hay tin thọ.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðoạn này có 5 phần:*

*I. Kinh này nói về cảnh giới Viên Giác nên duy có Phật mới hay thấu triệt, còn từ các vị Bồ tát trở xuống chỉ y theo đây tu hành mà thôi.*

*II. Kinh này thuộc về Ðại thừa Đốn giáo, nên rất hợp với những người căn cơ Ðại thừa đốn ngộ. Song kinh này cũng tiếp độ các người căn cơ Tiểu thừa tiệm tu; thí như biển cả không nhượng các dòng sông. Tất cả chúng sanh lớn như A Tu La (dụ Đại thừa) nhỏ như mòng muỗi (dụ Nhị thừa) uống nước biển đều được no cả.*

***“Ðốn giáo”****. Ngài Hiền Thủ phân Tam tạng kinh giáo của Phật làm năm thời:*

*1. Tiểu (Tiểu thừa)*  
*2. Thỉ (Đại thừa Thỉ giáo)*  
*3. Chúng (Ðại thừa rốt sau)*  
*4. Ðốn (Ðại thừa đốn giáo - Chữ “Ðốn” là mau lẹ, nhanh chóng)*  
*5. Viên (Ðại thừa viên mãn)*

*Ngài Thiên Thai lại phân làm bốn thời:*

*1. Tạng (Tiểu thừa tạng giáo)*  
*2. Thông (Thông đến Đại thừa)*  
*3. Biệt (Đặc biệt Ðại thừa)*  
*4. Viên (Đại thừa Viên giáo)*

*III. Phật dạy người thọ trì kinh này, công đức quý hơn người bố thí bảo vật. Người dùng bảy món báu đụng đầy cả Ðại thiên thế giới, đem bố thí cho chúng sanh, công đức của người ấy tuy lớn, nhưng thuộc về phước hữu lậu, nên chỉ hưởng trong một thời gian rồi hết. Không bằng người nghe tên kinh này, cho đến chỉ nghe một câu  nghĩa, tuy rằng ít, nhưng đã gieo được hạt giống vô lậu thanh tịnh, không sớm thì muộn, thế nào cũng được quả vô lậu, nên quý hơn tài thí.*

*IV. Người giảng kinh này, công đức nhiều hơn người giáo hóa vô số hàng Nhị thừa. Vì giáo hóa vô số người chứng quả Nhị thừa, công đức tuy lớn, nhưng chỉ thuộc về Tiểu thừa quả, nên không bằng người y theo kinh Liễu Nghĩa Ðại thừa giảng nói một câu hay một bài kệ, làm cho người ngộ được tánh Viên Giác, không sớm thì chày người ấy quyết định sẽ được thành Phật. Ví như các ngôi sao tuy nhiều, nhưng sáng không bằng một mặt trăng.*

*V. Người nghe kinh này mà sanh tâm vui mừng, ham mộ và tin tưởng, không nghi ngờ, thì biết người này đã có trồng hạt giống Đại thừa, từ nhiều đời đức Phật.*

**5. PHẬT KHUYÊN CÁC ĐỆ TỬ PHẢI BẢO HỘ CHO NGƯỜI TRÌ KINH NÀY**

- Này Thiện nam! Các ông phải bảo hộ những người tu hành đời mạt pháp, chớ để cho các loài ác ma và ngoại đạo làm não loạn thân tâm của người tu hành, khiến cho họ thối tâm.

**LƯỢC GIẢI**

*Ðời mạt pháp, chúng ngoại đạo tà sư rất thạnh hành, hay làm nhiễu loạn người tu hành. Nếu không bảo vệ giữ gìn, thì hành giả sẽ bị chúng ma nhiễu hại, rồi phải thối chí ngã lòng.*

**6.** **CÁC VỊ THIỆN THẦN PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ NGƯỜI TU HÀNH**

Khi ấy ở trong pháp hội có tám vạn Thần Kim Cang như ông Hỏa Ðầu Kim Cang, Tồi Toái Kim Cang, Ni Lam Bà Kim Cang, cùng với quyến thuộc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi kính cẩn lạy Phật và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng sanh đời sau, có người nào thọ trì kinh Ðại thừa này, thì chúng con nguyện bảo hộ người ấy như giữ gìn tròng con mắt; cho đến chỗ đạo tràng của người này tu hành, chúng con cũng nguyện dẫn hết binh tướng đến đó, sớm chiều bảo hộ, khiến cho họ chẳng thối chuyển. Chỗ nhà cửa của người này ở, hằng không có tai chướng, các tật bịnh đều tiêu hết, của báu giàu có, thường chẳng thiếu thốn.

Khi ấy ông Ðại Phạm Vương và 28 vị Thiên Vương, cùng ông Tu Di Sơn Vương và Hộ Quốc Thiên Vương v.v... đều đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, kính cẩn lạy Phật và thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện bảo hộ người thọ trì kinh này, thường được an ổn, tâm chẳng thối lui.

Khi ấy có Ðại Lực Quỷ Vương, tên là Cát Bàn Trà cùng với 10 vạn Quỷ Vương, đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi lạy Phật và thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện sớm chiều hộ vệ người thọ trì kinh này, khiến cho họ không thối lui. Chỗ của người trì kinh ở, trong khoảng một do tuần (10 dặm) nếu có chúng quỷ thần nào đến xâm phạm cảnh giới này, thì chúng con sẽ đập nó nát như vi trần.

Khi ấy tất cả Ðại chúng như các vị Bồ tát, Thiên Long, Quỷ thần, quyến thuộc của 8 bộ Quỷ Thần và chư Thiên, Phạm Vương v.v… nghe Phật nói kinh này rồi đều hoan hỷ, tín thọ và phụng hành.

**LƯỢC GIẢI**

*Chương thứ 12 này là nói về việc truyền bá lưu thông. Thính chúng trong pháp hội, trên từ các vị đại Bồ tát dưới cho đến chúng quỷ thần, nghe Phật nói kinh này, từ chương thứ nhứt là Chương Văn Thù, cho đến chương thứ 11 là Chương Viên Giác rồi, tất cả đều lấy làm quý báu vô cùng, lợi lạc cho chúng sanh vô tận, nên hớn hở vui mừng, tín thọ và phụng hành. Bởi thế nên các vị Thiện Thần đều phát nguyện bảo hộ kinh và triệt để ủng hộ người thọ trì đọc tụng kinh này.*

*Chúng ta chắc đã có trồng căn lành từ nhiều đời trước, cho nên hôm nay mới có diễm phúc được nghe kinh này. Ước mong quý vị mỗi người nên phát Bồ đề tâm tu hành và truyền bá kinh này được phổ cập quần sanh. Thế là chúng ta đã đền đáp được ơn Phật mà cũng thực hành theo hạnh Phật là “Tự giác giác tha, giác hạnh Viên Giác”.*